

VIẸT NAM

**Nh̃nh gĩu Tr̃ch nhiệ̃m Tai ch̃nh
Quõc gia**

Tháng 10 năm 2001

*Báo cáo do Ngân hàng Thế giới thực hiện với sự cộng tác
của các cơ quan Chính phủ Việt Nam*



Mở đầu

Nhánh giải Trách nhiệm Tài chính Quốc gia (NGTNTCQG) là nhánh giải chuẩn đoan mọi trường quản lý tài chính quốc gia. Mục đích của nó là giúp cho bên vay và Ngân hàng nhánh giải và quản lý rủi ro khi công quy mô thể bỏ sót đúng sai mức mức; xác định những rủi ro chính, thiếu hụt về năng lực và các trôi ngai cho số tiền bỏ giúp chính phủ xây dựng chiến lược cải cách và trợ giúp cho việc thiết kế ra một chương trình nâng cao năng lực quản lý tài chính trong khu vực nhà nước và ngoài quốc doanh.

Bản NGTNTCQG này được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến chất chế của Ban Tài chính, cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước và các cơ quan khác của Chính phủ Hội Kế toán Việt Nam, các công ty kiểm toán lớn, một số doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), các thành viên thuộc công nông các nhà tài trợ cũng được tham vấn và cho ý kiến nông góp. Đoan nghiệp của Ngân hàng đã thực hiện NGTNTCQG vào tháng 9 năm 2000, tiếp sau đó vào tháng 10 và 11 năm 2000 đã thảo luận và thống nhất các kiến nghị chủ chốt với Chính phủ. Một bản dờ thảo này đã được trình bày trong hội thảo ngày 14 tháng 6 năm 2001 và đã được trao đổi chi tiết trong tuần 25 tháng 6 năm 2001. Các thành viên trong Đoan gồm ông Behdad Nowroozi, Trưởng Đoan, ông Bernard Donge và bà Mông Thủy, tổ vấn, ông Nguyễn Văn Minh, chuyên gia kinh tế bà Đông Nữ Quyên, cán bộ giải ngân, và ông Lê Việt Hưng, cán bộ quản lý tài chính. Ông Kazi Matin, chuyên gia kinh tế trưởng đã cung cấp các ý kiến tổ vấn và hướng dẫn. Các ông Douglas Arnold, John Fitzsimon, và Winod Sahgal đã cho ý kiến nhận xét. Bà Bertin Lopez đã hỗ trợ chuẩn bị báo cáo. Đoan cảm ơn số hội tài và ý kiến tổ vấn của ông Andrew Steer, Giám đốc quốc gia, và các quan chức liên quan, đặc biệt là ông Bùi Văn Mai, Vui trưởng và ông Năng Thái Hưng, Phó Vui trưởng và các chuyên viên của Vui Chế độ Kế toán, Ban Tài chính.

Các quan chức, chuyên viên chính phủ và chuyên gia sau này đã tham gia hội thảo và thảo luận dờ thảo Báo cáo Nhánh giải Trách nhiệm Tài chính Quốc gia: ông Bùi Văn Mai, ông Năng Thái Hưng, bà Phùng Thị Đoan, ông Ngô Nội Chí, bà Hà Thị Tôông Vy, ông Vũ Văn Hưng, ông Trần Việt Hưng, ông

Nguyễn Văn Bảy, bà Phạm Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Lan Anh, bà Nguyễn Xuân Thảo, ông Đỗ Đình Thanh Hiền, ông Vui Văn Quyền, ông Võông Tiến Thuận, ông Nguyễn Văn Bằng, bà Nguyễn Thị Thu Hiền, ông Nguyễn Trọng Liễu (Bộ Tài Chính); ông Nguyễn Lê Hùng, ông Trần Mạnh Hải (Khoa bác Nha nội); ông Ngô Cao Nại, bà Nguyễn Châu Liên (TCTy Hàng không Việt Nam); ông Trần Xuân Huân, ông Hoàng Sơn, ông Nguyễn Ninh Hữu, ông Mai Vinh, ông Nguyễn Văn Hiền, ông Nguyễn Văn Quốc, ông Nguyễn Văn Hưng (Kiểm toán Nha nội); ông Nguyễn Ngọc Châu, ông Phạm Văn Khoan (Trường Nại học Tài chính và Kế toán Hà Nội); bà Nguyễn Bích Hồng, ông Phạm Tiến Phong (Ngân hàng Nha nội Việt nam); bà Phan Thị Hoa (TCTy Dầu khí Việt Nam); ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Nguyễn Ngọc Khoa (Bộ Kế hoạch và Nại tố); ông Lương Cao Khải, bà Nguyễn Thị Kim Xuân, ông Nguyễn Ngọc Lộc (Thanh tra Nha nội); ông Ngô Ngọc Noan, ông Lê Quang Ngọc (Công ty Dịch vụ tài chính, kế toán và kiểm toán, AASC); bà Thái Thanh Hải, ông Trần Việt Ngọc (Công Ty Kiểm toán Việt Nam, VACO); ông Ninh Văn Xien, ông Vũ Ngọc Mạnh (Hội Kế toán Việt Nam), và một số người khác.

NGTNTCQG nội thực hiện nhiệm vụ có những kiến thức hiện có và bổ sung vào các nghiên cứu trước đây nhờ báo cáo chung IMF-WB về Minh bạch Ngân sách (tháng 6 năm 1999), Nại giải Chi tiêu Công do Nhóm Công tác của Chính phủ và các nhà tài trợ tiến hành (tháng 12 năm 2000) và Nghiên cứu Chẩn đoán về Kế toán và Kiểm toán của ADB (tháng 11 năm 2000).

NGTNTCQG nại giải các yếu tố có bản sau đây về trách nhiệm giải trình tài chính trong các khu vực nội và ngoại quốc doanh: kế toán khu vực công, hệ thống kiểm soát nội bộ và chức năng kiểm toán nội bộ hệ thống lương vốn và các quy trình liên quan ở cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp nại phòng, cũng như tài các DNN; báo cáo tài chính trong khu vực nội; các chức năng giám sát liên quan đến việc sử dụng các nguồn lực công, bao gồm chức năng kiểm toán bên ngoài, nghiệp vụ kế toán; thông lệ kế toán và kiểm toán trong khu vực ngoại quốc doanh và DNN; và một số yếu tố nại hành công ty liên quan đến các doanh nghiệp ngoại quốc doanh và DNN. NGTNTCQG không xem xét các vấn đề liên quan đến tính minh bạch trong quy trình ngân sách vì các vấn đề này nội nội xem xét nại trong các nghiên cứu trên.



**Việt Nam:
Đánh giá trách nhiệm tài chính
quốc gia**



Tóm tắt báo cáo

1. Việt Nam đang trong quá trình cải cách nền kinh tế bằng cách nới ra thóc hiện các cơ chế thị trường và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Cũng nhờ một số nước đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức trong việc hoàn thiện luật pháp và quy chế tăng cường các thể chế và xây dựng năng lực, nâng cao trách nhiệm giải trình tài chính. Mặc dù việc nhanh chóng nới lỏng tất cả các yêu cầu của nền kinh tế thị trường là không thể tránh khỏi, nhưng vẫn coi tập trung một số yêu cầu nổi bật và thực hiện hàng loạt biện pháp thích ứng với môi trường Việt Nam. Cùng với thời gian, cách tiếp cận dần dần hiện đang được Chính phủ Việt Nam thực hiện sẽ dần tới những thành tựu rõ ràng về trách nhiệm giải trình tài chính.

2. **Những tiến bộ gần đây.** Trong hai năm qua, Chính phủ đã thực hiện những biện pháp cải cách quan trọng, bao gồm các biện pháp tạo thuận lợi cho ngoài thương mại, môi trường việc tham gia thị trường của tổ chức và phát triển các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã đăng ký sở hữu DNNN, cải thiện khuôn khổ của nghiệp vụ ngân hàng thanh toán, và tăng cường tính minh bạch của ngân sách. Những hoạt động cụ thể bao gồm:

- Quyết toán ngân sách 1997 và kế hoạch ngân sách 1999 đã được công bố lần đầu tiên vào giữa năm 1999.
- Thông tin về ngân sách được cung cấp cho các tổ chức tài chính và các nhà tài trợ quốc tế theo phân loại phù hợp với Thông lệ tài chính chính phủ (của Quỹ Tiền tệ quốc tế) cũng nhờ cho tất cả các cơ quan Chính phủ liên quan.
- Các xã phường phải niêm yết công khai ngân sách tài trợ xã phường.
- Các quy chế về năm bảo đảm an toàn vốn, cho vay của bên liên quan,

các hoạt động ngoại hối, thanh tra ngân hàng, thế chấp, bảo hiểm tiền gửi
nội nước thông qua và thực hiện.

- Một số chuẩn mực kế toán và kiểm toán nội nước soạn thảo và ban hành,
và Bộ Tài Chính coi kế hoạch ban hành thêm các chuẩn mực nữa trong
những năm tới.

3. Việt Nam đã và đang thực hiện các bước quan trọng để hoàn thiện luật
và quy chế nhằm bảo đảm quản lý chi tiêu công có hiệu quả hơn, và tạo môi
trường thuận lợi hơn cho khu vực ngoại quốc doanh. Luật Ngân sách số 1
đã có hiệu lực. Luật Doanh nghiệp mới đã và đang hình thành cho việc
thực hiện công tác hiệu hành công ty. Tuy nhiên rất nhiều những tiến bộ quan trọng
trong thời gian gần đây nhờ cung cấp nhiều thông tin về tài chính công hơn,
những thách thức đang khắc phục vẫn còn ở trước mắt. Những thách thức
này cần được giải quyết trong một môi trường với một khung pháp lý chung
cho cái cách xử lý với trách nhiệm giải trình tài chính. Bản tóm tắt này đưa
ra những nét đại cương của chúng ta, để xuất các thành tố của một chiến lược
chung và khuyến nghị các biện pháp thực hiện chính.

Các quy trình và thủ tục kế toán, báo cáo và kiểm soát khu vực công.

4. **Các yêu cầu về kế toán:** Các yêu cầu về kế toán là khái niệm về hệ
thống sổ sách cần một chi tiêu số liệu và báo cáo cần lập. Tuy nhiên vẫn
chưa có sự thống nhất giữa hệ thống kế toán sử dụng tại cơ quan Ngân
sách, Kho bạc và Thuế dẫn đến thông tin không thống nhất. Do đó các cơ
quan chức năng chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc tuân thủ ngân
sách không nhận được thông tin thống nhất để thực hiện chức năng này một
cách hiệu quả. Hệ thống hạch toán chi tiêu công cũng còn nặng về thu thập
số liệu qua chi tiết để phục vụ tổng hợp vào các báo cáo mà chưa chú ý
phân biệt giữa số liệu quan phục vụ cho việc lập báo cáo và số liệu phục
vụ cho việc phân tích và quản lý. Do vậy, cấp quản lý cao hơn không thể
sử dụng các báo cáo này một cách hiệu quả vì không có sự phân tích và số
biến động của chi tiêu và các ngoại lệ nội hối các nhà ra quyết định phải
rất biệt quan tâm.

5. Chính phủ đã xây dựng một chương trình cải cách chi tiêu công. Bộ Tài
chính đã thể hiện mối quan tâm rất lớn với việc thực hiện một hệ thống
quản lý tài chính tích hợp và sẽ tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế
giới để làm việc này. Chiến lược cải cách cũng rất trọng tâm vào việc xem
xét lại chức năng của các vụ trong Bộ Tài chính và các yêu cầu báo cáo của
hội, và nên giải quyết quy trình và thủ tục và thực hiện một hệ thống lập
dự toán kế toán và kế toán ngân sách tích hợp có sử dụng một cơ sở dữ
liệu chung. Chính phủ đang coi kế hoạch hoặc cần xem xét thực hiện các
bước sau đây:

- Xem xét lại nhu cầu về báo cáo của các vĩ quản lý của Bộ Tài chính và sắp xếp hợp lý hệ thống báo cáo, bao gồm cả mẫu biểu báo cáo.
- Hợp lý hoá các yêu cầu về kế toán công. Ví dụ, thiết lập các thủ tục kế toán nộp tiền cho các cơ quan nhồi với các giao dịch nộp tiền và thủ tục phối tập hơn nữa với các cơ quan có các hoạt động phối tập, ưu tiên các chi tiết nội dung ghi vào các Sổ Cái phụ trội.
- Tiến hành các bước cần thiết cho việc thực hiện hệ thống quản lý tài chính tích hợp (HTQLTCTH) nhằm cung cấp các số liệu tài chính kịp thời, thích hợp và tin cậy hơn cho việc quản lý hiệu quả các nguồn lực nhà nước.
- Xem xét việc thành lập một Hội đồng công nghệ thông tin (IT) trên diện rộng toàn chính phủ với các thành viên từ các bộ khác nhau và những thành viên có liên quan khác. Xây dựng chiến lược công nghệ thông tin cho Chính phủ nói chung và cho chương trình cải cách quản lý tài chính công nên thực hiện trong 5-10 năm tới.
- Nộp báo cáo báo số dùng báo cáo số nói nhở một công cụ quản lý chi không chừa lại nên xin các cơ quan cấp cao hơn phê duyệt quyết toán.

6. **Theo dõi và thẩm tra.** Các yêu cầu của hệ thống kế toán chi tiêu công (Quyết định 999) là rất toàn diện và chi tiết. Chính bản chất của các yêu cầu này gây khó khăn cho việc tuân thủ của tất cả các đơn vị, đặc biệt là ở cấp thấp hơn. Do nội dung tập trung chuyển sang các hoạt động cốt lõi tuân thủ để đảm bảo hơn, nghĩa là kiểm tra và thẩm tra các hoạt động chính của các khoản thanh toán và theo dõi các khoản rút tiền ngân sách. Vì vậy, mục tiêu chủ chốt của hệ thống kế toán chi tiêu công có hiệu quả - nghĩa là theo dõi thông xuyên và hiệu quả việc thực hiện ngân sách nhà nước với mục tiêu năm báo số dùng có hiệu quả các quy trình - chừa nội dung chủ yếu nên này nếu do nhà quản lý tiến hành thẩm tra một cách máy móc các khoản thanh toán và các khoản thu.

7. Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Hợp lý hoá các quy định về kiểm soát nội bộ giữa Kho bạc Nhà nước (KBNN) và các đơn vị thu hộ ngân sách và báo năm có số phần định rõ trách nhiệm nên tránh trung lập hoặc chồng chéo về chức năng. Các đơn vị thu hộ ngân sách cần phải chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của một khoản chi xét trên khía cạnh hoạt động của đơn vị và Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về mặt quản lý tài chính.

8. **Thông tin và giám sát ở các cấp chính quyền khác nhau.** Hiện tại, rất ít thông tin về chi tiêu công ở cấp chính quyền thấp nhất có sẵn ở cấp trung ương do chưa hạch toán một cách đúng đắn các hàng mục ngoài ngân sách và do không phải mỗi khoản chi của xã nếu nội dung thể hiện trong ngân sách nhà nước. Số thiếu thông tin này biết liên quan nên nêu ra và kết quả chi

tiêu, vì vậy các ngành không thể phân giải được xem liệu việc chi tiêu thực tế của các tỉnh và các cấp chính quyền thấp hơn có nhất quán với các chính sách ngành hay không. Hơn nữa, việc ghi chép và báo cáo số liệu cũng không thống nhất giữa các bộ. Không thể so sánh số chi tiêu thực tế với số dự toán ở mỗi chi tiết vì việc phân bổ ngân sách và chi ngân sách từ kho bạc số dùng 11 hàng mục ngân sách trong khi nội các nộp và thu hộ ngân sách và Bộ Tài chính quyết toán chi tiêu chi tiết theo toàn bộ mục lục ngân sách. Chi tiêu được quyết toán theo các hàng mục tài chính chứ không theo các mục tiêu. Cần có nhiều thông tin hơn và thông tin tốt hơn về tác động của chi tiêu. Đây là một tiền đề cho việc nâng cao trách nhiệm và kết quả hoạt động. Cần phải làm cho các cấp tỉnh và huyện chịu trách nhiệm hoàn toàn và kết quả thực hiện các chương trình này được thống nhất với chính quyền trung ương. Những trách nhiệm này cần phải gắn liền với việc phân cấp quyền hành và nguồn lực cần thiết.

9. Nếu cải thiện lương thông tin tài chính và thực hiện ngân sách, Chính phủ đang đòi hỏi thực hiện các bước sau đây:

- Hoàn thành nhanh giải việc thực hiện Luật Ngân sách để tạo linh hoạt hơn cho các cấp chính quyền thấp hơn bằng cách cho hỏi nhiều quyền tài chính hơn và được linh hoạt hơn trong việc đặt ra các ưu tiên của nhà phòng trong việc sử dụng công quỹ phục vụ lợi ích của công chúng nhà phòng.
- Nỗn giảm hoạt các thủ tục theo dõi ngân sách bằng cách: i) phân rnh rõ trách nhiệm theo dõi và báo cáo ở cấp quốc gia và đối quốc gia, và ii) thiết kế lại hệ thống báo cáo để phân ánh các trách nhiệm này được sốa mới của mỗi cấp chính quyền.

10. Hiện tại chưa có bộ phận duy nhất trong Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc chuẩn bị các báo cáo quản lý tài chính cho toàn bộ chính phủ. Có một bộ phận nhỏ và vô cùng quan trọng nối với việc đòi hỏi thực hiện một hệ thống quản lý tài chính tích hợp (HTQLTCTH). Việc này có thể làm theo hai bước. Khi chính phủ có sử dụng kế toán trên cơ sở tiền mặt (thực thu thực chi), trách nhiệm kế hợp này có thể do Kho bạc đảm nhiệm. Tuy nhiên, khi chuyển sang sử dụng nguyên tắc kế toán dồn tích, trách nhiệm này chỉ có thể thực hiện bởi một đơn vị chịu trách nhiệm riêng lẻ hơn trong nội can bao gồm cả trách nhiệm và chính sách kế toán cho toàn bộ chính phủ. Đây là một cách làm phổ biến ở các nước khác như Canada hay Oktralyia là các nước có cơ quan Tổng Kế toán.

11. Nếu tăng cường sự phối hợp chung về kế toán và báo cáo tài chính trong khu vực nhà nước, Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Xem xét việc giao cho (hay thành lập) một đơn vị duy nhất trong Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về mọi vấn đề kế toán và báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TÀI CHÍNH TRONG KHU VỰC CÔNG

12. Công cơ sở trung lập về quy mô công việc và công chế độ năng giữa Thanh tra nhà nước, Kiểm toán nhà nước và Ban thanh tra tài chính của Bộ Tài chính trong các lĩnh vực thanh tra và kiểm toán khu vực nhà nước. Sở dĩ bố trí hiện nay không hiệu quả Căn hợp lý hoá vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nói trên là bởi nhằm rằng mỗi đơn vị có một chức năng rõ ràng, riêng biệt và bổ sung cho nhau. Kiểm toán nhà nước hiện bản cấp như kỹ cho Thủ tướng và cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi có yêu cầu. Các bản cấp kiểm toán chưa nước công bố công khai. Phạm vi công việc của Kiểm toán nhà nước chủ yếu tập trung vào các vấn đề tài chính thuế và tài chính chưa chủ yếu này nếu tôi hiểu quả và hiệu suất của việc sử dụng các nguồn lực nhà nước do khai thác và nguồn lực có hạn. Mặc dù các cơ quan kiểm toán và thanh tra đã áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro, tuy nhiên công chưa hoàn toàn theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế

13. Chiến lược cải cách căn tập trung vào: i) tăng công hiệu quả của các cơ quan giám sát tài chính bằng cách sắp xếp hợp lý hoá vai trò và trách nhiệm của các cơ quan giám sát tài chính nên tồn tại loại bỏ sở trung lập gây lãng phí, ii) thông qua và thực hiện các phương pháp kế toán và thanh tra hiện nay hơn nữa nhằm giảm một số này nếu và hiệu quả của các dịch vụ nước cung cấp cho công chúng, iii) cải tiến quy trình giám sát nên bản nhằm nước một cách thoải mái không phải tuyệt đối rằng công tồn tại và tài chính nhờ đổi mới, và không thôi vấn đề đặt trong tâm nhó nhau và tính kinh tế hiệu suất và hiệu quả của các hoạt động. Việc thực hiện một chiến lược như vậy có thể nước làm theo trình tự nhó sau: sửa đổi các luật và quy chế liên quan, sắp xếp tổ chức lại các cơ quan liên quan, thông qua áp dụng các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế nhó với khu vực nhà nước, và cung cấp nhó tạo.

14. Về cải tiến công tác kiểm toán và thanh tra trong khu vực nhà nước, Chính phủ đang có kế hoạch hoặc cần xem xét thực hiện các bước sau này:

- Nổi ra một hình giải toán diện và khuôn khổ và chế độ năng giám sát nên làm rõ vai trò và trách nhiệm; loại bỏ sở trung lập trong công việc và sửa đổi mục tiêu nên chung nhất quán với các thông lệ quốc tế tốt nhất. Sửa đổi các luật, nghị định và quy chế liên quan về Công quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước và Bộ Tài chính nên chung phân định vai trò và trách nhiệm nhó nước phân định rõ ràng.
- Tăng công năng lực kỹ thuật cho các cơ quan giám sát.
- Nhanh việc ban hành các văn bản pháp luật về kiểm toán (Hiện nay, một đổi thay về pháp lệnh kiểm toán nhà nước nâng nước chuẩn bị).
- Công khai các bản cấp kiểm toán.

khởi vọng các nhà hỗ trợ cho việc xây dựng năng lực nhằm cải tiến việc quản lý các nguồn lực của mình. Nếu thực hiện các mục tiêu này, coi một số mô hình kiểm soát nội bộ sẽ được sử dụng rộng rãi (như là COSO).

KHUÔN KHỔ THỂ CHẾ ĐỂ THIẾT LẬP CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN, CHO VIỆC ĐIỀU TIẾT VÀ GIÁM SÁT NGHIỆP VỤ TRONG KHU VỰC NGOÀI QUỐC DOANH

19. Hội Kế toán Việt Nam (HKTVN) vẫn yêu cầu và không thực hiện vai trò của mình nhờ một hội nghề nghiệp. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán. Chưa có quy tắc nghề nghiệp chuẩn mực riêng về tổ chức và nội dung của kiểm toán viên. Ngoài các tham chiếu trong các nghị định và quy chế Bộ Tài chính có một chiến lược toàn diện phát triển các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán và nội dung những tiến bộ nhất định. Gần đây, Ngân hàng Thế giới đã phê duyệt một Quy hoạch phát triển thể chế (IDF) nhà hỗ trợ nội lực của Chính phủ Việt Nam trong việc hoàn thiện các thông lệ kế toán và kiểm toán. Nội lực các nội lực về hợp lý hoá các quy chế kế toán và kiểm toán, ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán mới, thống nhất các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán áp dụng cho DNNN với các tiêu chuẩn ôi khu vực ngoài quốc doanh và nâng cao vai trò của HKTVN.

20. Cải cách của Chính phủ cũng cần tập trung vào củng cố vai trò và năng lực quản lý của HKTVN để nội lực thể có vai trò chủ động hơn trong việc đưa ra các tiêu chuẩn, và tập trung vào tăng cường các kỹ năng nghiệp vụ của các kiểm toán viên và các kế toán viên.

THÔNG LỆ VỀ BÁO CÁO VÀ KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH TRONG CÁC DNNN VÀ DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

21. Hệ thống kế toán Việt Nam (HTKTVN) đang trong quá trình phát triển nên chưa hoàn toàn tuân thủ với các tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống này còn nặng quy định về tài khoản và là một hồ sơ dẫn ghi chép số sách kế toán. Nội dung tách bạch rõ ràng các nguyên tắc cơ bản ví dụ như nguyên tắc hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính chịu ảnh hưởng của báo cáo thuế (ví dụ, đời sống toán bỏ không nội lực khấu trừ). Mọi doanh nghiệp đều phải tuân thủ HTKTVN. Chính phủ đang tiến hành một kế hoạch tổng thể để cải tiến các chuẩn mực kế toán theo hướng tuân thủ với các chuẩn mực quốc tế có sửa đổi cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

22. Tại Việt Nam, các DNNN không thực hiện cung một mức độ về việc công bố thông tin, kỳ luật tài chính và kiểm toán nội lực lập hồ khu vực ngoài quốc doanh. Vì vậy, Chính phủ cần hướng tới một khuôn khổ pháp luật duy nhất,

hệ thống yêu cầu duy nhất về kế toán và kiểm toán cho các DNNN và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trong nội bộ gồm các quy định và quy chế rõ ràng và có thể so sánh được với các tiêu chuẩn quốc tế

23. Các DNNN không cần phải thực hiện các quy định về kiểm toán do Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước ban hành mà còn chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan chính phủ khác. Điều này dẫn đến việc chậm trễ trong hoàn thành và công bố báo cáo quyết toán. Mục tiêu kiểm toán DNNN cần môi trường hơn ra nên xem xét tính kinh tế hiệu lực và hiệu quả của hoạt động chi tiêu không nên chỉ giới hạn ở việc tuân thủ DNNN cần được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán hàng năm theo các tiêu chuẩn áp dụng cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (hiện nay, DNNN do các công ty kiểm toán của nhà nước kiểm toán mà các công ty này có thể không hoàn toàn độc lập). Tuy nhiên, công ty kiểm toán nhà nước có thể tiến hành kiểm toán tính kinh tế và hiệu suất.

24. Chiến lược cải cách cần tập trung vào: i) hoàn thiện các quy định và thông lệ kế toán và kiểm toán lên tới mức phù hợp với thông lệ tốt nhất của quốc tế ii) tăng cường nỗ lực to lớn để xây dựng năng lực và kỹ năng; iii) báo năm kiểm toán DNNN một cách độc lập hơn; iv) hợp lý hóa các quy trình và thủ tục kiểm toán và thanh tra áp dụng cho các DNNN; v) hợp lý hóa các tiêu chuẩn kiểm toán áp dụng cho DNNN cũng như tiêu chuẩn cho khu vực ngoài quốc doanh với mục tiêu là hợp nhất hai tiêu chuẩn nội và vi) sửa đổi các quy định về Kiểm toán Nhà nước để môi trường trách nhiệm giám sát của cơ quan này nên bao gồm cả nhiệm vụ hành chính của các kiểm soát nội bộ của đơn vị nước kiểm toán cũng như hành vi giải thích kinh tế hiệu suất và hiệu quả trong hoạt động của đơn vị này.

25. Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Nhanh việc ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán phù hợp với chuẩn mực quốc tế
- Áp dụng các chuẩn mực kế toán và kiểm toán của nước cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh cũng như cho DNNN càng sớm càng tốt.
- Yêu cầu các DNNN lớn (các Tổng công ty) phải được kiểm toán tại chính hàng năm theo các chuẩn mực phù hợp với chuẩn mực kiểm toán quốc tế

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CỦA DNNN VÀ DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

26. Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Giám đốc (ở Việt Nam gọi là Hội đồng Quản trị) và của Ban Quản lý (ở Việt Nam là Tổng Giám đốc) không

riêng. Vai trò của ban kiểm soát (một ban do HĐQT của DNNN và do các công nhân của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh bổ nhiệm) không ngừng và không phù hợp với thông lệ tốt nhất trên thế giới. Kiểm soát nội bộ yêu cầu. Ban Kiểm soát có chức năng kép và giám sát (thông lệ vai trò của Hội đồng Quản trị) và kiểm tra nội bộ thực hiện thông lệ chức năng của Tổng Giám đốc). Hai chức năng này khác nhau. Kết hợp hai chức năng này lại với nhau sẽ dẫn đến nhầm lẫn về trách nhiệm.

27. Ban Kiểm soát có vai trò hạn chế theo Luật Doanh nghiệp nhà nước và Luật Doanh nghiệp, trong đó vai trò của nó gồm có thanh tra và nhiều tra khía cạnh tài chính và tuần hoàn nghiệp vụ. Nhiều nay không phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất nơi hội ban kiểm soát phải thực hiện trách nhiệm giám sát và không tham gia vào hoạt động nghiệp vụ.

28. Chiến lược cải cách cần tập trung vào: i) bước các DNNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh phải tuân thủ cung một bộ luật và các yêu cầu về vai trò và trách nhiệm nội bộ với ban quản lý nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, trong việc tuân thủ các thông lệ quốc tế tốt nhất; ii) sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước và Luật Doanh nghiệp để xác định lại và nâng cấp chức năng của Ban Kiểm soát lên mức của một Ban kiểm toán; và iii) tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ trong các DNNN và doanh nghiệp bằng cách thông qua áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiện tại và nâng cao chức năng kiểm toán nội bộ.

29. Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Cần nhắc việc soạn thảo một Luật tổng hợp cho DNNN và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để các yêu cầu giống nhau về quản lý nội bộ và theo dõi có hiệu lực cho cả hai loại doanh nghiệp. Sau đó tăng cường trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp tổng hợp bằng cách nâng cấp luật nội bộ mỗi tài liệu của các thông lệ quốc tế tốt nhất.
- Xem xét việc thành lập Học viện Đào tạo Giám đốc nhờ một cơ quan nghiệp vụ để tăng cường kỹ năng và kiến thức cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Đào tạo các kế toán viên, kiểm toán viên, các thành viên của các ban kiểm soát và ban quản lý công ty về vai trò nhà nước nâng cao của Ban Kiểm soát.
- Xem xét việc thành lập một Học viện kiểm toán viên nội bộ nhờ một cơ quan nghiệp vụ để tăng cường kỹ năng và kiến thức cho kiểm toán viên nội bộ và cung cấp cho hội nghề nghiệp là kiểm toán viên nội bộ.

30. **Nhà nước:** Trách nhiệm giải trình tài chính trong các khu vực nhà nước và ngoài quốc doanh, một khía cạnh quan trọng trong khuôn khổ nhiều hành, nơi hội quản lý chặt chẽ mọi nguồn lực, cải thiện khu vực ngoài quốc doanh và khu vực nhà nước. Những khía cạnh cốt lõi của quản lý tài chính và mô

lành mạnh bao gồm báo cáo rõ ràng, minh bạch và nâng tin cậy về kết quả công việc, một hệ thống kiểm tra chéo nhằm giảm nhẹ những rủi ro về lãng phí và lạm dụng các quy trình, một cơ chế nội bộ ba tháng tra thông tin do chính phủ cung cấp, và toàn trình quyền và khả năng tiếp cận thông tin của công chúng về các quy trình ra quyết định của Chính phủ

31. Một hệ thống trách nhiệm tại chính công có hiệu quả chủ yếu trong việc "nhiều hành" tại chính công chủ yếu tập trung vào "quản lý" theo cách truyền thống. Nhiều nay nói tới phải có những cơ quan ngoài các cơ quan hành pháp nhờ cơ quan lập pháp, các cơ quan kiểm toán bên ngoài và các cơ quan nghiên cứu, xã hội dân sự và công chúng. Nội dung nhận mạnh là việc đặt trọng tâm vào một khía cạnh trách nhiệm giải trình tại chính công mà bỏ qua các khía cạnh khác thì sẽ không đạt được mục tiêu phát triển.

32. Hiện tại, rõ ràng là có một mối lo ngại về rủi ro tại chính nhất định trong việc sử dụng các nguồn lực như nước do quy trình ngân sách còn chừa rỗng, khả năng tiếp cận của công chúng tới thông tin tại chính của Chính phủ còn hạn chế và sẽ giảm sút hiệu quả về mặt pháp luật còn chừa rỗng thiết lập này nữa. Các cơ quan chịu trách nhiệm báo năm tuần thu trách nhiệm giải trình tại chính cũng còn yếu kém, trên thực tế kết quả kiểm toán chừa rỗng công bố công khai và hệ thống báo cáo còn chừa rỗng cho việc theo dõi một cách có hiệu quả những việc đang xảy ra. Hiện tại, trách nhiệm nói với người dân về sử dụng các khoản thu của Chính phủ và về chất lượng quản lý ngân sách nói chung còn chừa rỗng này nữa các chuẩn mực tối thiểu của Quy tắc minh bạch tại chính của Quyển Tiên đề quốc tế Tuy nhiên Chính phủ nên cam kết thực hiện các bước để nâng cấp các tiêu chuẩn này.

33. Nói chung, rủi ro tại chính có thể quản lý được nếu với các hàng mục ngân sách nếu Chính phủ thực hiện các bước nêu trong bảng dưới đây cũng nhờ các bước này cam kết trong Năm giải chi tiêu công-2000 (NGCTC-2000). Rủi ro hiện nay cao nhất với các quy trình ngân sách là các quy trình không phải tuân thủ các quy chế kiểm soát và giảm sút tiêu chuẩn. Rủi ro ô nhiễm môi trường và tràn ngập thêm do thiếu các kỹ năng và kinh nghiệm trong kế toán và kiểm toán. Mặc dù gần đây, thông tin tổng hợp từ ngân sách năm nước công bố những số liệu về các báo cáo tại chính công, đặc biệt là của các DNN, vẫn còn chừa rỗng.

34. Chính phủ nên thực hiện các cải tạo quan trọng nếu cải thiện sử dụng minh bạch của ngân sách trong hai năm gần đây không vẫn còn những thách thức lớn. Chính phủ nên thông qua thực hiện các khuyến nghị của báo cáo NGCTC-2000 và nâng yêu cầu sử dụng của Ngân hàng thế giới nếu xây dựng một hệ thống quản lý tại chính tích hợp. Trong bối cảnh nội việc xem xét các khuyến nghị của Năm giải trách nhiệm tại chính quốc gia này có thể rất hữu ích.

35. **Phông hông ñi lein:** Những ñoi lọc tăng công trach nhiệm giải trình tài chính trong khu vực ña ñoïc cần tập trung vào việc nâng cấp hệ thống quản lý tài chính của Chính phủ, hợp lý hoá các quy trình và thủ tục, hợp lý hoá và củng cố các cơ quan chịu trach nhiệm báo ñảm trach nhiệm giải trình tài chính ñối với Công ñoïc một yêu cầu khẩn cấp về cải tiến công tác báo cáo và kiểm toán tài chính cũng như ñều hành doanh nghiệp ngoài quốc doanh và DNNN. Nhiều ñoi hỏi ñi ñấy lại những tiến bộ ñều ñều ñi ñang trong tất cả các lĩnh vực trach nhiệm tài chính công và tở. Bảng Các bước tiếp theo ñi ñều ñấy ñều ra một khung thời gian cụ thể thể hiện ñoïc - trong giai ñoàn ngắn hạn và trung hạn - ñối với các khuyến nghị chính của Báo cáo ÑGTNTCOG.

Đánh giá trach nhiệm giải trình tài chính của nước Việt Nam		
Lịch biểu ñiển về các bước tiếp theo		
Mục tiêu	Biện pháp	Khung thời gian
<i>Làm cho số liệu tài chính kịp thời hơn, thích hợp hơn và ñáng tin cậy hơn cho công tác quản lý các nguồn lực công cộng</i>	a. Xem xét lại chức năng của các đơn vị khác nhau trong MOF và hợp lý hoá các yêu cầu báo cáo.	Ngắn hạn (1 năm)
	b. Sắp xếp hợp lý hoá các luật, quy chế và nghị ñịnh liên quan tới các thông lệ kế toán và kiểm toán ở khu vực công cũng như Luật Ngân sách và các thủ tục theo ñổi ngân sách.	Ngắn hạn
	c. Xem xét việc thành lập một Hội ñồng công nghệ thông tin Chính phủ, gồm các thành viên từ các Bộ khác nhau và những cơ quan có liên quan khác.	Ngắn hạn
	d. Xây dựng chiến lược Công nghệ Thông tin tổng thể cho Chính phủ.	Trung hạn (3 năm)
	e. Tiến hành các bước cần thiết để thực hiện hệ thống quản lý tài chính tích hợp, bao gồm việc xây dựng một khuôn khổ các khái niệm.	Trung hạn đến dài hạn
	f. Xem xét việc thành lập một bộ phận (trung tâm) duy nhất trong Bộ Tài chính để chịu trach nhiệm về mọi vấn đề kế toán và báo cáo tài chính trong khu vực công.	Ngắn hạn

(Tiếp)		
Mục tiêu	Biện pháp	Khung thời gian
<i>Tăng cường trách nhiệm giải trình tài chính ở khu vực công</i>	a. Tiến hành một đánh giá toàn diện các chức năng giám sát để hợp lý hoá vai trò và trách nhiệm của các cơ quan khác nhau.	Ngắn hạn
	b. Thiết lập chức năng giám sát các tài khoản công một cách hiệu quả tại Quốc hội với trách nhiệm rõ ràng để theo dõi tài chính công. Đảm bảo rằng Kiểm toán Nhà nước có quan hệ chính thức và trực tiếp với Quốc hội. Công khai các báo cáo kiểm toán.	Trung hạn
	c. Ban hành các cuốn cẩm nang đã sửa đổi và cung cấp đào tạo.	Ngắn đến trung hạn
	d. Thông qua việc thực hiện một khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiện đại và thích hợp đối với Việt Nam.	Ngắn đến trung hạn
	e. Thông qua việc thực hiện các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế cho khu vực công.	Trung hạn
<i>Hoàn thiện khuôn khổ thể chế cho việc đặt ra các chuẩn mực kế toán và kiểm toán và cho quản lý nghiệp vụ</i>	a. Sắp xếp hợp lý hoá các luật, quy chế và nghị định khác nhau liên quan tới các thông lệ kế toán và kiểm toán trong khu vực ngoài quốc doanh.	Ngắn hạn
	b. Cũng cố Hội Kế toán Việt Nam để nó trở thành một tổ chức nghề nghiệp.	Trung hạn
	c. Đẩy nhanh tiến độ ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán đã hoàn thiện.	Ngắn đến trung hạn
	d. Thực hiện một chương trình đào tạo toàn diện về áp dụng các chuẩn mực mới.	Ngắn đến trung hạn
<i>Hoàn thiện công tác báo cáo tài chính ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh và DNNN</i>	a. Đòi hỏi các DNNN lớn (Tổng công ty) phải chuẩn bị các báo cáo tài chính theo các chuẩn mực phù hợp với chuẩn mực quốc tế và phải được kiểm toán hàng năm bởi kiểm toán độc lập.	Ngắn đến trung hạn
	b. Áp dụng các chuẩn mực kế toán và kiểm toán đã hoàn thiện cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh và DNNN lớn (Tổng công ty).	Ngắn đến trung hạn

(Tiếp)

Mục tiêu	Biện pháp	Khung thời gian
<i>Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của các DNNN và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.</i>	a. Cân nhắc việc soạn thảo một luật chung cho cả DNNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh để các doanh nghiệp này cùng phải tuân thủ các yêu cầu giống nhau về vai trò, trách nhiệm của các cấp quản lý, Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.	Ngắn đến trung hạn
	b. Xem xét việc thành lập một Học viện Đào tạo Giám đốc.	Ngắn hạn
	c. Xem xét việc thành lập một Học viện Kiểm toán viên nội bộ.	Ngắn đến trung hạn



Báo cáo chính



Quy trình kế toán, báo cáo và kiểm soát trong khu vực công

Tổng quan về các quy trình kế toán và báo cáo

1.1 Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể trong quản lý chi tiêu công và minh bạch trong chi tiêu công bằng việc ban hành Luật Ngân sách vào năm 1997 và đổi mới việc bí mật thông tin ngân sách vào năm 1999. Hệ thống chi tiêu công hiện nay có những điểm mạnh nhất như sau:

- Duy trì tổng mức chi phù hợp với các nguồn lực nhà nước sẵn có, thậm chí cải thiện tỷ lệ thu trong GDP giảm.
- Báo năm chi thức tế phù hợp với đời toán ngân sách ở mọi ngành và hiếm khi có sai lệch giữa chi thức tế và đời toán.
- Thực hiện kiểm tra và thẩm tra các hạn mức chi hàng quý

1.2 Báo cáo Năm giá chi tiêu công chung của chính phủ nhà tài trợ: Quản lý các nguồn lực nhà nước tốt hơn (Ngân hàng Thế giới-2000) nhờ trình cho Nhóm tổ vận các nhà tài trợ vào năm 2000 đã khẳng định những điểm mạnh nêu trên những cũng xác định một số yếu kém cần sửa chữa như sau:

- Số liệu ghi chép và báo cáo còn chừa nhất quản và chừa kịp thời, một phần vì các hệ thống mức lúc và kế toán hàng năm có sự sai lệch không thống nhất giữa các ngành. Hơn nữa, trách nhiệm ghi chép và báo cáo các tài khoản công lại không được nhất ở Kho bạc thuộc Bộ Tài chính.
- Vì không có sẵn số liệu nên việc theo dõi trong năm nói với các khoản chi thức tế theo tổng hàng mức chi ở cấp một và cấp hai của Bộ của Kho bạc Nhà nước và của Vụ Ngân sách Nhà nước còn hạn chế
- Số liệu chi ngân sách không toàn diện theo nghĩa nó không bao gồm các quỹ bên cạnh ngân sách và một phần của các quỹ ODA.

- Công chúng nói chung và các cơ quan chính phủ (bao gồm các cơ quan nhà phòng và các bộ ngành) cần chia sẻ và tiếp cận tối đa các thông tin chi tiết về ngân sách.

1.3 Việt Nam có các quy trình và yêu cầu rất phức tạp với đối tượng ngân sách, quyết toán và báo cáo ngân sách (xem Phụ lục 1). Các nền và sử dụng ngân sách ở mọi cấp trong khu vực nhà nước (gồm cả nền và hành chính sở nghiệp) đều phải hạch toán và lập báo cáo theo Quyết định số 999 do Bộ Tài chính ban hành năm 1996 còn hạn chế. Hệ thống kế toán nền và hành chính sở nghiệp. Số liệu các tài khoản sử dụng cho mục đích này nói tới các nền và sử dụng phải hạch toán tài sản, khấu hao tài sản, các khoản phải thu, các khoản phải trả, nguồn vốn, thu chi ngân sách, các hàng mục ngoài bảng cân đối.

1.4 Quyết định 999 xác định rõ hình thức và nội dung ghi chép hạch toán và Sơ Cãi phải giải khi sử dụng một trong ba hình thức kế toán cho phép. Quyết định này cũng nói tới thời gian thực hiện việc hạch toán kịp thời với mỗi giao dịch hàng ngày (xem Phụ lục 2).

1.5 Các số tổng phải được báo cáo hàng tháng lên cơ quan cấp trên. Khi nói các báo cáo được tổng hợp từ các báo cáo của các nền và chỉ cung cấp và sau đó được báo cáo lên cấp tiếp theo tới Vui Hành chính Sở nghiệp (HCSN) và tới Vui Ngân sách nhà nước (VNSNN) của Bộ Tài chính. Do các hoạt động kế toán của các cơ quan thuộc khu vực nhà nước chủ yếu là thủ công, các nền và sử dụng ngân sách không thể nộp ổng được các yêu cầu báo cáo hàng tháng theo Quyết định 999. Trong thời kỳ phân bổ các NVSDNS chế thực hiện báo cáo hàng quý nói tới số chi ngân sách thời kỳ số tổng thu có số kế đồ hạn mức ngân sách (HMNS). Các báo cáo này được trình cùng với yêu cầu của NVSDNS nói về HMNS cho quý tiếp theo, trong đó số kế đồ do chỉ ít hơn đối tượng thì được từ những chuyển sang tháng/quý tiếp theo (ngoại trừ cuối năm khi các thủ tục khác được áp dụng).

1.6 Theo yêu cầu của Quyết định 999 thì thu và chi được báo cáo theo mức lúc ngân sách- nghĩa là theo chủng, loại, khoản, nhóm, tiểu nhóm, hàng mục, tiểu mục- vào cuối năm. Các quyết toán năm được trình lên Vui HCSN và Vui NSNN, trong đó việc tổng hợp các số liệu được thực hiện theo Hệ thống mức lúc ngân sách nhà nước. Sau đó quyết toán ngân sách được chuẩn bị và báo cáo Quốc hội.

1.7 Chế độ báo cáo theo hệ thống thời gian nói tới phải có số nói chiểu thống nhất, công phu, giải báo cáo của các nền và tài chính cấp thấp hơn với báo cáo tổng ổng của Kho bạc Nhà nước và số kế đồ HMNS được phê duyệt và được nhận trong quý số kế đồ được chuyển từ kỳ trước sang, số kế đồ HMNS còn lại từ cuối kỳ nói tới Các yêu cầu chi tiết nói tới sẽ không là quá lớn nói tới với một môi trường kế toán được tin học hoá hoàn toàn những quá trình liên nói tới với hệ thống kế toán chủ yếu là thủ công nhờ hiện nay

ở Việt Nam. Hơn nữa, hệ thống kế toán chi tiêu nhà nước hiện nay dựa trên kiểm tra và kiểm soát của các cơ quan cấp cao hơn - một việc làm mà tác động của nó lại kéo dài ra xa hơn nội hoạt động diễn ra. Nhiều nơi làm giảm hiệu quả của việc kiểm soát.

Các yêu cầu kế toán

1.8 Các yêu cầu về kế toán: Các yêu cầu về kế toán là khái niệm về hệ thống sổ kế toán cần một nội dung và báo cáo cần lập. Tuy nhiên vẫn còn có sự thống nhất giữa hệ thống kế toán sử dụng tại cơ quan Ngân sách, Kho bạc và Thuế dẫn đến thống tin giảm sút không thống nhất. Do đó các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát tuân thủ ngân sách không nhận được thông tin thống nhất nên thực hiện chức năng này một cách hiệu quả. Hơn nữa, nội dung thông tin có sẵn trong năm, các cơ quan chức năng còn như cầu theo dõi và tuân thủ ngân sách lại không nhận được thông tin cần thiết nên thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của mình. Hệ thống hạch toán chi tiêu cũng cố gắng thu gom số liệu qua chi tiết nên sau đó số liệu này được tổng hợp vào các báo cáo mà đôi khi không có sự phân biệt giữa số liệu quan trọng và số liệu bình thường. Do vậy, cấp quản lý cao hơn không thể sử dụng các báo cáo này một cách hiệu quả vì không có phân tích và số liệu trong chi tiêu và các ngoại lệ nội hoặc các nhà ra quyết định phải cần biết quan tâm (xem Phụ lục 1)

1.9 Ví dụ, hệ thống hiện hành nội hoặc phải thực hiện bút toán kế toán kép nội với một số giao dịch mà thậm chí một hệ thống quản lý quy định trên kế toán bút toán đơn cũng đủ dùng cho nhiều hơn vì SDNS. Các quy trình nội hoặc thể hiện giảm hoạt cho những cơ quan mà bên cạnh việc hạch toán chi ngân sách chi thường xuyên còn có các khoản thu từ các hoạt động ngân sách chính, các hoạt động thông mại hoặc mua sắm tại sản có hình bằng vốn ngân sách hoặc bằng vốn vay nước ngoài. Nội với những cơ quan nhỏ vậy, các Sở Tài riêng rẽ có thể được duy trì cho các khoản chi nằm ngoài các hoạt động ngân sách chính.

1.10 Chính phủ nên xây dựng một chương trình cải cách chi tiêu công. Bộ Tài chính nên bày tỏ quan tâm tới việc thực hiện một hệ thống quản lý tài chính tích hợp và sẽ tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế giới để làm việc này. Chiến lược cải cách cũng cần trọng tâm vào việc xem xét lại chức năng của các vị trong Bộ Tài chính và các yêu cầu báo cáo của chúng, và việc đơn giản hoá quy trình và thủ tục và về thực hiện một hệ thống kế toán và đối toán ngân sách tích hợp bằng việc sử dụng một cơ sở dữ liệu chung. Nếu sắp xếp hợp lý và cải thiện hệ thống kế toán chính phủ Chính phủ cần có kế hoạch hoặc xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Xem xét lại nhu cầu báo cáo của các vĩ quan lyù khác nhau của Bộ Tài chính và sắp xếp hợp lý hoạt hệ thống báo cáo, bao gồm các các mẫu biểu báo cáo.
- Hợp lý hoá các yêu cầu về kế toán chi tiêu công. Ví dụ, thiết lập các thủ tục kế toán nòn giản cho các cô quan nhỏ với các giao dịch nòn giản và thủ tục phức tạp hơn với các cô quan có các hoạt nòng phức tạp, ôi nòi các chi tiết nòi ghi vào các Sổ Cái phui trôi.
- Tiến hành các bước cần thiết cho việc thực hiện hệ thống quản lý tài chính tích hợp (HTQLTCTH) nhằm cung cấp số liệu tài chính kịp thời, thích hợp và tin cậy hơn cho việc quản lý hiệu quả các nguồn lực nhà nòi.
- Xem xét việc thành lập một Hội nòng công nghệ thông tin (CNTT) trên diện rộng toàn Chính phủ với các thành viên từ các bộ khác nhau và các bên hữu quan khác để đảm bảo thống nhất về chuẩn mực cho việc phát triển chiến lược CNTT. Xây dựng chiến lược CNTT cho Chính phủ nói chung và cho chương trình cải cách quản lý tài chính công để thực hiện trong 5-10 năm tới.
- Nào tập cần bổ sung các báo cáo số nòi. Năm báo để hỏi hiệu rằng các báo cáo này cung cấp thông tin về một công cụ quản lý chi chòi không chòi số dùng nhằm mục đích nhận nòi số phê duyệt của các cô quan cấp cao hơn về quyết toán các tài khoản.

Những giá chỉ tiêu công cũng xác nòn những khiếm khuyết tổng tòi. Những khuyết nòn trên bổ sung cho những khuyết nòn trong NGCTC¹.

Theo dõi và thẩm tra

1.11 Việc kiểm tra và thẩm tra ôi cấp quốc gia và các cấp ña phòng là quá trình, ñặc biệt là nòi với việc tuân thủ các hạn mức giá ngân tòi ngân sách hàng quy (các hạn mức không số dùng hết trong quy ñây sẽ nòi tòi ñồng chuyển sang quy tiếp theo). Kho bạc Nhà nòi số dùng hệ thống kế toán Kho bạc, tập trung vào các khoản thu chi với các chi tiết khác phục vụ cho việc quản lý của Kho bạc. Tuy nhiên, Vui Ngân sách Nhà nòi số dùng hệ thống kế toán ngân sách và mức lúc ngân sách một cách thống nhất phục vụ cho báo cáo chi tiêu ngân sách (xem Phụ lục 1). Có số khác biệt giữa hai hệ thống kế toán ngân sách và kế toán kho bạc. Hiện nay Bộ Tài chính ñang nghiên cứu hợp nhất hai hệ thống này lại.

1.12 Theo dõi chi ngân sách thực tế theo dòng hàng mức ngân sách nòi hỏi phải thực hiện ôi cấp 1 và 2 của một bộ các Kho bạc Nhà nòi, Vui Ngân sách nhà nòi, và Vui Hành chính số nghiệp của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, do thông

1. "Việt Nam- Quản lý tốt hơn các nguồn lực nhà nước- Đánh giá chỉ tiêu công 2000, 13 tháng 12 năm 2000".mục 2.25 đến 2.30.

tin nổi chung không có sẵn trong năm nên việc theo dõi chi theo dòng hàng mục không hiệu quả. Trong tâm chế độ nhất duy nhất lên việc tuân thủ các hạn mức ngân sách. Vì vậy, mục tiêu chủ chốt của một hệ thống kế toán chi tiêu công có hiệu quả có nghĩa là theo dõi thông xuyên và có hiệu quả việc thực hiện ngân sách nhà nước với mục tiêu năm báo sẽ đúng hiệu quả các quy định - chờ chế độ chủ yếu nên này nếu do này quá thiên về thẩm tra một cách máy móc các khoản thanh toán và các khoản thu.

1.13 Nếu loại bỏ việc kiểm tra không cần thiết và theo dõi chặt chẽ, Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau:

- Xem xét và phân rã trách nhiệm kiểm tra tuân thủ hạn mức ngân sách. Ví dụ, vai trò của Kho bạc Nhà nước là báo năm rằng sẽ không giải ngân nếu NVSDNS liên quan hoạt động ngoài hạn mức ngân sách trong khi nếu mỗi NVSDNS phải kiểm tra xem có sẵn ngân sách không trước khi thực hiện cam kết chi. Không cần phải báo cáo có quan cấp cao hơn khi xảy ra chi nhiều hơn hoặc ít hơn. Nếu không có báo cáo về ngoài là thì nên phê duyệt giải ngân quy tiếp theo một cách tự động theo kế hoạch chi tiêu năm.
- Nếu tránh các chi phí nặng trung lập hoặc chặt chẽ phải phân rã trách nhiệm, trong đó các đơn vị chỉ chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của khoản chi xét trên khía cạnh hoạt động của đơn vị và Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm về tính hợp lệ về mặt tài chính.

Luồng thông tin giữa các cấp chính quyền

1.14 Hiện tại, rất ít thông tin về chi tiêu công ở cấp chính quyền thấp nhất có sẵn ở cấp trung ương do chờ hạch toán một cách riêng lẻ các hàng mục ngoài ngân sách, và do không phải mỗi khoản chi của xã nếu chế độ hiệu trong ngân sách nhà nước. Sẽ thiếu thông tin đặc biệt liên quan nên nêu ra và kết quả chi tiêu, vì vậy các bộ ngành không thể hình ảnh chế độ xem liệu việc chi tiêu thực tế của các tỉnh và các cấp chính quyền thấp hơn có nhất quán với các chính sách ngành hay không. Hơn nữa, việc ghi chép và báo cáo số liệu cũng không thống nhất giữa các bộ. Không thể so sánh số chi thực tế với số đối toán ở mỗi chi tiết vì việc phân bổ ngân sách và chi ngân sách từ kho bạc sẽ đúng 11 hàng mục ngân sách trong khi nếu các đơn vị thu hộ ngân sách và Bộ Tài chính quyết toán chi tiêu chi tiết theo toàn bộ mức lực ngân sách. Chi tiêu chế độ quyết toán theo các hàng mục tài chính chế độ không theo các mục tiêu. Cần có nhiều thông tin hơn và thông tin tốt hơn về các nguồn của chi tiêu. Đây là một tiền đề cho việc nâng cao trách nhiệm và kết quả hoạt động. Cần phải làm cho các cấp tỉnh và huyện chịu trách nhiệm hoàn toàn và kết quả thực hiện các chương trình này chế độ thống nhất với chính quyền trung ương. Những trách nhiệm này cần phải gắn liền với việc phân cấp hơn quyền hành và nguồn lực cần thiết.

1.15 Chính sách quốc gia quy định rằng theo các thông số kinh tế và các ưu tiên quốc gia do chính phủ trung ương nêu ra thì trách nhiệm nhất ưu tiên và cung cấp dịch vụ ô nhiễm phòng sẽ được ưu tiên ưu tiên tương ứng gần nhất những người hưởng lợi đời sống. Ví dụ về một thông lệ tốt nhất là ở Úc và New Zealand nơi các khoản trợ cấp ngân sách của Chính phủ liên bang tới các cấp chính quyền thấp hơn được thực hiện theo một công thức do Ủy ban trợ cấp liên bang đưa ra và theo một quy trình minh bạch và công khai để công chúng kiểm soát. Một khi các khoản trợ cấp và các thỏa thuận về báo cáo của nước hai bên nhất trí thì chính quyền nhà phòng sẽ được trao quyền lực và nguồn ngân sách cần thiết để thực hiện chương trình. Hai phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả

1.16 Nếu cải thiện lòng tin tại chính, Chính phủ cần có kế hoạch hoặc xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Hoàn thành nhanh giai đoạn thực hiện Luật Ngân sách để tạo linh hoạt hơn cho các cấp chính quyền nhà phòng bằng cách cho họ nhiều quyền tự chủ hơn trong việc đặt các ưu tiên của nhà phòng trong việc chi tiêu công quỹ vì lợi ích của các công trình nhà phòng.
- Nỗn giảm hoặc các thủ tục theo dõi ngân sách bằng cách:
 - i) Phân định rõ trách nhiệm theo dõi cấp quốc gia và nhà phòng. Ví dụ, cô quan tài chính nhà phòng (cấp huyện hoặc tỉnh) phải chịu trách nhiệm về theo dõi các khoản giải ngân chi tiết sao cho phù hợp với các yêu cầu về tài chính, kỹ thuật và bất kỳ yêu cầu nào khác. Mặt khác, các báo cáo cho cô quan cấp cao hơn cần công bố thông số chi cho kỳ nội có kiểm nhận xét về các số liệu quan trọng có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch chi hoặc thu hiện tại hoặc tổng lai.
 - ii) Thiết kế lại hệ thống báo cáo để phản ánh vai trò và trách nhiệm của nước sở tại của mỗi cấp chính quyền.
- Xem xét lại khả năng có thể áp dụng nước các yêu cầu kế toán ngân sách hiện hành để báo cáo rằng chúng thu thập được các số liệu phục vụ cho mục đích kế toán và báo cáo trong thời gian ngắn nhất và phù hợp với trình độ và năng lực của nhà phòng.

1.17 Hiện tại chưa có một nền và duy nhất trong Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc chuẩn bị các báo cáo quản lý tài chính cho toàn bộ chính phủ. Có một nền và nhờ vậy là có sự quan trọng của việc đổi mới thực hiện một hệ thống quản lý tài chính tích hợp (HTQLTCTH). Cũng cần phải phân tích các chức năng lập ngân sách và quản lý quy định ngân sách với các chức năng kế toán và báo cáo để có thể đáp ứng mọi yêu cầu của người sử dụng và để đảm bảo tính tin cậy và trung thực của các số liệu và thông tin đi ra từ hệ thống. Nền và nước giao nhiệm vụ này cần phải kết hợp chức

những hoạch định chính sách về kế toán nên nhằm bảo các quy chế và hướng dẫn tính đến chi phí và hiệu quả của các yêu cầu về thông tin và tính khai thị và nghiệp vụ (nghĩa là việc xem xét bổ sung hệ thống phải xuất phát từ các yêu cầu về kế toán hay báo cáo). Tuy nhiên, việc này có thể làm theo hai bước. Khi chính phủ còn sử dụng kế toán trên cơ sở tiền mặt (thức thu thức chi), trách nhiệm kết hợp này có thể do Kho bạc Nhà nước đảm nhiệm. Tuy nhiên, khi chuyển sang sử dụng nguyên tắc kế toán dồn tích, trách nhiệm này sẽ có thể thực hiện bởi một đơn vị có trách nhiệm riêng lớn hơn trong nội bộ bao gồm cả trách nhiệm về chính sách kế toán cho toàn bộ chính phủ. Đây là một cách làm phổ biến ở các nước khác như Canada hay Úc (Australia) là các nước có cơ quan Tổng Kế toán.

1.18 Nếu đang có song song với hợp chung nói với kế toán và báo cáo tài chính trong khu vực nhà nước, Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau đây:

- Xem xét việc giao cho một đơn vị duy nhất trong Bộ Tài chính chịu trách nhiệm về mọi vấn đề kế toán và báo cáo tài chính.

Trách nhiệm ở các cấp địa phương

1.19 Nhìn chung, hệ thống quản lý chi tiêu công và lập dõi toàn ngân sách nên kiểm soát tốt mức tổng chi trong phạm vi một số năm. Không có vấn đề chi ngân sách nên kể việc cấp phát ngân sách nước kiểm soát chặt chẽ và không có vấn đề về nội chi². Các cấp chính quyền nhà phòng nước trao quyền tối cao nên kể trong việc quyết định chi tiết các khoản chi của hội và thực hiện ngân sách một khi nhà nước duyệt. Quyền tối cao này cần đi kèm với trách nhiệm này nếu không ồng.

1.20 Nhu cầu xây dựng năng lực lập dõi toàn ngân sách, kế toán và báo cáo tài chính cần biệt cấp thiết ở các cấp tỉnh, huyện và xã

1.21 Phản cấp có thể tạo thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả tính về mặt chi phí nếu việc phản cấp đi kèm với trách nhiệm và kết quả thực hiện. Bên cạnh việc kiểm toán và kế toán tài chính tốt hơn, việc phản cấp còn nói hội phải báo cáo và theo dõi tốt hơn các kết quả chi tiêu, cần biệt là ở các cấp chính quyền thấp hơn. Nếu hành tốt, các cơ chế chịu trách nhiệm chặt chẽ và rõ ràng minh bạch của các cơ quan tài chính nhà phòng là các yếu tố thiết yếu nên báo nên tính hiệu quả của chính quyền nhà phòng. Những vấn đề này có thể nước minh họa ở trường hợp của tỉnh Hải Tây (xem Khung 1).

2 "Việt Nam - Quản lý tốt hơn các nguồn ngân sách. Báo cáo Đánh giá Chi tiêu công, 13 tháng 12 năm 2000". Mục 2.3.

Khung 1: Trường hợp tỉnh Hà Tây³

Hà Tây là một trong những tỉnh gần với thủ đô Hà Nội nhất, gồm 14 huyện thị và được chia thành 324 xã. Từ quan điểm ngân sách, tỉnh này có khoảng 700 ĐVSDNS và 146 doanh nghiệp nhà nước.

Ở cấp tỉnh, Sở Tài chính tỉnh hàng tháng báo cáo lên Vụ Ngân sách Nhà nước của Chính phủ trung ương về số thu và chi thực tế các loại chính như Lương, Chi xây dựng cơ bản, Chi thường xuyên và các khoản Ngoài ngân sách. Các thông tin này thể hiện việc tổng hợp các dữ liệu được báo cáo từ các xã tới các huyện, và từ các huyện tới tỉnh. Vào cuối năm, các quyết toán ngân sách chứa nhiều chi tiết hơn theo chương, nhóm, tiểu nhóm, các mục và tiểu mục. Tuy nhiên, không thể có được thông tin từ một số xã, vì Luật Ngân sách chỉ vừa mới được ban hành và vì chi tiêu của 201 xã trong tổng 324 xã chưa được đưa vào trong quyết toán. Đang có các nỗ lực để dần dần đưa chúng vào. Kho bạc Nhà nước tỉnh được giao trách nhiệm thực hiện rút vốn và hàng tháng thông báo cho Sở Tài chính về chi tiêu thực tế chi tiết. Các dữ liệu này được sử dụng để đối chiếu tổng chi tiêu trước khi các báo cáo được hoàn tất để gửi cho Vụ Ngân sách Nhà nước.

Ở cấp doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước báo cáo chi ngân sách hàng tháng của họ cho phòng Quản lý doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở Tài chính tỉnh. Thông tin này cũng được gửi tới Sở Công nghiệp, Cục Thuế và Chi Cục Thống kê của tỉnh. Vai trò của phòng Quản lý doanh nghiệp nhà nước là trung tâm đưa ra hướng dẫn về kế toán và báo cáo tài chính, kiểm tra sự tuân thủ tài chính thông qua kiểm tra tại chỗ trên cơ sở hàng quý, và thu thập thông tin để báo cáo cho Bộ Tài chính.

Ở cấp huyện thị, Phòng Tài chính huyện chuẩn bị ngân sách để Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, và cũng được giao trách nhiệm phân bổ ngân sách, giám sát và báo cáo cho cấp có thẩm quyền cao hơn. Ví dụ, ở huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây có 21 xã và 1 thị trấn. Do Phòng Tài chính huyện có 7 máy tính và phần mềm phù hợp do Bộ Tài chính cung cấp, phòng đã làm được báo cáo về các giao dịch của các xã hàng ngày thông qua các báo cáo giao dịch nhận được từ Kho bạc Nhà nước huyện. Phần mềm của họ sử dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, vì vậy nó sao lại các ghi chép đã được Kho bạc huyện thực hiện. Dù sao, bằng cách làm như vậy, Phòng Tài chính huyện có thể đáp ứng

(Xem tiếp trang sau)

3. Trường hợp này khẳng định và minh họa cho những phát hiện của Đánh giá Chi tiêu công - Quản lý tốt hơn các nguồn lực nhà nước, 13/12/2000". Khung 2.1

Khung 1: (Tiếp)

được thời hạn báo cáo hàng tháng cho Sở Tài chính tỉnh vào ngày 5 tháng sau. Quan điểm của Kho bạc huyện là cần gần hơn với khách hàng của mình và do đó sẽ có thể cung cấp tốt hơn các hướng dẫn và giám sát giao dịch có ảnh hưởng tới các xã. Ngoài ra còn có xấp xỉ khoảng 100 đơn vị chi tiêu trong huyện, mỗi đơn vị có nhiều hơn 1 tài khoản "ngân hàng" tại Kho bạc huyện (một tài khoản cho ngân sách và các tài khoản khác cho dự án và/hoặc các khoản tiền uỷ thác). Có một số hợp tác xã trong huyện nhưng họ không sử dụng Kho bạc huyện vì họ có tài khoản ngân hàng riêng của họ tại Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp.

Như vậy có nhiều bên liên quan trong hệ thống kiểm tra chéo phức tạp này. Nhưng nhìn chung là các bên này đang làm các công việc tương tự nếu không nói là giống nhau, và dường như là chưa có sự phân định trách nhiệm giải trình rõ ràng.

Có thể lập luận rằng trong một hệ thống như vậy, việc chi tiêu vượt mức được kiểm soát có hiệu quả. Tuy nhiên, mặt khác là trong một môi trường như vậy, các kiểm soát được xem là trách nhiệm của các cấp cao hơn trong hệ thống phân cấp, và không phải là trách nhiệm của cán bộ ở tất cả các cấp. Ngoài ra, các kiểm soát có xu hướng chỉ để tuân thủ và không được nhìn nhận như là những hành động mà các cán bộ và ban quản lý tiến hành để giúp cho một tổ chức đạt được các mục tiêu của mình.



Trách nhiệm giải trình tài chính trong khu vực công

Khuôn khổ chung

2.1 Trách nhiệm giải trình tài chính công có thể hiểu theo nghĩa laing nghĩa vui của chính phủ báo cáo cho công chúng về việc sử dụng của các nguồn lực tài chính⁴. Kiểm toán đóng vai trò quan trọng trong việc báo năm trách nhiệm giải trình. Có ba cơ quan chịu trách nhiệm kiểm toán và thanh tra trong khu vực công: Thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, và Thanh tra Tài chính của Bộ Tài chính.

2.2 Vai trò và trách nhiệm của các cơ quan này cần được hợp lý hoá nếu báo năm mỗi cơ quan có các chức năng rõ ràng, riêng biệt, và bổ sung cho nhau. Tổng cơ quan hiện nay tập trung vào số tuân thủ và các vấn đề tài chính những thiếu hụt trong hoạt động hiệu quả và hiệu lực trong sử dụng các nguồn lực công do hạn chế về khả năng và nguồn lực. Ví dụ, không có quan nào trong số những cơ quan này xem xét chất lượng của các dịch vụ mà chính phủ cung cấp cho các công dân của mình. Các cơ quan này cũng cố gắng kiểm tra từng chi tiết, đặt các vấn đề chính yếu và thời yếu quan trọng nhờ nhau bất luận rủi ro thế nào. Mặc dù các cơ quan thanh tra và kiểm toán đã có phương pháp tiếp cận một cách hệ thống dựa trên rủi ro, các phương pháp này vẫn chưa hoàn toàn theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế (xem Phụ lục 3).

4. Vụ Đánh giá hoạt động của Ngân hàng Thế giới đã xác định bảy thành phần quan trọng trong trách nhiệm giải trình tài chính công. Những thành phần này là như sau: i) chất lượng và tính công khai của qui trình ngân sách; ii) kiểm soát nội bộ thoả đáng trong chính phủ; iii) chất lượng kế toán viên nhà nước của quốc gia; iv) hiệu quả của chức năng kiểm toán công; v) mức độ kiểm tra đầy đủ của cơ quan lập pháp đối với hoạt động của cơ quan hành pháp; vi) quyền và sự tiếp cận của công chúng đối với thông tin; và vii) sự đầy đủ của các chức năng kế toán, kiểm toán, và giám sát công ty.

2.3 Các phát hiện của kiểm toán và các hành vi phạm tội. Một thủ tục tiến hành tiếp theo coi cấu trúc nội bộ thực hiện một cách coi hệ thống. Những người bị kiểm toán nội chung thực hiện các khuyến nghị kiểm toán. Các hành vi phạm tội, nếu bị phát hiện, là mức tiêu nhiều tra và quá trình luận tội dựa trên Luật Hình sự. Quá trình này không do KTNN thực hiện, mà do cảnh sát hoặc Viện kiểm sát Nhân dân thực hiện. Các hành vi phạm tội bao gồm hối lộ trên 500.000.000 đồng (36.000 đô la Mỹ). Án cấp công quy trên 500.000.000 đồng (36.000 đô la Mỹ) sẽ phải chịu án tù hình. (Khoảng một chục căn boả thuộc các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp nhà nhân án này trong một vài năm gần đây).

2.4 Kiểm soát nội bộ Tuy kiểm soát nội bộ nội xây dựng thành các thủ tục kiểm soát tài chính tại các hoạt động của chính phủ các tập quan kiểm soát tốt bao gồm môi trường kiểm soát, thông tin và liên lạc hiệu quả và nhân sự giải rủi ro, con năng thiếu. Rồi rằng là căn boả của KTNN hiệu "kiểm soát nội bộ" theo nghĩa truyền thống và không theo hình thức hiện nay của kiểm soát, tức là khuôn khổ COSO (Xem Phụ lục 4). Trong tầm kiểm soát vẫn chưa đạt và số tuân thủ các nguyên tắc và luật lệ và tính trung thực của các bản sao kế tài chính. Các khía cạnh kinh tế tính hiệu quả và tính hiệu lực của hoạt động của nội bộ chủ yếu này như Nhân sự giải rủi ro không nội tiến hành theo cách coi cấu trúc.

2.5 Kiểm toán nội bộ Vẫn còn dấu hiệu và kiểm toán bên ngoài, vì hầu hết các cơ quan của chính phủ và các doanh nghiệp nhà nước không coi boả phần kiểm toán nội bộ. Có ba lý do nội nội ra về lý giải cho việc không coi kiểm toán nội bộ (i) năng lực yếu của căn boả (ii) cơ cấu lương rất thấp dẫn tới thiếu năng lực cho căn boả và (iii) khối tuyển căn boả coi năng lực cao. Nhân thực hiện tại là căn boả vào tình trạng môi trường kiểm soát trong nội, ở Việt Nam vẫn chưa sẵn sàng cho việc thiết lập hoạt động kiểm toán nội bộ trong khu vực công. Hai lý do chính là (i) căn boả của tổng nội và coi long trung thành với nội nội của nội nội và sẽ không coi nội khách quan cần thiết, và (ii) này là một vấn đề chính trò nhậy cảm.

Cơ quan Kiểm toán Nhà nước

2.6 Cơ quan Kiểm toán Nhà nước (KTNN) thực sự môi nội thành lập gần đây (thành lập theo Nghị nội số 70/CP ngày 11 tháng 7 năm 1994) và hoạt động theo Quyết nội số 61/Ttg ngày 24 tháng 1 năm 1995. Tổng Kiểm toán Nhà nước và Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm và bãi nhiệm. Tổng Kiểm toán Nhà nước báo cáo lên Thủ tướng. Các chương trình kiểm toán nội Thủ tướng phê duyệt và các báo cáo kiểm toán nội nội trình lên Thủ tướng.

2.7 Chức năng của KTNN là nhằm giải và kháng lĩnh những vấn đề sau: (i) thực hiện các chính sách và hệ thống tài chính và kế toán, và (ii) số chính xác, trung thực và tuân thủ của các số liệu kế toán và các báo cáo tài chính. Thông qua kiểm toán, KTNN tố vấn cho những nền và nền kiểm toán hiệu chỉnh các lỗi sai và những bất thường nhằm tăng cường sự quản lý tài chính và kế toán. Tổ chức này cũng đưa ra những khuyến cáo cho các cấp thẩm quyền có liên quan về cách giải quyết những vi phạm và cách tăng cường các hệ thống tài chính và kế toán. (Nhiệm vụ này không bao gồm việc xem xét các nền kiến, do Cơ quan Thanh tra Nhà nước chủ trì không phải do KTNN giải quyết). Phạm vi kiểm toán bao gồm các báo cáo tài chính và các tài khoản ngân sách quốc gia và các báo cáo tài chính của các bộ ngành hoặc các thành phố do trung ương quản lý xây dựng cơ bản do Chính phủ cấp vốn, và các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, KTNN không đưa ra ý kiến chuyển môn về các báo cáo tài chính của Chính phủ một cách tổng thể. Phạm vi kiểm toán của KTNN bao trùm khoảng 12.000 nền và hành chính và 5.000 doanh nghiệp nhà nước.

2.8 KTNN nền tổ chức thành các bộ phận sau: (i) các nền và kiểm toán, bao gồm các nền và chuyển về kiểm toán ngân sách nhà nước, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, các chương trình quốc gia, v.v.. (ii) năm cơ quan kiểm toán khu vực, và (iii) trung tâm khoa học và bồi dưỡng cán bộ.

2.9 **Giám sát của cơ quan lập pháp, tính độc lập và tính công khai.** Giám sát của cơ quan lập pháp nói với tài chính công xoay quanh việc thực hiện chức năng hành pháp khỏi các chức năng lập pháp. Cơ quan lập pháp quy định quyền thu và sử dụng các nguồn lực tài chính và chịu trách nhiệm quản lý bộ máy hành chính của mình. Nó thực hiện chức năng kiểm soát này bằng cách xem xét và phê chuẩn ngân sách chung. Nó cũng xem xét các báo cáo ngân sách hàng năm của các nền và khu vực công, nhằm giải thích chuẩn công việc của các nền và này và đưa ra các khuyến nghị nói với cơ quan hành pháp trên cơ sở các báo cáo kiểm toán do cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện.

2.10 Xét về mặt bổn phận, miễn nhiệm, ngân sách và báo cáo, KTNN không hoàn toàn độc lập. Các phát hiện kiểm toán của nền công bố công khai một cách nếu nền mà chế coi thể nền công bố với số cho phép của Chính phủ. Chính phủ này có gắng giải quyết vấn đề này thông qua các chính sách nhằm nâng cao sự công khai và tham gia trong quá trình lập ngân sách. Chính phủ này thiết lập một cơ chế nền KTNN báo cáo cho Ủy ban Thông tin Quốc hội khi cần. Tuy nhiên mối quan hệ về báo cáo này cần trôi chảy chính thức và liên tục. Trách nhiệm giám sát trong lĩnh vực tài chính công cũng cần nền hiệu một cách rõ ràng và thực thi bởi Quốc hội. Cần nâng cao này nếu nền này báo sao cho trách nhiệm này nền thực thi phù hợp với các thông

là quốc tế tốt nhất. KTNN nâng nghiên cứu về các báo cáo kiểm toán ngân sách các tỉnh nước công bố công khai cho công chúng. Ngân hàng ứng hỗ những nỗ lực này và có thể cung cấp trợ giúp thông qua Viện Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới.

2.11 Đồng nhó nguyên tắc công khai nữa nước chấp thuận. Tuy nhiên, nhiều cơn bão rừng lại bao nhiêu và loại thông tin nào sẽ nước công bố cho công chúng biết. Là một phần của nỗ lực nâng cao số công khai, chính phủ cần xem xét việc sử dụng Tạp chí Kiểm toán và Bản tin của KTNN hoặc các cuộc họp báo làm cơ chế nữa cung cấp thông tin cho công chúng về các kết quả kiểm toán.

2.12 KTNN có kế hoạch tăng số cán bộ của mình từ 600 lên 2000, nữa bao trùm tất cả 61 tỉnh và 105 cơ quan chính phủ trung ương. KTNN cũng có kế hoạch kiểm toán các dự án xây dựng lớn, như Nông trường cao tốc Bắc - Nam. Nếu có thể thực hiện thành công các kế hoạch này, KTNN sẽ cần nữa tạo và tuyển dụng các nhân viên với các kỹ năng cao, cũng như nữa những hoạt động công việc của mình. Cũng có một nhu cầu cấp bách về việc cung cấp các tài liệu nữa tạo kỹ thuật. GTZ nữa cung cấp trợ giúp nữa nâng Nghị định số 70/CP thành Pháp lệnh (hiện giờ nữa trong giai đoạn 2). ADB cũng nữa cung cấp trợ giúp nữa xây dựng ba cảm năng về kiểm toán Khu vực công, kiểm toán Ngân sách, và kiểm toán Doanh nghiệp nhà nước.

2.13 Chính phủ với số trợ giúp của các nhà tài trợ, cần cần nhắc việc tăng công năng lực của cán bộ bao gồm cả những người ở Trung tâm Thông tin môi nước thành lập, và ờng dùng công nghệ thông tin. KTNN nữa thảo luận khả năng nhận trợ giúp kỹ thuật từ Ngân hàng Thế giới. KTNN muốn tổ chức một cuộc hội thảo với số tham gia của các bên có liên quan nữa thiết kế một dự án hỗ trợ kỹ thuật (viên trợ không hoàn lại).

Chức năng Thanh tra Tài chính ở Bộ Tài chính

2.14 Thanh tra Tài chính là một bộ phận của Bộ Tài chính. Các chức năng chính của Ban này là tiến hành các thanh tra về các vấn đề tài chính của tất cả các tổ chức chính phủ và phi chính phủ có sử dụng công quỹ soát xét và giải quyết mọi khiếu kiện và tố cáo có liên quan tới các vấn đề tài chính công. Thanh tra Tài chính có những quyền lực rộng rãi tổng tới với Thanh tra Nhà nước và Kiểm toán Nhà nước. Ban này tiến hành thanh tra trên cơ sở công trình hàng năm có tính nên phòng hộ ờng và các ờu tiên, chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, và các chính sách tài chính của nhà nước. Công trình này sử dụng khoảng 70% nguồn lực của Thanh tra Tài chính, phần còn lại nước dành cho các khiếu kiện và tố cáo không lương trước nước.

2.15 Tổng Boi chuyên ngành coi Nhon va Thanh tra của riêng mình: ví dụ, Boi Tai chính coi Thanh tra Tai chính, Boi Giao thông Vain tai coi Thanh tra Giao thông Vain tai. Do Thanh tra Nha nōoc va Kiem toan Nha nōoc coi những quyền lōic tham chí con riêng rai hōn, hai cō quan nay trōoc nay thōong lān ai Thanh tra Tai chính của các boi chuyên ngành, dān tōi rāt nhiều trung lap.

2.16 Tuy nhiên, gần nay, vain nēan nay nāi trōi nēn bōt gay gat hōn, vì cách lam nhō hien nay lān nēu mōt cō quan giam sát nāi tiến hanh thanh tra hoac kiem toan oimōt nōn va cui the nāo nōi trong mōt nām cui the nāo nōi thì hai cō quan kia tranh khōng tiến hanh hoat nōng tōng tōi oimōn va nōi Ngoai ra, Thanh tra Nha nōoc va Kiem toan Nha nōoc dōi kien trao nōi các chōng trình hang nām của mình nēi tranh trung lap cōng viec. Tuy vậy, vain con khai nāng nēi cái thiēn bang cách tập trung vao tính tuān thui hieu quaivai hieu lōic của hanh chính cōng. Ví dụ, những cō quan nay cān xem xét chat lōong của các dōch vui mair chính phui cung cấp cho cōng dān của mình.

2.17 Nhìn chung coi sōi thiēu cān boi nūi nāng lōic nōi vōi các cō quan giam sát. Lōong chā cao hōn 10% so vōi các cō quan khac của chính phui Hōn nōa, nāng lōic kyō thuāt của cān boi vain con thap. Mōt vai cō quan nay nhō Thanh tra Tai chính của Boi Tai chính coi các chōng trình nāo tap nēu nān cho cān boi của mình. Tuy nhiên, trong tām hoan toan chui trōng tōi sōi tuān thui các nguyên tēc va luāt lēi

Thanh tra Nhà nước

2.18 Dōa trên Pháp lēnh Thanh tra (1990) va Pháp lēnh Chōng tham nhuing (1998), Luāt Khieu nāi va Toi cāo (1998), He thōng Thanh tra Nha nōoc (TTNN) nōoc tōi chōc thanh 3 cấp hanh chính (trung oōng, tành va huyen) va theo các lōnh vōc mưc tiēu (tai chính, ngān hang, lao nōng, quān nōi, v.v.).

2.19 **Viet boi nhiēm va tīnh nōi lap.** Tổng Thanh tra Nha nōoc tōng nōng Boi trōing. Oōng ta nōoc Chui tōch nōoc boi nhiēm trên cō sōi nēa nghō của Thui tōing va nōoc Quoc hōi phe chuan. Chānh thanh tra của mōt Boi nōoc Thui tōing boi nhiēm trên cō sōi nēa nghō của Boi trōing va Tổng Thanh tra Nha nōoc. Nhō vậy cái hai cō quan Hanh pháp va Thanh tra nēu coi anh hōng tōi sōi lōa chōn thanh tra. Trong trōing hōp coi bat nōng giōa các bein hanh pháp va thanh tra, thanh tra vien oimōt cấp cao hōn coi quyền soat xét va nōa ra quyēt nōnh của mình hoac trao nōi y kien vōi ngō oimōt nōng nāu chính quyền va māt hanh chính va sau nōi nōa ra quyēt nōnh của mình. Trong thōc tei thanh tra vien khōng nōi lap, vì ngān sách thōng ky của anh ta do cō quan phe chuan. Chā coi ngān sách nāc biet (hān hōu) lā do Uy ban Thanh tra Nha nōoc cấp.

2.20 **Toi chōc.** TTNN coi 200 cān boi lam viec oimōt trui sōi chính va 8000 ngō oimōt

trên cải nôi (5000 thanh tra viên và 3000 cán bộ hành chính). Lương theo thang lương của cán bộ ngành dân chính, coi phụ cấp 10 phần trăm. Với số khác nhau tối thiểu này, Cơ quan này gặp khó khăn trong việc tuyển nôi ngôi coi năng lồi. Thanh tra Nhà nôi thực hiện công việc đũa trên chông trình của chính mình, khi coi yêu cầu của Chính phủ và khiêu kiến của công dân.

2.21 **Các chức năng của TTNN.** TTNN thực hiện các chức năng sau: i) thanh tra khiêu kiến liên quan tới việc tuân thủ luật pháp của các cô quan hành pháp trong tất cả các lĩnh vực hoạt nôi, bao gồm cả tài chính, kinh tế quốc nôi, cảnh sát và quốc phòng, v.v.; ii) ban hành các quy nôi trong lĩnh vực thanh tra, cung cấp hướng dẫn thực hiện các quy nôi nội phê duyệt các chông trình thanh tra nê tránh trung lập, xây dựng các chuẩn mực cho việc báo nôi và hoạt nôi của thanh tra viên, quản lý thanh tra cấp tnh, giải quyết tất cả các khiêu kiến và hỏi trồi chính phủ trong giải quyết các khiêu kiến của công chúng trong các lĩnh vực hành chính. (Trong khía cảnh này, TTNN thực hiện các chức năng của Cô quan giải quyết khiêu nại dân số); và iii) tăng cường quản lý nhà nôi về thanh tra bằng cách tạo ra và hướng dẫn việc thực hiện các luật và các quy nôi liên quan.

2.22 TTNN coi chông trình mỗi năm tập trung vào một hay nhiều chủ nê theo yêu cầu của nhà nôi. Ví dụ, năm 1998 chủ nê là "Thanh tra các Tổ chức Tài chính", nê chuẩn bị cho các ngân hàng trồi các tài nôi bất lồi coi thể coi của cuối khùng hoảng tài chính Nôi All Năm 1999, TTNN tập trung nôi lồi của mình vào "Hành chính công ôi xã". Chủ nê cho năm 2000 là "Giải tỏa trong nôi th". Chông trình cho năm 2001 là "Nêu tồ Phát triển". (Nôi coi thể bao trùm việc thực hiện chông trình phát triển và sôidùng nguồn lồi của nê nôi, bao gồm cả vốn tài trồi của các tổ chức nôi ngoài nhờ Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á).

2.23 Trung lập công việc. Đông nhờ coi sôidùng trung lập công việc giữa Kiểm toán Nhà nôi, Thanh tra của Bộ Tài chính và các thanh tra trồi thuộc các bộ nê biết trong các lĩnh vực tài chính và lập ngân sách. Tuy nhiên, chính phủ nhận thực này nê về vấn nê này và nê coi một số biện pháp nê giảm nê tình hình, ví dụ bằng việc ba bên tham khảo lẫn nhau trong khi xây dựng chông trình công tác hàng năm. Các cô quan cũng trao nôi các chông trình của mình sau khi hoàn tất. (Một báo cáo về vấn nê trung lập nôi chuẩn bị cho Văn phòng Thủ tồ).

2.24 **Quyền hạn.** TTNN nôi trao quyền nê thực hiện 9 chức năng, trong nôi các chức năng thồng nôi sôidùng nhất nhờ sau:

- Yêu cầu bên bị thanh tra cung cấp thông tin và tài liệu, bất kể bí mật nê nê. Bên bị thanh tra không thể tồ chối yêu cầu này.

- Tiến hành kiểm kê tài sản và phòng toa chung.
- Yêu cầu bên bị thanh tra ngừng hoạt động hoặc ngừng không làm chức năng này nếu có bằng chứng làm cản trở hoạt động thanh tra.
- Yêu cầu mỗi cơ quan chính phủ cung cấp chuyên gia kỹ thuật, chi phí cơ quan nào chịu.

2.25 Địa trên việc phát hiện sơ vi phạm pháp luật, thanh tra viên lập hồ sơ cung với bằng chứng và đổi thời báo cáo, sau đó chuyển tới các cơ quan liên quan (ví dụ cảnh sát, hoặc quân đội). Khi thanh tra, nếu tìm ra vi phạm, thì hồ sơ sẽ được chuyển cho Viện Kiểm sát Nhân dân, nhà người bị tình nghi ra tòa.

2.26 **Các nguyên tắc hướng dẫn.** Khi tiến hành thanh tra, thanh tra viên phải tuân theo năm nguyên tắc hướng dẫn về tính khách quan, chính xác, minh bạch, dân chủ và kịp thời. Sơ mệnh của TTNN là ngân sách và giải quyết sơ vi phạm luật pháp, theo thông điệp sau: "Thanh tra viên là mắt và tai của cấp trên, và là bản của cấp dưới. Thanh tra là nhà sửa chữa các sai lầm".

2.27 **Thực hiện các khuyến nghị.** Không có cơ quan riêng rẽ được giao trách nhiệm giám sát thực hiện các khuyến nghị của thanh tra viên. Việc theo dõi thực hiện các khuyến nghị được giao lại cho cơ quan TTNN nhà phòng và thông không có hiệu quả.

2.28 **Năng lực cao tính hiệu quả của kiểm toán và thanh tra trong lĩnh vực công.** Chính phủ cần xem xét tiến hành các bước sau:

- Tiến hành nâng giải toán diện khuôn khổ giám sát và các chức năng nếu có các vai trò và trách nhiệm rõ ràng, loại trừ trung lập trong phạm vi công việc; và hiệu chỉnh các mục tiêu để phù hợp với thực tiễn quốc tế tốt nhất. Sửa đổi các luật, nghị định, và quy chế liên quan đến KTNN, TTNN và Bộ Tài chính để phản ánh vai trò và trách nhiệm đã được làm rõ. Việc xem xét này có thể lấy kinh nghiệm của các nước khác như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Úc, và các tổ chức tổng tài trợ Ủy ban Thanh tra Nhà nước tại bên cạnh Cơ quan Tổng Kiểm toán.
- Rà soát lại tất cả các tài liệu và hướng dẫn hiện có về kiểm toán và thanh tra để làm cho chúng nhất quán với các phạm vi và mục tiêu đã được sửa đổi. Xuất bản các tài liệu và hướng dẫn mới về kiểm toán và thanh tra.
- Đào tạo các thanh tra viên về kỹ thuật kiểm toán kết quả hoạt động để họ cũng có thể xem xét tính kinh tế hiệu quả và hiệu lực của hoạt động và của công trình.
- Nhanh việc ban hành các văn bản pháp luật về kiểm toán nhà nước (Hiện nay, một số thời về pháp lệnh kiểm toán nhà nước đang được chuẩn bị).
- Công khai hoạt động báo cáo kiểm toán.

Giám sát ngân sách trong Bộ Tài chính

2.29 Những vấn đề chính trong cải tiến hệ thống quản lý chi tiêu công liên quan tới việc cải tiến việc phân bổ tài chính chi tiêu và giám sát chi tiêu kịp thời trong suốt năm. Vấn đề này tiến hành giải quyết kỳ lưỡng trong NGCTC 2000, hành giải này đưa ra một số khuyến nghị liên quan tới chính sách của chính phủ về chi tiêu và chi thông xuyên, và chiến lược trung hạn và các nền tảng chi tiêu. Đây là lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Vụ Ngân sách Nhà nước (Vụ NSNN). NGTNTCOG, mặt khác thảo luận cải tiến công tác giám sát và báo cáo ngân sách là những lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Vụ Hành chính Sở nghiệp (HCSN). Vụ HCSN trong Bộ Tài chính có một số chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là i) Xây dựng, chuẩn bị các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính HCSN, các chế độ nền tảng chi tiêu tài chính HCSN như trình Bộ ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; ii) Kiểm tra việc phân bổ đối toàn năm của các cơ quan HCSN trung ương cho các nền tảng trực thuộc; iii) Cấp phát kinh phí cho các cơ quan HCSN trung ương theo đúng chính sách chế độ và kế hoạch được duyệt; iv) Thẩm tra và thông báo duyệt quyết toán hàng năm của các cơ quan HCSN nhận kinh phí từ ngân sách trung ương. (Xem số nội dung Phụ lục 1 nếu cần thêm chi tiết)

2.30 Vụ HCSN giám sát các nền tảng đối toàn cấp 1 (các bộ) bằng cách kiểm tra chi tiêu thực tế so với các phân bổ ngân sách và nền tảng, và bằng cách giám sát số tuần thu các chính sách và quy định tài chính. Hiện tại Vụ HCSN nhận các báo cáo quy định các bộ về chi tiêu thực tế so với hạn mức ngân sách quy định và đưa ra các khuyến nghị cho Vụ NSNN về hạn mức ngân sách của quy định và các yêu cầu chuyển đổi các khoản mục chi tiêu của các bộ. Vụ HCSN biết là Vụ NSNN nhận được các báo cáo hàng tháng từ Kho bạc Nhà nước trung ương về chi tiêu của các bộ không chế thành thông tin mỗi yêu cầu các thông tin này bởi vì Vụ HCSN dựa vào các báo cáo quy định các bộ.

2.31 Vào cuối năm, Vụ HCSN nhận được số liệu chi tiết từ các bộ theo các yêu cầu nêu trong Quyết định 999. Một số thông tin nhỏ các bản cần đổi và chuyển giao tài sản có nền tảng cung cấp thông tin cho Cục Quản lý Công sản. Cục này cũng có thể có nền tảng cung cấp dữ liệu này từ các bộ không đổi dạng khác. Nhiều này cho thấy cần có hệ thống quản lý tài chính thích hợp để báo năm cho công tác báo cáo hiệu quả hơn. Cục Quản lý Công sản chịu trách nhiệm về quản lý tài sản trong khi Vụ HCSN giám sát việc cấp kinh phí cho mua sắm và việc thanh lý tài sản hàng năm.

2.32 Vụ HCSN giám sát tất cả các hoạt động do các bộ và các nền tảng sở hữu dùng ngân sách tiến hành, bao gồm thu nhập hoạt động từ các chức năng ngân sách chủ yếu cũng như số thu từ các hoạt động có sở hữu nguồn gốc và phòng tiến do ngân sách cấp. Các hoạt động "sở nghiệp có thu" này là

nhà tổng áp dụng của Thông tư 01/1994, xác định những gì phải làm với các số thu này, những gì coi là chi tiêu, và cách sử dụng số thu đó ra sao như so với số chi. Vì thông tin này không có các báo/nhờ và sử dụng ngân sách báo cáo trong năm, Vui HCSN trông cậy vào công tác thanh tra của các cơ quan thuế. Cơ quan thuế tiến hành kiểm tra chi tiết trong thông báo thuế có liên quan tới các hoạt động này. Nên biết lại Thông tư 01/1994 rằng nên xem xét lại nếu cần nhất với các yêu cầu của chúng.

2.33 Nhiệm vụ cao công tác quản lý tài chính HCSN của Bộ Tài chính, Chính phủ cần cần nhắc thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập một cơ sở dữ liệu tài sản với các dữ liệu tài chính cũng như tài sản vật chất để loại trừ những báo cáo trung lập của các đơn vị sử dụng ngân sách và tạo nên kiến thức thông tin giữa tất cả các bên có liên quan.

2.34 Công tác giám sát hiệu quả việc thực hiện ngân sách của các đơn vị trong năm vì Vui HCSN dựa trên các báo cáo quy định của báo cáo rất ngắn gọn và nội dung và chi tiết trung và số tuần thuế các hạn mức ngân sách. Giao diện trực tuyến với hệ thống Kho bạc nhà nước sẽ không cải thiện việc giám sát trừ khi có một số thay đổi về dữ liệu có sẵn từ hệ thống Kho bạc nhà nước. Tiếp cận trực tuyến sẽ cung cấp cung dữ liệu như hiện tại rằng có những vấn đề của Vui HCSN sử dụng. Thứ hai, có vẻ như rõ ràng trách nhiệm giải trình các hoạt động "sở nghiệp có thu" nên các báo và các đơn vị sử dụng ngân sách của hội tiến hành. Đồng thời ngoài ra là quá trình xây dựng cơ quan thuế và việc tuân thủ Thông tư 01/1994 trong công tác báo cáo. Quan trọng là phải làm rõ vai trò và trách nhiệm của các vui khác nhau trong Bộ Tài chính để báo năm lại không có số trung lập trong các yêu cầu kế toán và báo cáo và nên giảm bớt khối lượng công việc của các đơn vị sử dụng ngân sách. Cuối cùng, mặc dù có những chế độ quy định nói với hầu hết tổng hoạt động do một đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện, khi có thể báo năm lại các chế độ và yêu cầu nội nhất quản và không trung lập lẫn nhau. Các yêu cầu làm báo cáo của các vui khác nhau trong Bộ Tài chính cần nên sắp xếp hợp lý hơn.

2.35 Nhiệm vụ cao công tác giám sát ngân sách trong Bộ Tài chính, Chính phủ nên lập kế hoạch, hoặc cần xem xét, thực hiện các bước sau:

- Thống nhất tất cả các quy chế chế độ, và các thông tư áp dụng cho các cơ quan trong khu vực Nhà nước, và đơn vị giám hoạt các quy chế chế độ và thông tư này tới mức thực hiện có thể làm nên.
- Nhanh việc nhanh giải lại Thông tư 01/1994 để báo năm lại chỉ tiêu của các hoạt động "sở nghiệp có thu" của các cơ quan sử dụng ngân sách nên báo cáo một cách rõ ràng lập với báo cáo tài chính của các hoạt động

chính yếu. (Bộ Tài chính hiện nào chuẩn bị và trình Chính phủ một đề thảo về Nghị định quản lý tài chính hoạt động sở nghiệp có thu).

Kiểm soát nội bộ trong khu vực công

2.36 Các hoạt động kiểm soát nhờ xác minh, dựa vào cho phép các thanh toán nội bộ bố trí rõ ràng và chất chế Trong tầm kiểm soát sử dụng ngân sách tiến về số lượng chi tiêu, chi không phải về kết quả chi tiêu. Trong báo cáo ngân sách, không có mối liên kết giữa số lượng chi tiêu và số tiền tiến và chất của các đơn vị. Năm giai kinh tế hiệu quả và hiệu lực của nội bộ thực hiện một cách hệ thống. Mặt khác, năm giai số năm nội bộ các mục tiêu của đơn vị thành thạo mỗi nội bộ thực hiện. Quản lý rủi ro không nội bộ thực hiện theo cách hệ thống. Trong khi các mục đích của các mục tiêu và thời hạn cuối thể nội bộ xác định và số năm nguồn lực tổng cộng với các mục tiêu nội bộ kiểm tra, chờ các thủ tục để xem xét các yếu tố thành công quan trọng và những rủi ro bên trong và bên ngoài nói với việc năm nội bộ các mục tiêu. Nội bộ lại, chờ năng kế toán nội bộ xem lại một biện pháp công chế tuân thủ các nguyên tắc và quy định, chi không phải là công cụ quản trị giúp cho công tác quản lý của Bộ trong việc năm tới các mục tiêu của mình (xem Phụ lục 4).

2.37 Việt Nam cần xem xét thay đổi cơ cấu trách nhiệm giải trình truyền thống hiện tại của mình là cơ cấu chủ yếu vào việc tuân thủ các nguyên tắc và quy định và vào kiểm toán trước việc thực hiện sang một cơ cấu mới dựa trên một khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiện nay và tổng thể áp dụng ôi tại các cấp của Chính phủ. Khuôn khổ này sẽ dựa vào việc thiết lập một môi trường kiểm soát khuyến khích sự công khai, năng lực chuyên môn và dựa trên một hệ thống xác minh nội bộ nội bộ hoạt động và tích hợp với nhân viên năm vào các lĩnh vực có rủi ro cao và kiểm tra mẫu. Năm nay sẽ nội bộ cũng có thêm bằng cách thực hiện chi hiệu quả các chế năng kiểm toán sau và giám sát. Việc chuyển từ kiểm soát sự tuân thủ sang chịu trách nhiệm về kết quả sẽ giúp Việt Nam phát triển một khuôn khổ vững chắc hỗ trợ cho việc xây dựng năng lực của quản lý tốt hơn các nguồn lực của mình.

2.38 Nếu cải thiện tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ Chính phủ nên cần nhắc thực hiện các bước sau:

- Tiến hành soát xét lại chế năng của Bộ Tài chính (cụ thể của Vụ NSNN, Vụ HCSN, Thanh tra Tài chính) và các cơ quan có liên quan nhờ Kho bạc Nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước, nhằm sắp xếp hợp lý hoạt động hệ thống và thủ tục kiểm soát của các cơ quan này.
- Thiết lập các chế năng kiểm toán nội bộ bắt đầu từ cấp Bộ để dần dần

thay thế chức năng thanh tra hiện tại ở tổng bộ Vui Kiểm toán nội bộ ngoài trách nhiệm giám sát truyền thống của mình, sẽ áp dụng cách tiếp cận hiện tại nói với kiểm toán nội bộ Bằng cách làm nhỏ vậy, nội sẽ hành động với tổ cách báo năm tính khách quan, nội lập và hoạt động tổ văn nội thiết kế nội làm tăng thêm giá trị và cái tiến các hoạt động của Bộ Nội sẽ giúp các bộ thiết kế nội nội các mục tiêu của mình bằng cách nữa vào áp dụng cách tiếp cận hệ thống, coi kỹ luật nội hành giá và cái tiến tính hiệu quả của các quá trình quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và nội hành.

- Thông qua áp dụng khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiện tại thích hợp với Việt Nam.

2.39 Có một số mô hình kiểm soát nội bộ thông nội sử dụng. Một khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiện tại nâng nội sử dụng ngay càng nhiều ở các nội khác là COSO. Khuôn khổ COSO cung cấp cho các nhà lãnh đạo một công cụ khái quát hợp nội quản lý và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong một môi trường hiện tại. Nội môi trường cách nhìn của giới lãnh đạo ra ngoài cách nhìn kiểm soát truyền thống, với với những vấn đề "mềm" của kiểm soát. Kiểm soát nội bộ trở nên này, coi xu hướng tập trung vào các kiểm soát "cứng", nhờ các quy trình, chính sách, thủ tục, và cơ cấu tổ chức nghi thức. Kiểm soát hiện tại, ngoài các kiểm soát cứng, coi với các vấn đề mềm hơn những mang tính chiến lược nhờ các giá trị chung, năng lực chuyên môn, sự tin cậy, sự lãnh đạo vững chắc, sự công khai, những kỳ vọng lớn và các tiêu chuẩn nội lý

2.40 Nhờ vậy Khuôn khổ COSO có thể cung cấp cho các bộ quản lý một phương pháp luận nội làm tăng thêm giá trị nâng kế cho tổ chức, và nội thời, làm thoải mái các yêu cầu của chuẩn mực nội hành tốt (xem Phụ lục 4).



Khuôn khổ thể chế để thiết lập các chuẩn mực kế toán và kiểm toán

3.1 Chính phủ Việt Nam đang trong quá trình nâng cấp và cải tiến các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán quốc gia theo các tiêu chuẩn quốc tế. Mục tiêu là cung cấp cho các nhà đầu tư, các nhà đầu tư và công chúng các thông tin tài chính đáng tin cậy. Nhiều nay là rất quan trọng với sự phát triển của khu vực tư nhân và việc thực hiện chiến lược cải cách của Chính phủ.

Hội Kế toán Việt Nam (HKTVN)

3.2 Sau Hội thảo 2 của Hội, Hội Kế toán Việt Nam (HKTVN) đã ban ra một Ủy ban Trung ương mới, thông qua Hội đồng mới, và đang hình thành mục tiêu hoạt động, trách nhiệm, tổ chức và các tiêu chuẩn thành viên. Những thách thức chính của HKTVN là tình trạng tài chính. Trong tổng số trên 6000 thành viên, chỉ có 3000 người trả phí mỗi năm. Có khoảng 350 CPA ở Việt Nam. Thành viên HKTVN không mở ra cho người nước ngoài. HKTVN có số thu từ một số nguồn: i) Hội phí của một hội viên là 12,000 đồng (85 xu Mỹ một năm), tổng số là 36 triệu đồng; ii) Tổ vận hành và tài trợ, là nguồn không chính thức và tối thiểu, tổng số chỉ 50 triệu đồng, và iii) Tài trợ từ các tổ chức khác, bao gồm cả Bộ Tài chính, nhưng không có tài trợ từ các tổ chức quốc tế.

3.3 Tổng số chi hàng năm lên tới 250 triệu đồng. Thậm chí khoảng 12.000 đồng là Mỹ. Tổ chức thành viên của Hội trong các tổ chức quốc tế như IFAC và AFA nói hội phải nộp phí cũng nhờ tham dự các cuộc họp hàng năm, làm tiêu hao thêm nguồn lực vốn đã nghèo nàn của HKTVN.

3.4 Ngoài tổng số 55 ủy viên Ban chấp hành HKTVN, 15 người có bằng tiến sĩ và là giảng viên hoặc chuyên gia khoa trường đại học. HKTVN có vẻ nhờ có các thành viên có hiểu biết sâu rộng về những người khác.

3.5 **Phạm vi coi thi hoá trở lại kỹ thuật.** Không có tài chính nào tạo ra ở Việt Nam chuyên tạo sinh viên thi CPA. Nhiều trường dạy học dạy về kế toán, nhưng chỉ một số ít trường dạy về kiểm toán. Hai cấp bằng, nhưng không phải trình độ chuyên môn chuyên nghiệp. Hiện tại, những người muốn tham dự kỳ thi CPA phải trải qua luyện thi chuyên sâu hai tháng, và nội dung chuyên môn duy nhất có thể nói với hai HKTVN muốn thiết lập một trường tạo sinh viên về kế toán và kiểm toán, là chuyên ngành hết sức chuyên sâu.

3.6 **Nhiều lần báo cáo và quy tắc ngành nghiệp.** HKTVN cần coi quyền ban hành nhiều lần báo cáo và quy tắc ngành nghiệp để duy trì sự trung thực về báo cáo và trình độ chuyên môn cao trong các thành viên của mình, đặc biệt trong khu vực tổ nhân. Hiện tại, những vấn đề này được đề cập trong các chế độ và quy định có liên quan với khu vực công, nhưng không có riêng cho các thành viên HKTVN trong khu vực tổ nhân.

Thực hiện các chuẩn mực

3.7 Hoạt động kế toán của Việt Nam gặp rất nhiều thách thức. Báo cáo tài chính bị chi phối bởi báo cáo thuế. Về khía cạnh này, Việt Nam, giống như các nền kinh tế chuyên nói khác, sử dụng những nguyên tắc giống nhau cho kế toán tài chính và cho báo cáo thuế một số nội dung tài khoản hạch toán và kế toán công khác. Việt Nam hiện thiếu một khuôn khổ pháp luật và lập pháp nên thiết lập các chuẩn mực kế toán và kiểm toán.

3.8 Bộ Tài chính đã triển khai một kế hoạch toàn diện để ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán (xem Phụ lục 5). Dưới đây là bốn chuẩn mực mới thay thế các chuẩn mực cũ trong năm vừa qua: VAS 2: Hàng tồn kho, VAS 16: Tài sản cố định, VAS 18: Doanh thu và VAS 38: Tài sản cố định vô hình. Hoạt động Kế toán Quốc gia (do Thủ tướng Bộ Tài chính làm Chủ tịch với 15 thành viên từ HKTVN, Bộ Tài chính, các trường đại học, Phòng Thông tin và công nghiệp và một số công ty kiểm toán lớn) đã ra tuyên bố chính thức về hướng xây dựng những đổi thay chuẩn mực kế toán là dựa chủ yếu vào các Tiêu chuẩn Kế toán Quốc tế và có những khác biệt nhỏ để phù hợp với những đặc điểm của Việt Nam. Bốn chuẩn mực này sẽ được ban hành vào cuối năm 2001.

3.9 Chiến lược cải cách kế toán và kiểm toán của Chính phủ trong thời gian 2001 - 2010 cần một khối lượng trợ giúp kỹ thuật rất lớn. Chính phủ nên yêu cầu trợ giúp kỹ thuật từ Ngân hàng Thế giới. Một khoản Viện trợ của Quỹ Phát triển Thế giới nên được thông qua với hai mục tiêu chính: i) hỗ trợ cải cách khuôn khổ thể chế và pháp lý nên thiết lập các chuẩn mực kế toán và kiểm toán, nhiều hơn và giám sát việc hành nghề trong khu vực tổ nhân, và

ii) giúp nhanh chóng cải thiện các tiêu chuẩn và thông lệ báo cáo và kiểm toán tại chính các doanh nghiệp nhà nước lẫn trong khu vực tư nhân. Các hoạt động nòng cốt khoản viện trợ nơi trên hỗ trợ bao gồm sau:

- Xem xét lại Luật Kế toán và các luật liên quan, các nghị định, và quy chế có liên quan nhằm nâng cao và sắp xếp hợp lý khuôn khổ pháp luật và nhiều tiết cho công tác kế toán, kiểm toán và làm cho chúng phù hợp với những thông lệ quốc tế tốt nhất.
- Xây dựng những chuẩn mực kế toán và kiểm toán phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế
- Làm hài hòa các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và các luật và quy chế liên quan có thể áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước cùng với cho khu vực tư nhân.
- Nâng cao vai trò của HKTVN Việt Nam và Hội đồng Kế toán Quốc gia (HĐKTQG).
- Nào tạo kế toán viên và kiểm toán viên về các tiêu chuẩn và thông lệ kế toán và kiểm toán quốc tế và nào tạo các Ban Quản lý và Ban Giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân liên quan những thông lệ tốt nhất về kế toán và kiểm toán doanh nghiệp.

3.10 Tính chất công nhận của số nợ tài khoản hiện tại làm trở ngại cho việc áp dụng các tiêu chuẩn trong thời điểm. Sôi dưỡng số nợ tài khoản quốc gia là không phù hợp với khuôn khổ IASC. Ngoài việc nào tạo là yêu cầu chủ chốt của thanh công, HKTVN có thể giới thiệu vai trò quan trọng trong việc giải thích làm rõ và hướng dẫn thời hạn cho những người sôi dưỡng.

3.11 Nếu thời hạn các chuẩn mực mới, HKTVN nâng xem xét các bước sau: xem xét lại tình trạng kế toán hiện tại trong khu vực tư nhân; chuẩn bị sách hướng dẫn và tài liệu nào tạo; tiến hành các khóa thí nghiệm ở Hà Nội và Thanh phố Hồ Chí Minh. Kinh nghiệm rút ra từ các khóa này sẽ nòng dung nếu cải tiến các tài liệu giảng dạy. Tuy nhiên, sẽ nhanh hơn và tốn chi phí thấp hơn nếu chấp nhận các chuẩn mực kế toán quốc tế thay vì tôi xây dựng các chuẩn mực trong nước.

3.12 Nếu cần hỗ trợ thêm nữa cho HKTVN nếu giúp tổ chức này thực hiện tốt hơn vai trò là hội nghề nghiệp của mình. Hỗ trợ kỹ thuật có thể bao gồm:

- Thanh lập Viện nào tạo của HKTVN nếu nào tạo các thành viên của HKTVN về kế toán và kiểm toán. Việc này có thể sẽ gồm cải việc chuẩn bị sách hướng dẫn và tài liệu nào tạo, các khóa thí nghiệm ở Hà Nội và Thanh phố Hồ Chí Minh, và các khóa bồi dưỡng các tiêu chuẩn mới cho các thành viên của HKTVN.
- Xây dựng kế hoạch làm cho HKTVN tự lực nòng về tài chính và có thể duy trì hoạt động của mình.



Những thông lệ báo cáo tài chính và kiểm toán trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh

4.1 Hệ thống Kế toán Việt Nam (HTKTVN) đang trong quá trình phát triển nên chưa hoàn toàn phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Nội tập trung chủ yếu vào quy định hạch toán tại khoản và không dẫn ghi chép sổ sách kế toán. Nội chưa bao gồm những nguyên tắc cơ bản như nguyên tắc giải trình hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính bù báo cáo thuế chi phối (ví dụ: dời phong toán bù không nộp thuế). Tất cả các doanh nghiệp nhà nước nếu nộp thuế phải tuân thủ HTKTVN. Chính phủ đang tiến hành một kế hoạch tổng thể để cải tiến các chuẩn mực kế toán theo hướng tuân thủ với các chuẩn mực quốc tế với thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Kiểm toán khu vực ngoài quốc doanh

4.2 Thông lệ kiểm toán trong khu vực ngoài quốc doanh đang phải nối mắt với một số thách thức. Những thách thức này bao gồm việc chưa quen với các chuẩn mực Kế toán và Kiểm toán Quốc tế hầu hết các doanh nghiệp và các cơ quan của chính phủ vẫn chưa hoàn toàn quen thuộc với các chuẩn mực quốc tế. Đây là một trở ngại rất lớn và yêu cầu nâng cao khách hàng con cấp thiết hơn⁵. Vào những năm 1996-1998, Liên minh châu Âu (EU) đã

5. Dự án nhằm mục đích (i) xây dựng một khuôn khổ pháp lý và các thể chế cho công tác kiểm toán và kế toán, (ii) hỗ trợ xây dựng nghề kế toán, (iii) đào tạo các chuyên gia kế toán và kiểm toán về các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, và (iv) xây dựng và cải tiến chất lượng kiểm toán và dịch vụ tư vấn kế toán.

Khung 2: Nguyên tắc chỉ đạo thực hiện các quy định kế toán doanh nghiệp Việt Nam đối với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thông tư dự thảo yêu cầu tất cả các đơn vị kinh doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải tuân thủ Hệ thống Kế toán Việt Nam (HTKTVN) nếu không có những lý do hợp lệ để áp dụng một hệ thống kế toán đã được công nhận thông thường khác. Trong trường hợp đó, những lý do hợp lệ phải được nêu ra và được Bộ Tài chính chấp thuận.

Cần lưu ý là HTKTVN là một hệ thống kế toán và không phải là một bộ các chuẩn mực, và mục đích chính của nó là vạch ra chi tiết một bộ các tài liệu, bao gồm cả Sơ đồ Tài khoản và các phương pháp ghi chép kế toán.

Năm 1998, Bộ Tài chính đã đồng ý gia hạn cho một số các công ty có vốn đầu tư nước ngoài cho phép các công ty này tiếp tục thực hiện những hệ thống kế toán riêng của họ cho tới cuối năm 2000, khi mà họ phải chuyển sang HTKTVN. Đến nay còn khoảng 100 công ty nước ngoài tiếp tục được gia hạn miễn áp dụng HTKTVN tới cuối năm 2003, dựa trên những lý do sau:

Những chuẩn mực Kế toán Việt Nam dần dần sẽ được ban hành dựa trên các Tiêu chuẩn Kế toán Quốc tế, tức là tương tự những Tiêu chuẩn của các hệ thống của họ. Nếu bây giờ họ phải chuyển sang HTKTVN, họ sẽ phải chuyển lại sang những tiêu chuẩn hiện nay của họ sau khi các Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam được chính thức ban hành. Chuyển đổi phần mềm là một vấn đề lớn, đặc biệt trong trường hợp các công ty đa quốc gia.

Thông tư dự thảo tái khẳng định quan điểm của chính phủ và làm rõ các điều khoản mà các công ty phải tuân thủ và những điều khoản mà họ có thể yêu cầu sửa đổi bổ sung. Bộ Tài chính có thể phê duyệt yêu cầu của các công ty xin gia hạn miễn áp dụng HTKTVN cho đến năm 2003 theo từng trường hợp một.

cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho kế toán và kiểm toán ở Việt Nam. Một năm giao nước lập về đời này vào tháng 5-1998 đã đưa ra rằng đời này không xõng thành công một quá trình chấp nhận các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán quốc tế Các hoạt động này được tiến hành gồm các hội thảo ở các nước EU khác nhau, và tạm chuyển khai sát cho khoảng 80 công chức cao cấp của Việt Nam. Những hoạt động này đã tạo nên kiến thức biết hơn về các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế tại nước này xây dựng một số các chuẩn mực đời thảo. Đời này cũng đã giúp khôi xõng quá trình thiết lập cơ cấu pháp luật cho kế toán và kiểm toán ở Việt Nam.

4.3 Nói với các tổ chức và cá nhân nước ngoài, nếu thành lập một công ty kiểm toán ở Việt Nam, người ta phải làm nãn xin phép theo Luật Thuế

Nước ngoài, và phải tuân thủ những yêu cầu của luật này cũng như các yêu cầu chuyên môn như cần có tối thiểu 5 năm công việc trình độ chuyên môn CPA. Trong thời gian hiện nay thì trường này bắt đầu hoạt động và Bộ Tài chính không khuyến khích các công ty nước ngoài tham gia vào trường này. Thời gian này lại cần cho các công ty Việt Nam làm mạnh và có thể cạnh tranh. Đến tháng 10-2001 thì có tổng số 29 công ty kiểm toán hoạt động ở Việt Nam bao gồm 5 công ty quốc tế 1 công ty liên doanh, 6 doanh nghiệp nhà nước trong nước và 17 công ty tư nhân trong nước. Không có trách nhiệm cho cấu trúc tổ chức, ngoài trường trong một số trường hợp khác biệt hoặc cho các đơn vị riêng lẻ với những hợp đồng trên 300 triệu đồng Việt Nam, cần tiến hành đấu thầu.

4.4 Có ba loại giấy phép: i) giấy phép cấp cho các công ty kiểm toán do nước ngoài sở hữu theo luật này (giấy này cho phép cung cấp các dịch vụ cho các công ty nước ngoài này và các doanh nghiệp Việt Nam không phải là DNN); ii) giấy phép cấp cho công ty kiểm toán doanh nghiệp nhà nước (không giới hạn phạm vi công việc); iii) giấy phép cấp cho các công ty kiểm toán tư nhân, thông qua các công ty nội do các ủy ban nhân dân ở các thành phố hoặc các tỉnh tổng cấp (cũng không giới hạn phạm vi công việc của chúng).

4.5 **Kiểm toán nội bộ** Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước không có nguồn lực nên thiết lập nội bộ kiểm toán nội bộ. Thậm chí nói với những doanh nghiệp công lập và nay, thì chất lượng cũng không so được với các tiêu chuẩn quốc tế và các kiểm toán viên bên ngoài và không thể trông cậy vào công việc của họ. Tuy nhiên, có một số ngoại lệ Tổng Công ty Dầu Việt Nam có ban kiểm toán nội bộ rất có khả năng và kinh nghiệm.

4.6 **Kiểm soát chất lượng:** Có các quá trình nhằm giải quyết biến của những nghiệp vụ nói với các công ty nước ngoài. Nói với VACO, có hai năm lại có một lần nhằm giải quyết biến của những nghiệp vụ. Nói với các công ty khác, Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra chất lượng. Tuy nhiên, ở các nước khác có các nâng kiểm soát chất lượng thông qua các thực hiện bởi một tổ chức chuyên nghiệp nội bộ lập nên bởi Chính phủ.

4.7 Ngày 29 tháng 12 năm 2000, Bộ Tài chính đã ban hành và đưa ra công khai 6 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam như sau: i) Chuẩn mực số 250 - Tuân thủ luật và các quy định về kiểm toán và báo cáo tài chính; ii) Chuẩn mực số 310 - Hiểu biết tình hình kinh doanh; iii) Chuẩn mực số 500 - Bảng chứng kiểm toán; iv) Chuẩn mực số 510 - Kiểm toán năm trước tiên - số độ năm; v) Chuẩn mực số 520 - Trình tự phân tích; và vi) Chuẩn mực số 580 - Báo cáo của giám đốc. Những Chuẩn mực này áp dụng cho kiểm toán nội bộ lập báo cáo tài chính do các kiểm toán viên và các công ty kiểm toán tiến hành thực hiện theo những luật ở Việt Nam.

Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước

4.8 Cục Tài chính Doanh nghiệp của Bộ Tài chính (Cục TCDN) chịu trách nhiệm giám sát và phân tích tài chính của tất cả các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước không trừ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4.9 Cục TCDN tập trung sẽ giám sát của mình vào các DNNN trung ương, nên lại vai trò giám sát các doanh nghiệp nhà nước nửa phòng cho Sở Tài chính tỉnh. Cục TCDN có hai chức năng chủ chốt có liên quan tới doanh nghiệp nhà nước: i) theo dõi hoạt động tài chính của các doanh nghiệp nhà nước trung ương không phải là ngân hàng thông qua phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhà nước lớn và thông qua hình thức chung các doanh nghiệp nhà nước nhỏ hơn, và ii) theo dõi tất cả các doanh nghiệp (gồm cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) thông qua phân tích khu vực doanh nghiệp. Trong thời kỳ trước thời gian giám sát một ít nói với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, vì Luật Doanh nghiệp mới không yêu cầu các doanh nghiệp ngoài quốc doanh gửi các báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính.

4.10 Năm 1995, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp nhà nước. Năm 1999, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2000 và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (FDI). Tuy nhiên, ý định lâu cuối cùng sẽ chỉ có một luật cho tất cả các doanh nghiệp, tức là không còn Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Doanh nghiệp nhà nước. Đây là một hoạt động theo hướng đúng vì sẽ không có sự khác biệt về cách thức hành tài chính giữa các doanh nghiệp khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.

4.11 Việc theo dõi đầu tư của Chính phủ trong các công ty liên doanh hiện nay còn rất hạn chế Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trong quá trình vạch ra cách thức nên quản lý và nhiều hành hoạt động tài chính của các công ty này. Có nguy cơ là các cấp chính quyền sẽ tham gia vào các công ty liên doanh mà chưa có các cơ chế phù hợp nên hình thành nên các nhà quản lý những gì phải làm liên quan nên phạm vi và phòng hoạt động cũng như kết quả hoạt động tài chính.

4.12 Cục TCDN nhận các báo cáo của các doanh nghiệp nhà nước nửa phòng từ các Sở Tài chính nửa phòng. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế và thiếu các kỹ năng cần thiết ở cấp tài chính nửa phòng và trung ương, những báo cáo này sẽ được xem xét qua ở cả hai cấp. Trường hợp tổng tài trợ cũng xảy ra nói với với các doanh nghiệp nhà nước của trung ương thông qua các tỉnh: mặc dù các doanh nghiệp nhà nước này được yêu cầu gửi một báo cáo quy định cho các Sở Tài chính nửa phòng cũng như trung ương, việc báo cáo không chính xác này sẽ dẫn đến thu nhập không rõ ràng ra nhiều giấy tờ còn lại

những một số theo dõi tài chính nghiêm túc. Bộ Tài chính nên hoạt động nhờ một trung tâm nguồn lực, tổ chức cho các Sở Tài chính cấp thấp hơn ban hành các nguyên tắc chi trả về chính sách kế toán và các yêu cầu báo cáo tài chính. Nhiều nay còn nghĩa là sử dụng có hiệu quả hơn các kỹ năng và nguồn lực hạn chế. Cách tổ chức như vậy cũng sẽ cung cấp cơ hội nữa tạo nhiều kiến thức cho báo cáo tài chính tốt hơn trong khu vực này, và làm cho Bộ Tài chính và các Sở Tài chính nữa phòng có thể có hiệu quả tốt hơn về hoạt động tài chính của tổng doanh nghiệp nhà nước. Một ích lợi khác của chuyển đổi này sẽ là tiềm năng cải tiến các kỹ năng quản lý kế toán và tài chính của các cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước cũng nhờ của những người chịu trách nhiệm theo dõi tài chính ở tất cả các cấp.

4.13 Các doanh nghiệp nhà nước do các bộ và trung ương quản lý nên yêu cầu gửi các báo cáo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kinh doanh, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính theo Quyết định 1141 TC/QĐ/CĐKT. Thông thường, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là tùy chọn và thời kỳ không nhiều doanh nghiệp nhà nước tuân thủ yêu cầu này. Số thiếu hụt này cần phải được sửa vì kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng thông tin về lưu chuyển tiền tệ là công cụ quản lý rất quan trọng.

4.14 Các doanh nghiệp nhà nước nên yêu cầu phải gửi Báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm sau 20 và 30 ngày nữa với doanh nghiệp nội lập và 45 và 90 ngày nữa với tổng công ty sau khi hết kỳ hạn tổng cộng. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp nhà nước lớn chờ đợi nộp ổng thời hạn này vì có những chậm trễ trong việc thu thập các báo cáo từ các chi nhánh của họ. Vấn đề khác là nhiều trong số những báo cáo này được lập theo kiểu tổng hợp các Báo cáo tài chính của các chi nhánh hơn là một báo cáo hợp nhất cho toàn bộ tập đoàn. Vấn đề nghiêm trọng trong tổng hợp là các báo cáo tổng hợp có xu hướng phóng đại khối lượng các giao dịch và vì thế phóng đại các kết quả hoạt động vì chúng không loại bỏ các giao dịch nội bộ và các khoản nợ nội bộ trong công ty. Mặc dù chế độ kế toán Việt Nam yêu cầu loại trừ các giao dịch trong nội bộ tuy nhiên số cần thiết phải loại bỏ các khoản mục này trong báo cáo tổng hợp lại chờ đợi nếu rời

4.15 Hệ thống Kế toán Việt Nam (Quyết định 1141 TC/QĐ-CĐKT)⁶ nên cho phép lập dõi phong giám giá và tài, tài và nội nội nội vì các mục đích báo

6. Quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 1 tháng 11 năm 1995, nói về hệ thống kế toán đối với các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước và Đầu tư trực tiếp nước ngoài. Quyết định này chủ yếu áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh.

Quyết định 167/2000-QĐ/BTC được ban hành ngày 25 tháng 10 năm 2000, nhấn mạnh vào hệ thống báo cáo tài chính thống nhất của các doanh nghiệp, thay cho hệ thống báo cáo trong Quyết định 1141 nhưng vẫn sử dụng hệ thống kế toán của Quyết định 1141.

cao tài chính. Nguyên tắc chế độ của Báo Tài chính bổ sung cho Quyết định 1141 là chế độ Nội kiểm nội soát nội bộ khi chế độ kế toán kế toán nội bộ, với bảng chứng chứng minh nội bộ cung cấp cho cơ quan thẩm quyền và thông chế sau khi quá hạn 2 năm hoặc lâu hơn. Trích lập dõi phong nội kiểm nội bộ doanh nghiệp trình giải hàng năm theo các nguyên tắc chế độ của Báo Tài chính. Phần thừa nội bộ sẽ dùng từ năm trước phải nội bộ chuyển thành thu nhập bất thường cho năm hiện tại. Trong trường hợp các ngân hàng nội bộ, các khoản cho vay nội bộ phải thanh quá hạn từ 1-360 ngày sau ngày hạn mà nội bộ còn lại của trái Các khoản cho vay nội bộ phải thanh nội bộ nếu chúng quá hạn hơn 360 ngày và ngân hàng nội bộ phải các thuế tức pháp lý nội bộ lại gốc và lãi của chúng. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) phải phê duyệt số dõi phong nội kiểm nội bộ.

16. Nội cải thiện công tác báo cáo tài chính, tính minh bạch, và công tác hiệu hành các doanh nghiệp nội bộ, Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau:

- Nhanh chóng ban hành các chuẩn mực kế toán và kiểm toán nội bộ cải tiến phù hợp với các chuẩn mực quốc tế
- Áp dụng các chuẩn mực kế toán và kiểm toán nội bộ cải tiến cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh cũng như các doanh nghiệp nội bộ càng sớm càng tốt.
- Yêu cầu các doanh nghiệp nội bộ lớn (các công ty) phải nội bộ kiểm toán tài chính hàng năm theo các chuẩn mực tuân thủ với chuẩn mực kiểm toán quốc tế
- Làm cho Cục TCDN trở thành một đơn vị nội bộ biết chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động tài chính của các doanh nghiệp nội bộ trực thuộc Bộ và trung ương cũng như các khoản nội bộ của Chính phủ trong các liên doanh thông qua thiết lập các quy định rõ ràng về chế độ nội bộ hiệu hành doanh nghiệp, chính sách kế toán và báo cáo tài chính, chính sách công tác và tỷ lệ hoàn vốn. Đơn vị nội bộ này cần hoạt động nhờ một trung tâm nguồn lực trợ giúp các cơ quan của Chính phủ cấp thấp hơn trong việc theo dõi các doanh nghiệp nội bộ nội bộ của cấp mình và nâng cao các kỹ năng quản lý tài chính và kế toán nội bộ nội bộ.
- Xem xét lại nội bộ nội bộ và nội bộ thích hợp của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại với mục tiêu thay thế nội bộ các nội bộ ra các tiêu chuẩn báo cáo tài chính và kế toán nội bộ quốc tế nội bộ nhận cho tất cả các doanh nghiệp

Quyết định 214/2000-QĐ/BTC ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2000, quy định kế toán đơn vị chủ đầu tư (có Ban Quản lý PMU hoặc không có PMU). Sơ đồ tính toán là giống hệt trong Quyết định 1141. Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp vẫn có thể sử dụng hệ thống kế toán của Quyết định 1141 để tính toán các dự án đầu tư. Tuy nhiên, tất cả các doanh nghiệp và các Đơn vị Hành chính Sự nghiệp có dự án đầu tư (chủ đầu tư) cần vận dụng Hệ thống Kế toán theo Quyết định 214.

cải trong khu vực nhà nước và ngoài quốc doanh. Ngân hàng Thế giới và môi phê chuẩn việc triển khai của Quỹ Phát triển Thế giới (IDF) nên triển khai cải thiện công tác báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước lẫn các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Những khuyến nghị trên phù hợp với những khuyến nghị của Báo cáo Chi tiêu Công, những cải tiến⁷.

Kiểm toán độc lập của các doanh nghiệp nhà nước

4.17 Doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ không chỉ các quy định về kiểm toán của Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước mà còn chịu sự kiểm toán và thanh tra của các cơ quan Chính phủ khác nữa. Nhiều nay dẫn đến sự chậm trễ trong việc quyết toán và công bố báo cáo tài chính cuối cùng. Một số doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn lực để đạt được những mục tiêu xã hội khác ngoài những mục tiêu thông thường của mình. Nói với những doanh nghiệp nhà nước nội dung thể cần phải có các yêu cầu bổ sung ngoài các yêu cầu áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước.

4.18 Các doanh nghiệp nhà nước nên và nên chịu sự kiểm toán và thanh tra bên ngoài của ba cơ quan giám sát của Chính phủ. Vì các cơ quan này có các chức năng trung lập, nên nên có sự trung lập và phạm vi công việc, nên biết trong lĩnh vực ngân sách, kế toán và tài chính. Tuy nhiên hiện nay nên có quy định các doanh nghiệp nhà nước chỉ có thể bị kiểm toán hoặc kiểm tra hoặc thanh tra một lần trong một năm bởi một trong ba cơ quan trên.

4.19 Tuy nhiên, gần đây vẫn nên triển khai một gay gắt hơn. Theo thỏa thuận giữa ba cơ quan này, nếu một cơ quan nào tiến hành thanh tra hoặc kiểm toán thì một năm và cải tiến nên nội dung trong một năm nên nội dung hai cơ quan còn lại sẽ không tiến hành hoạt động tổng thể nội dung và nội dung. Ngoài ra, các cơ quan giám sát thông xuyên thông báo công trình hàng năm của mình nên tránh trung lập công việc.

4.20 Tuy vậy, vẫn còn nhiều khả năng nên cải tiến thêm vì tất cả ba cơ quan này nên tập trung vào sự tuân thủ và chờ tập trung vào hiệu quả và hiệu lực của quản lý công cộng. Ví dụ, không có quan nào trong số những cơ quan này xem xét chất lượng của các dịch vụ mà Chính phủ cung cấp cho các công dân của mình. Do nội dung mục tiêu của kiểm toán các doanh nghiệp nhà nước cần rõ ràng nên bao trùm không chỉ việc tuân thủ mà còn cả về tính kinh tế hiệu suất và hiệu quả của chính bản thân hoạt động của doanh nghiệp.

7. "Việt Nam - Quản lý Nguồn lực công cộng tốt hơn. Đánh giá Chi tiêu Công. 13 tháng 12 năm 2000". Đoạn 1.36

Chính phủ cần xem xét lại và sắp xếp hợp lý hoạt động vai trò và trách nhiệm của ba cơ quan giám sát này và sửa đổi các Nghị định về Cơ quan Kiểm toán Nhà nước bằng cách môi trường trách nhiệm giám sát của Cơ quan này nên bao gồm cả việc nâng giải quyết kiểm soát nội bộ của nền và, tính kinh tế hiệu suất và hiệu quả của các hoạt động của chúng. Các bước cụ thể sẽ bao gồm:

- Bổ sung các luật về Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước và Bộ Tài chính để phân định các vai trò của nền môi trường và sắp xếp hợp lý hoạt động của ba cơ quan này.
- Nâng tạo các kiểm toán viên và thanh tra viên trong kiểm toán xác nhận các doanh nghiệp nhà nước, các kỹ thuật kiểm toán kết quả hoạt động, và xem xét tính kinh tế hiệu suất và hiệu quả hoạt động của nền và nền kiểm toán theo thời gian.

Những vấn đề về trách nhiệm giải trình tài chính có liên quan tới các doanh nghiệp nhà nước

4.21 Mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước giống như mục tiêu nói với khu vực tư nhân. Do nội dung áp dụng các tiêu chuẩn tổng thể cho doanh nghiệp nhà nước bắt buộc sâu sắc của nhà nước. Nhiều năm sau do việc áp dụng các tiêu chuẩn kiểm toán tổng thể của doanh nghiệp tư nhân nói với doanh nghiệp nhà nước chế độ nền yêu cầu tối thiểu về minh bạch, và doanh nghiệp nhà nước cần phải chịu những quy định ngặt nghèo hơn về công khai cho công chúng. Những người sử dụng báo cáo tài chính cần nhận nền sâu sắc nền chất lượng nền nhau. Sẽ không nền nền nền nếu nền nền áp dụng các tiêu chuẩn khác nhau. Nhờ vậy, kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp kinh doanh của chính phủ cần phải tổng thích, về mọi khía cạnh quan trọng, với kiểm toán của khu vực tư nhân.

4.22 Tại Việt Nam, có hai bộ các tiêu chuẩn cho các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Chính phủ cần xem xét thực hiện các bước sau:

- Tiến hành nâng giải pháp toàn diện và kỹ càng các quy định kiểm toán nâng áp dụng nói với các doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngoài quốc doanh và sắp xếp hợp lý hoạt động của chuẩn mực kiểm toán áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước phù hợp chuẩn mực của khu vực ngoài quốc doanh, với mức tích hợp nhất hai bộ các quy định thành một bộ (nên sử dụng các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (IAS)).
- Ban hành bộ các chuẩn mực kiểm toán kết hợp cho cả các doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngoài quốc doanh.

4.23 Tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp nhà nước nền quy định cho phép Hội đồng Quản trị lập Ban Kiểm soát nền hoạt động trong việc kiểm soát và giám sát công việc của Giám đốc và bộ máy của doanh nghiệp trong các hoạt động tại

chính và trong việc bảo đảm tuân thủ luật pháp, các tiêu lệ các quy định và quyết định của Hội đồng Quản lý

4.24 Tuy nhiên, các tiêu chuẩn quốc tế xếp các doanh nghiệp nhà nước vào cùng loại rủi ro với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và nhà thầu, ngoài kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính, còn kiểm toán cơ cấu kiểm soát nội bộ theo nghĩa hiện tại, tức là nhằm giải quyết tính kinh tế hiệu lực và hiệu quả các hoạt động của đơn vị, cũng nhờ cơ cấu quản lý rủi ro (liệu các mức rủi ro và mức tiêu hoạt động coi là tối thiểu hay không).

4.25 Mục tiêu cải cách trong lĩnh vực này là thay đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước bằng việc môi trường trách nhiệm giám sát của ban kiểm soát bao gồm cải thiện giám sát cơ cấu kiểm soát nội bộ của đơn vị, tính kinh tế hiệu lực và hiệu quả các hoạt động của chúng. Chính phủ nên cân nhắc sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước với việc môi trường vai trò Ban kiểm soát và nâng cấp các thành viên của Ban Kiểm soát các doanh nghiệp nhà nước lớn trong việc thực hiện này như vai trò của hội

Khung 3: Tổng Công ty Xây dựng sông Đà (TCTXĐSD)

Tổ chức. Có 95 Tổng Công ty ở Việt Nam. Tiêu chuẩn để được xếp loại là tổng công ty là vốn không ít hơn 500 tỷ đồng Việt Nam (36 triệu đô la Mỹ), và thỏa mãn một số điều kiện về số lượng cán bộ và loại công việc kinh doanh. Tổng Công ty Xây dựng sông Đà (TCTXĐSD) được xếp loại là một tổng công ty.

Ban Kiểm soát của Hội đồng Quản trị (HĐQT) ở TCTXĐSD gồm 5 thành viên: một thành viên HĐQT làm chủ tịch và 4 chuyên gia từ Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và của bản thân Tổng công ty này. Tất cả các doanh nghiệp lớn nói chung theo luật phải có Ban kiểm soát của Hội đồng quản trị. Có một Ban Kiểm toán nội bộ ở trụ sở chính. Các đơn vị tương tự cũng đã có tại tất cả các chi nhánh của TCTXĐSD, nhưng hiện đang được giảm bớt và hợp nhất với đơn vị ở trụ sở chính.

Theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, TCTXĐSD phải theo Hệ thống Kế toán Việt Nam. Nhưng báo cáo tài chính đã được chi tiết hơn theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, và với sự tham gia của Cục Tài chính Doanh nghiệp và Vụ Tài chính kế toán và Vụ Công nghệ của Bộ Xây dựng. TCTXĐSD chịu sự thanh tra và kiểm toán của sáu cơ quan: i) Kiểm toán Nhà nước; ii) Thanh tra của Bộ Tài chính; iii) Thanh

(Xem tiếp trang sau)

8. Chuẩn mực kế toán quốc tế yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước chấp nhận và làm theo các tiêu chuẩn kế toán quốc tế áp dụng được cho các doanh nghiệp tư nhân.

Khung 3: (Tiếp)

tra Nhà nước; iv) Tổng cục Thuế; v) Ban Kiểm toán nội bộ của HĐQT và vi) Kiểm toán độc lập bên ngoài mà nó được phép thuê.

Vào cuối năm tài chính, TCTXDSĐ gửi các dự thảo báo cáo tài chính tới các cơ quan có thẩm quyền liên quan (Cơ quan Thuế, Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính). Sau đó các bên này tiến hành kiểm toán và thanh tra TCTXDSĐ và đưa ra các bình luận và khuyến nghị về các báo cáo. TCTXDSĐ tổng hợp các khuyến nghị, thảo luận với các bên có liên quan, cố gắng đạt được sự nhất trí, và soạn ra bộ báo cáo tài chính cuối cùng. Theo các quy định của Chính phủ, chỉ cần kiểm toán hoặc thanh tra một lần mỗi năm do một trong sáu cơ quan giám sát và thậm chí trong trường hợp đã tiến hành một số kiểm toán, thì những kiểm toán về sau phải sử dụng những thông tin thu được của đợt kiểm toán trước làm điểm bắt đầu. Trong thực tế, TCTXDSĐ phải đáp ứng tất cả các yêu cầu về kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan giám sát, dù rằng một cơ quan có thể không có kế hoạch kiểm toán mỗi năm. Một cuộc kiểm toán có thể mất tới 5 tháng. Do đó, báo cáo tài chính thường sau hai năm khi kết thúc năm tài chính mới được hoàn tất. Ví dụ, vào tháng 9-2000, chỉ một cơ quan (cơ quan thuế) hoàn thành việc xác nhận của mình về các tài khoản năm tài chính 1999 của TCTXDSĐ.

Thư Quản lý. Một văn bản nghiệp vụ do kiểm toán viên bên ngoài đưa ra, nhưng TCTXDSĐ không bắt buộc phải theo các khuyến nghị của họ. Các nội dung chủ yếu tập trung vào các hoạt động kiểm soát truyền thống, trong khi sao nhãng các mặt quan trọng của môi trường kiểm soát và quản lý rủi ro.

Các vấn đề về kế toán. Các tài khoản của TCTXDSĐ và các chi nhánh của nó được tập hợp nhưng lại không được hợp nhất lại, vì các tiêu chuẩn để hợp nhất còn chưa được ban hành. Các khoản phải thu được phân loại thành ba loại: đến hạn, quá hạn và khó đòi. Tuy nhiên, không có tiêu chuẩn nào xác định rõ thế nào là nợ khó đòi. Có một kênh luật pháp để thu hồi các khoản nợ khó đòi: Tòa án Kinh tế thường đưa ra phán quyết trong một tháng, nhưng trong thực tế không thể thu được nợ, vì đất đai không phải là tài sản sở hữu ở Việt Nam và không được đem ra để cầm cố. Các dự phòng mất mát còn chưa được thường xuyên thực hiện. Mặc dù Bộ Tài chính yêu cầu các điều khoản này, nhưng không nhiều doanh nghiệp nhà nước tuân theo chỉ dẫn của Bộ Tài chính vì làm như vậy sẽ làm giảm lợi nhuận và sẽ có các hậu quả bất lợi cho doanh nghiệp. Ngoài ra, không có các tiêu chuẩn được ban hành về vấn đề này.

Trường hợp của TCTXDSĐ minh họa cho nhu cầu cấp bách cần sắp xếp hợp lý hoá các quá trình kiểm toán và thanh tra và các thông lệ kế toán và kiểm toán của các doanh nghiệp nhà nước, và tăng cường kiểm soát nội bộ bằng việc đưa ra một khuôn khổ kiểm soát nội bộ hiện đại chú trọng đến tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong hoạt động.



Trách nhiệm của Ban Giám đốc hội đồng quản trị doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Tổng quan

5.1 Việt Nam nâng chuyển nội tổng nền kinh tế do nhà nước quản lý sang nền kinh tế có nền hòng thò trường hòn. Cái cách doanh nghiệp nhà nước và phát triển khu vực ngoài quốc doanh là cơ sở của chiến lược cái cách của Chính phủ. Chiến lược cái cách này nhận thòc nội tổng tầm quan trọng của việc cái tiến nhiều hành doanh nghiệp, của thông tin tài chính nâng tin cậy và công khai này nội tổng Việt Nam.

5.2 Có hai luật, Luật Doanh nghiệp nhà nước chỉ phối các DNNN và Luật Doanh nghiệp chỉ phối các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Theo dõi thòc môi của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Thủ tổng phải chuẩn việc thanh lập các doanh nghiệp nhà nước môi trên cơ sở tổng trình của các Bộ tổng bộ chuyên ngành hoặc của những người tổng này tổng thanh phó và các khuyến nghò của Ủy ban Tham tổng. Người tổng ủy quyền thòc hiện thanh lập doanh nghiệp nhà nước cũng tổng coi là một phần của quá trình tham tổng. Người này tổng ủy quyền bộ nhiệm và sa thòc Chủ tịch và các thành viên của Hội tổng Quản trò (HÑQT). Tổng lỏc mình, Hội tổng Quản trò sẽ bộ nhiệm Tổng Giám tổng của doanh nghiệp nhà nước. Quyền chế tổng, ky luật và sa thòc Chủ tịch và các thành viên của HÑQT sau này có thể tổng ủy quyền cho các Bộ chuyên ngành hoặc các Ủy ban Nhận dẫn tổng.

5.3 Ở Việt Nam cái hai cơ chế theo dõi bên ngoài và nội bộ nhiều yếu. Ban Giám tổng không thòc hiện hiệu quả tổng giám sát quản lý của hội. Các thành viên của Ban Giám tổng không phải là tổng lập. Các cơ tổng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chò nhận thòc nội tổng quyền của mình. Tóm lại, hệ thống nhiều hành công ty có những yếu kém sau này:

- Thiếu sở minh bạch trong báo cáo và công khai tài chính, đặc biệt trong số các doanh nghiệp nhà nước.
- Ban Giám đốc DNNN không hiểu quá vì vai trò và trách nhiệm không rõ ràng. Ban Giám đốc các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không hiểu yêu cầu phải có các thành viên bên ngoài (ngoại lập).
- Quyền của các công nhân lao động rất theo Luật Doanh nghiệp, các công nhân không nhận được quyền của họ và không thực hiện các quyền của mình.
- Các thời gian nghỉ công ty thiếu minh bạch về kết quả hoạt động của công ty. Hiểu quá hoạt động cần phải hiểu rõ lương so sánh với mức lợi nhuận, những những mức này nên bỏ mọi do sử dụng Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam (TCKTVN) thay cho các Tiêu chuẩn Kế toán Quốc tế.
- Việc nghỉ hành công ty bị ảnh hưởng do thiếu phần minh bạch vai trò và trách nhiệm của chủ sở hữu, HĐQT và Ban Kiểm soát, nhờ đó minh bạch hóa đôi này.

Ban Kiểm soát trong doanh nghiệp nhà nước

5.4 Chức năng giám sát trong doanh nghiệp nhà nước Hội đồng Quản trị (HĐQT), là nơi diễn ra chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp, và Ban Kiểm soát, một HĐQT chuyên trách và chịu trách nhiệm giải trình trước HĐQT. Trưởng Ban Kiểm soát phải là thành viên của HĐQT. Một thành viên Ban Kiểm soát có thể là đại diện của công nhân. Các thành viên khác có thể hoặc không phải là thành viên của HĐQT. Chức năng của Ban Kiểm soát là trợ giúp HĐQT trong việc thanh tra và giám sát sự quản lý của doanh nghiệp trong các hoạt động tài chính, và trong tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và quy định của doanh nghiệp, và các giải pháp và quyết định của HĐQT.

Ban Kiểm soát trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh

5.5 Ban Kiểm soát trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh có khác một chút đối với nội dung chức năng rõ ràng hơn. Ban này hiểu hội đồng công nhân và thực hiện trách nhiệm giải trình cho hội đồng. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc hội đồng quản trị của những người nội hoặc kế toán trưởng không nằm trong Ban Kiểm soát. Tất cả thành viên của Ban Kiểm soát phải là bên ngoài. Một thành viên của Ban Kiểm soát phải có bằng chứng nhận kế toán.

5.6 Chức năng Ban Kiểm soát là

- Kiểm tra tính trung thực và tính hợp pháp của các hoạt động của công ty.
- Nghiên cứu các báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
- Thông báo cho HĐQT và báo cáo với Hội đồng công nhân về các kết quả của các hoạt động của mình.

- Nỗ ra những năng lực cao và cải tiến các hoạt động của công ty.

5.7 Chức năng Ban Kiểm soát của HŨQT trong nền kinh tế thị trường hiện nay của một số nước tập trung hơn vào hình thức kiểm soát. Các chức năng này bao gồm:

- Hoạt động như một bên độc lập và khách quan để giám sát quá trình báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty;
- Xem xét lại và thẩm định hoạt động kiểm toán của các kiểm toán viên độc lập của công ty và ban kiểm toán nội bộ;
- Cung cấp thông tin giữa Ban Quản lý các kiểm toán viên độc lập, ban kiểm soát nội bộ và ban lãnh đạo tại chính cao cấp của công ty.

5.8 Cuối thế kỷ, Ban Kiểm toán hỗ trợ Ban Quản lý thực hiện trách nhiệm giám sát bằng cách xem xét - cùng với các kiểm toán viên độc lập, ban kiểm toán nội bộ người làm công tác kế toán và tài chính - các vấn đề sau:

- Số tin cậy và tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và các thông tin tài chính khác;
- Số này nếu tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty về tuân thủ tài chính, kế toán, luật pháp và các quy định của Ban Quản lý và HŨQT nữa; và
- Các hoạt động kiểm toán, kế toán và tài chính của công ty nói chung.

5.9 Luật Doanh nghiệp năm 1995 và đổi thay của nó năm 1999 đã mở ra chức năng hai mặt của Ban Kiểm soát là kiểm soát và giám sát. Hai chức năng này tách biệt và khi kết hợp lại, sẽ dẫn tới số lần lớn trong trách nhiệm giải trình. Hơn nữa, các trách nhiệm của ban này không rõ ràng và không nếu cuối thế kỷ cung cấp một hướng dẫn hiệu quả Ban này có một vai trò hạn chế bồi đắp trong các hoạt động tài chính và tuân thủ các nguyên tắc và quy định.

5.10 Luật Doanh nghiệp cho khu vực ngoài quốc doanh có cuối thế kỷ và ít nhất là gần đây. Luật này đã đưa ra một chức năng giám sát và giám sát việc nhanh giải thanh tra và báo cáo. Tuy nhiên, giống như Luật Doanh nghiệp năm 1995, các chức năng của ủy ban kiểm soát cần phải được môi trường và làm cho để hiệu quả hơn nữa để phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất.

5.11 Năng lực tính hiệu quả của Ban Kiểm soát, Chính phủ nên xem xét thực hiện các bước sau:

- Cần nhắc việc soạn thảo một luật hợp nhất cho doanh nghiệp năm 1995 và doanh nghiệp ngoài quốc doanh để cung cấp những yêu cầu về kiểm soát và giám sát nội bộ có hiệu quả cho cả hai loại doanh nghiệp. Sau đó nâng cao trách nhiệm giải trình của Ban Giám đốc và Tổng Giám đốc theo Luật

Doanh nghiệp hợp nhất bằng cách nào vào luật này các thông lệ quốc tế tốt nhất tối thiểu;

- Xem xét việc thành lập Học viện đào tạo Giám đốc về năng lực cao kỹ năng và kiến thức của các thành viên Ban Giám đốc và Ban Quản lý. Đào tạo các kế toán viên, kiểm toán viên, các thành viên của Ban Kiểm soát và quản lý công ty về vai trò nào đó về năng lực cao của Ban Kiểm soát.
- Xem xét thành lập Học viện Kiểm toán viên Nội bộ là tổ chức chuyên nghiệp về năng lực cao các kỹ năng và kiến thức của kiểm toán viên nội bộ và cung cấp cho hội một nghề nghiệp là kiểm toán viên nội bộ



Những việc còn phải làm

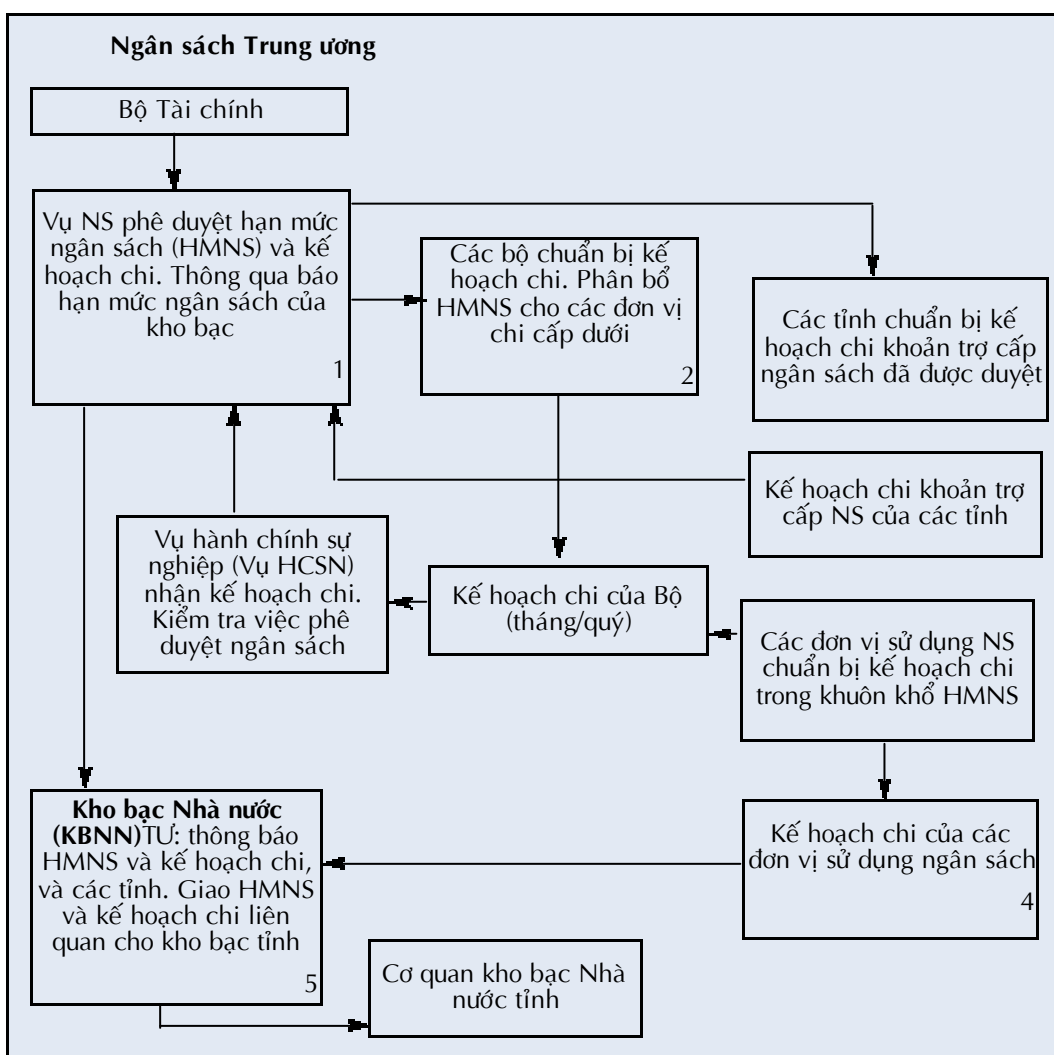
6.1 Các nội lực nếu cải tiến trách nhiệm giải trình tài chính trong khu vực công cần tập trung vào việc nâng cấp hệ thống quản lý tài chính của Chính phủ sắp xếp hợp lý hoạt động quản trị và thủ tục, hợp lý hoá và cũng có các cơ quan có trách nhiệm nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình. Cũng có một nhu cầu cấp bách là cải tiến báo cáo tài chính và kiểm toán tài chính cũng nhờ việc nhiều hành doanh nghiệp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và doanh nghiệp nhà nước.

6.2 Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy các biện pháp riêng rẽ nếu nâng cao trách nhiệm giải trình tài chính thông thường không hiệu quả. Các nhu cầu này phải được bổ sung bằng các biện pháp song song hợp thành một cái cách toàn diện giải quyết các vấn đề như nguồn nhân lực, cơ cấu trả lương, các biện pháp thực hiện, và các cách pháp luật. Chính phủ cần thông qua thực hiện một chiến lược nhiều mũi nhọn bao gồm cải cách hành chính, tăng cường khai năng giảm sút của cơ quan lập pháp, nữa vào thực hiện một hệ thống quản lý tài chính tích hợp, và xây dựng năng lực và cũng có các cơ quan chịu trách nhiệm về nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình. Trong khu vực công, những thay đổi công nghệ cần đi theo sau quá trình cải cách hành chính và sắp xếp hợp lý hoạt động quản trị và thủ tục.

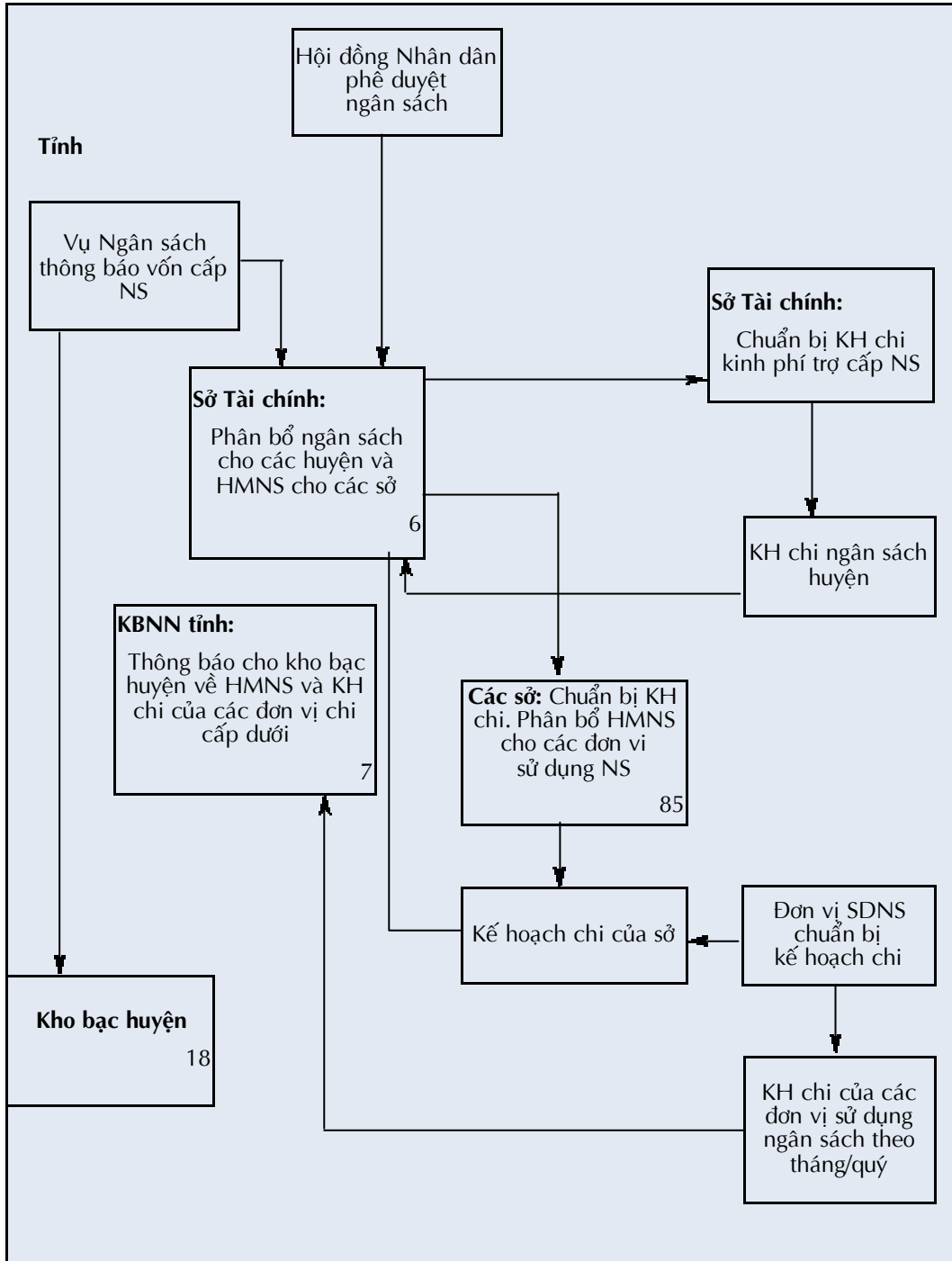


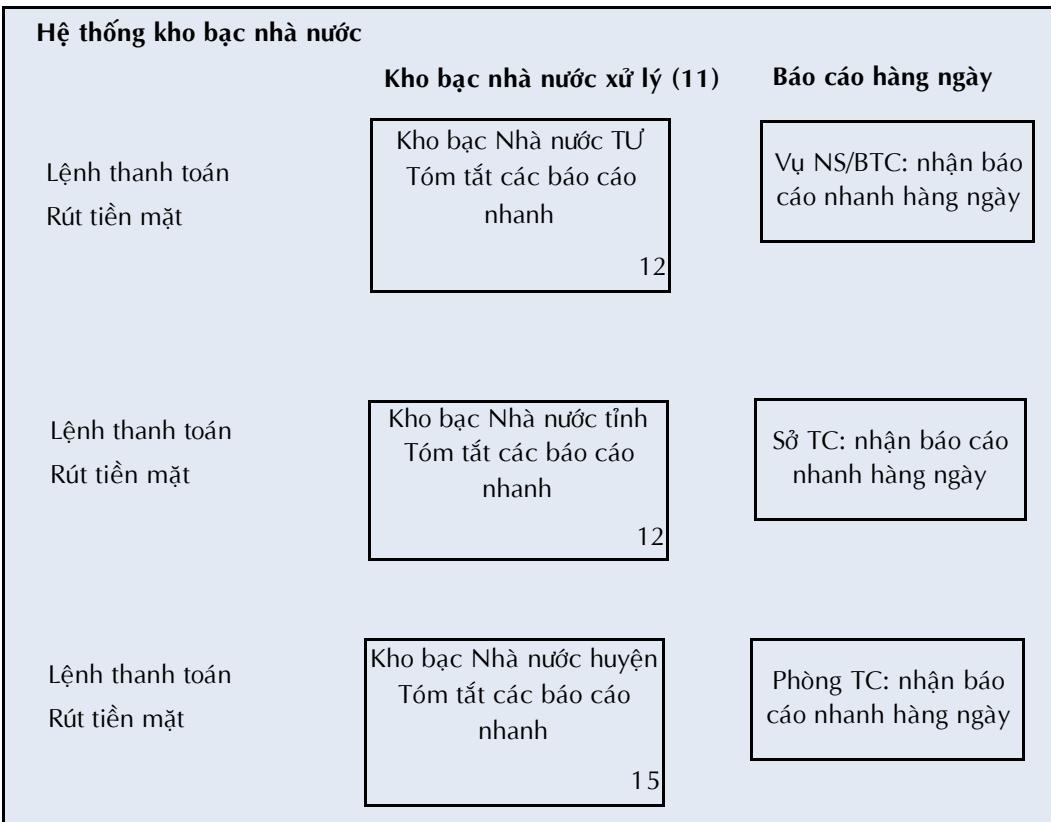
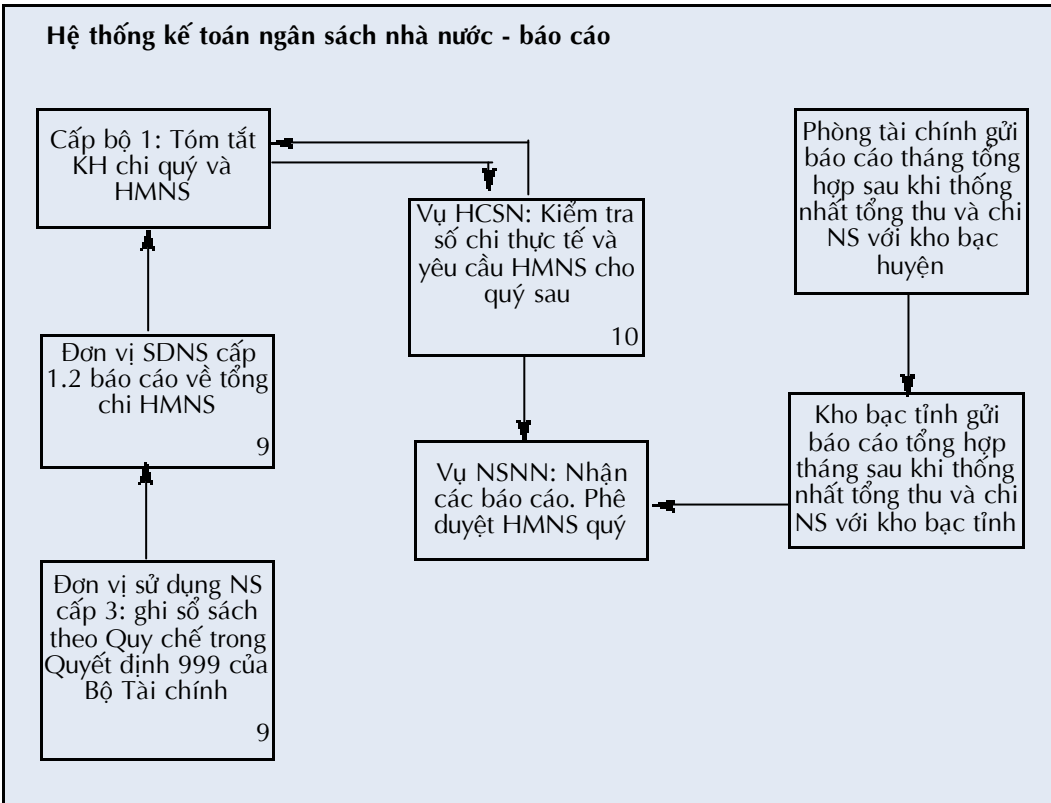
Quy trình phân bổ ngân sách, quyết toán và báo cáo trong khu vực công

Bộ Tài chính / Vụ Ngân sách Nhà nước (Vụ NSNN)
Phân bổ ngân sách cho cán bộ/các tỉnh

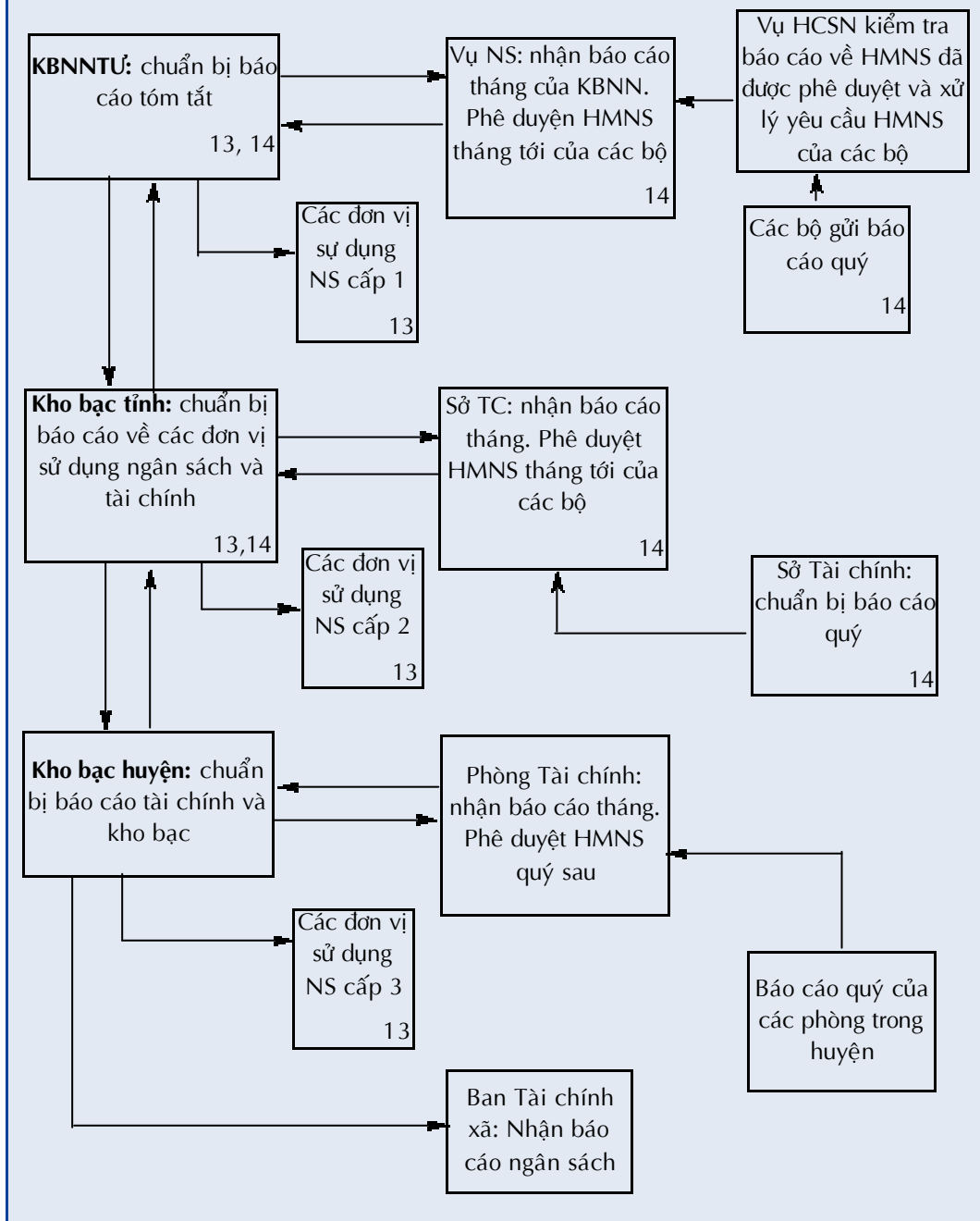


Bộ Tài chính / Vụ Ngân sách Nhà nước (Vụ NSNN)
Vụ Ngân sách nhà nước phân bổ ngân sách các tỉnh

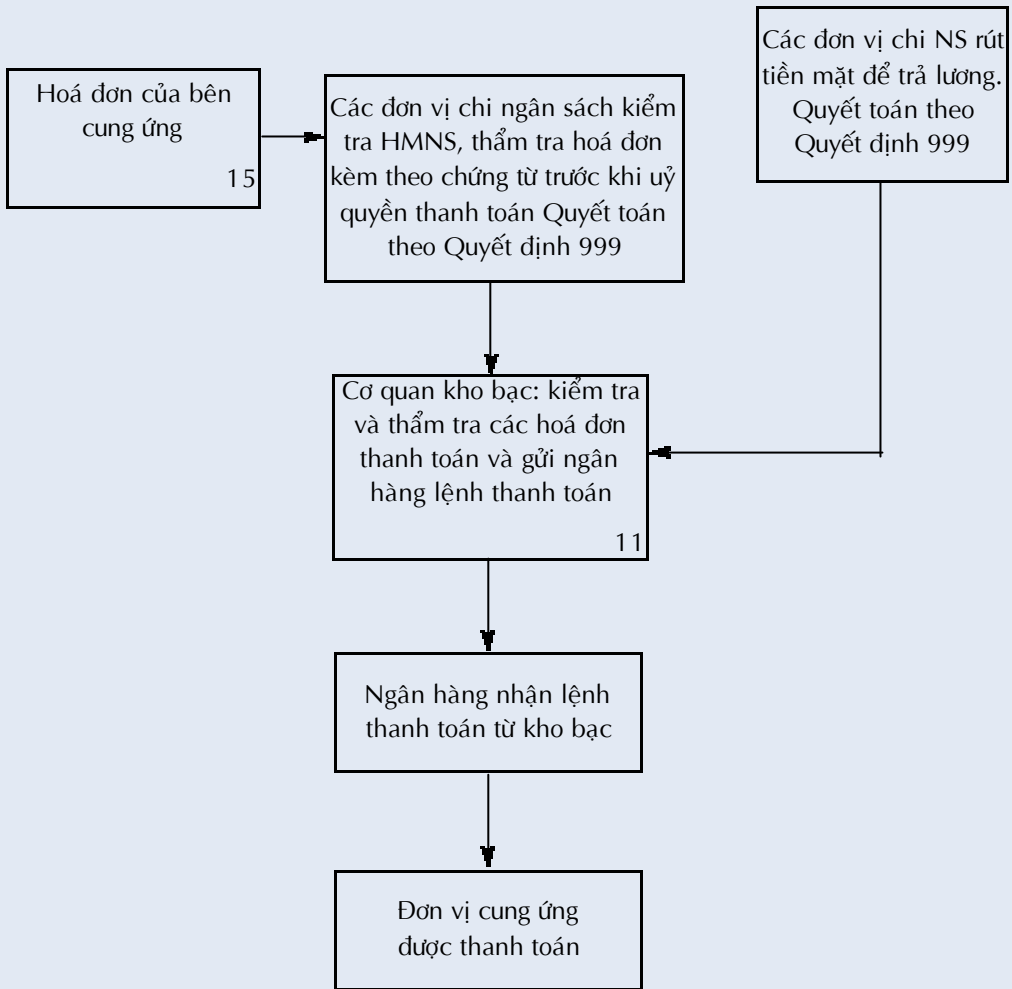




Hệ thống kho bạc nhà nước - báo cáo chung



Chi ngân sách thường xuyên: quy trình thanh toán



Kế toán khu vực công

Giải thích về sơ đồ quy trình kế toán

Ghi chú:

1. Ngân sách Nhà nước Quốc hội phê duyệt coi một số hàng mục chi hành chính số nghiệp. Quốc hội phê duyệt chi hành chính số nghiệp theo nhiều hàng mục lớn (nhỏ chỉ cho giao dư và ngân sách). Theo chế độ của Chính phủ Vui Ngân sách Nhà nước (Vui NSNN) phân bổ tổng ngân sách cho tổng bộ và trở lại cấp ngân sách cho các tỉnh. Sau nội các bộ và tỉnh nước thông báo với nước cấp, và các nội và ngân sách trong mỗi bộ xây dựng kế hoạch chi ngân sách theo ít nhất 11 hàng mục, cho đến 23 hàng mục để trình Vui Hành chính số nghiệp (Vui HCSN) và Vui Ngân sách Nhà nước, thuộc Bộ Tài chính (BTC) phê duyệt. Kế hoạch chi cũng nước phân bổ theo quy định và tháng. Số Tài chính (STC) cũng áp dụng quy trình tổng tài cho việc thanh toán với ngân sách cấp trung ương. Kế hoạch chi ngân sách cho mỗi nội và số dùng ngân sách (NVSDNS) sẽ trở thành hàng mục ngân sách (HMNS) trong khuôn khổ nội mỗi NVSDNS nước quyền chi và thanh toán.
2. Các bộ (cấp 1) giao hàng mục ngân sách cho các NVSDNS cấp 2; sau nội các nội và ngân sách cấp 2 giao hàng mục ngân sách cho các nội và ngân sách cấp 3. Các nội và ngân sách này nằm dưới số kiểm soát trực tiếp của NVSDNS cấp trên.
3. Vui HCSN nội chiểu kế hoạch tổng chi của tổng bộ với số nội nước duyệt và phân tích các hàng mục trước khi chuyển sang cho Vui NS phê duyệt. Sau nội Vui NS chuyển HMNS nội nước phê duyệt cho Kho bạc Nhà nước Trung ương (KBTÖ) để chuẩn bị kinh phí. Sau 15 ngày Bộ gửi công văn, nếu không có ý kiến phản hồi của Vui HCSN/Vui NS thì coi như kế hoạch chi nội nước phê duyệt.
4. Hàng quy định NVSDNS phải gửi đối toàn chi tiêu của mình lên Kho bạc nội giao dịch. Ngoài ra, các nội và số dùng ngân sách cấp trên sau khi nhận nước HMNS có quan tài chính thông báo sẽ tiến hành phân bổ hàng mục chi cho các nội và trước thuộc nội KBNN chuyển về các KBNN cấp dưới.
5. KBTÖ thông báo HMNS cho các bộ và trở lại trước khi chuyển HMNS xuống kho bạc cấp tỉnh tổng ương. Các kho bạc tỉnh sẽ chuyển HMNS xuống các kho bạc huyện tổng ương (tức là các kế hoạch chi ngân sách của các NVSDNS cấp 3).
6. Ủy ban Nhân dân tỉnh nhận trở lại cấp tổng Ngân sách Trung ương nội chi ngân sách theo các thông số kinh tế do Chính phủ đưa ra cao hơn mức thu

ngân sách của tỉnh. Các ngân sách tỉnh phải căn cứ theo nhu cầu về ngân sách của các huyện trong tỉnh. Nói với tổng cấp chính quyền áp dụng quy trình tổng tối nhỏ nhất ở mỗi tài khoản trên.

7. Kho bạc tỉnh giữ vai trò là KB cấp trên nói với cơ quan kho bạc huyện để phân bổ HMNS cho các kho bạc cấp dưới. Tại một số huyện, căn cứ thông báo về các giao dịch hàng ngày từ kho bạc huyện, Phòng Tài chính huyện vào sổ số liệu và thu chi ngân sách của các xã trong huyện trên hệ thống máy tính. Nhiều nơi ta có nhiều kiến nghị chiểu báo cáo cuối tháng và tuần thuế khoán báo cáo theo Quyết định 999 của Bộ Tài chính.

8. Tất cả các khoản và chi ngân sách và các cấp chính quyền cao hơn trong khu vực như nước (kể cả cấp xã huyện và Sở Tài chính) phải lưu giữ sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo Quyết định 999 ban hành năm 1996 của Bộ Tài chính gửi lại Chế độ Kế toán nội bộ và hành chính sở nghiệp. Số nợ tài khoản sử dụng ở đây nói với các NVSDNS phải hạch toán các khoản tài sản cố định hao, các khoản phải trả các khoản phải thu, nguồn vốn, thu chi ngân sách và các hàng mục nằm ngoài bảng cân đối tài sản. Các giao dịch phải nộp vào sổ hàng ngày, báo cáo tháng phải trình cấp cao hơn để tổng hợp các báo cáo của các khoản và chi cung cấp trình lên cơ quan cấp cao hơn, cuối cùng là trình Vui HCSN/Vui NS thuộc Bộ Tài chính.

9. Quyết định 999 quy định mẫu và nội dung tổng loại sổ kế toán và sổ cái phải có khi áp dụng một trong ba hình thức sổ kế toán nước ngoài, mẫu và nội dung tổng loại báo cáo do NVSDNS và cấp trên của NVSDNS chuẩn bị. Theo Quyết định này mỗi giao dịch phải hạch toán kép. Do phần lớn công việc vào sổ sách của các cơ quan Nhà nước là thủ công, nên có thể hiểu nước tài sản đã có các khoản và chi không thể tuân thủ yêu cầu báo cáo hàng tháng theo như Quyết định 999, vì vậy, trên thực tế phần lớn các NVSDNS chế lập báo cáo quy về chi ngân sách nước (và tổng thu nếu nước). Báo cáo quy nước trình cùng với đơn xin cấp HMNS quy sau của SU với khoản chờ chi hết nước tới tháng ghi cho HMNS năm sau, trở trở tổng hợp năm sau rồi áp dụng thủ tục khác. Các yêu cầu nêu trong Quyết định 999 phải nước tuân thủ vào cuối năm khi báo cáo thu chi trong khuôn khổ mức lúc ngân sách nước (nhờ là công, loại, nhóm, tiểu nhóm, hàng mục, tiểu hàng mục). Các tài khoản hàng năm sẽ nước báo cáo lên Vui HCSN, Vui HCSN sẽ chuyển cho Vui NSNN để tổng hợp số liệu theo Chế độ kế toán Ngân sách Nhà nước để chuẩn bị báo cáo quyết toán Ngân sách Nhà nước trình Quốc hội. Thông tin về tài sản cố định nước chuyển cho Vui Thuế của Bộ Tài chính để quản lý tài sản. Số liệu về các hoạt động thông mail do các bộ kiểm soát (ví dụ như Thuế xuất nhập khẩu của Bộ Tài chính) nước chuyển cho Vui Tài chính Doanh nghiệp để theo dõi.

10. Báo cáo nước báo cáo theo kiểu cấp trên tổng hợp số liệu từ cấp dưới và

của các NVSDNS cung cấp trước khi xây dựng báo cáo tổng hợp. NVSDNS và các Sở/Phòng Tài chính cấp dưới phải thống nhất với Kho bạc Nhà nước tổng ứng về HMNS và được phê duyệt và được giao trong quy định chuyên tài khoản trước, các nội dung HMNS vào cuối kỳ. Mặc dù các yêu cầu này áp dụng nội với báo cáo quy định một số tài khoản và huyển chuyển báo cáo tháng.

11. Trong năm các NVSDNS coi về không theo dõi thu chi này nữa vì Vui HCSN chế nhận được các báo cáo quy định tại các báo. Vì vậy, trong năm giới hạn chi cho chế một số bên tuân thủ hạn mức ngân sách, như: Kho bạc Nhà nước cấp, các cấp ngân sách 1 và 2 của Bộ các Sở và Phòng Tài chính, Vui HCSN và Vui NS. Đây là nhiệm vụ này được xem xét vì các cơ quan báo và tài khoản được phép thực hiện các hoạt động "kinh doanh" ngoài các chức năng chính, sử dụng các nguồn lực và phòng tiền từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp.

12. Nhớ ghi chú 5 ở trên cho thấy Kho bạc Nhà nước ghi HMNS cho các NVSDNS ở các vùng địa lý khác nhau nhớ vậy NVSDNS sẽ coi kinh phí sử dụng khi cần. Vì vậy, các cơ quan kho bạc sẽ thanh toán tại các đơn xin giải ngân từ NVSDNS nếu không vượt quá HMNS quy định. Hệ thống Kế toán Kho bạc Nhà nước áp dụng 2 biểu nội tại khoản: mức lực tại khoản Kho bạc nhằm mức khác riêng của Kho bạc, chi trả nguồn vốn thanh toán cuối thế và mức lực Ngân sách Nhà nước nhằm báo cáo chi tiêu ngân sách. Các cơ quan Kho bạc Nhà nước phát hành báo cáo tháng gửi các sở tài chính và phòng tài chính huyện, và Vui NS chi trả và chi tiêu ngân sách theo các hàng mục này được duyệt. Tuy nhiên, coi về hầu hết các đơn và nhận ngân sách không sử dụng loại thông tin này. NVSDNS không coi số liệu này nội chi tiêu. Khi nhận được lệnh thanh toán từ NVSDNS, kế toán viên của kho bạc sẽ kiểm tra HMNS và nếu coi HMNS, sẽ trả bớt HMNS trước khi chuyển sang cho kế toán trường kho bạc kiểm tra và nội chi tiêu với chứng từ kèm. Giám đốc kho bạc ra lệnh thanh toán bằng lệnh thanh toán. Lệnh thanh toán được viết thành 4 liên gửi cho các bên sau:

- 1 nội vào sổ kho bạc
- 1 nội gửi Vui NS hoặc Sở/Phòng Tài chính;
- 2 gửi Ngân hàng Nhà nước nội thanh toán, ngân hàng gửi lại 1 liên, 1 liên gửi cơ quan cùng ứng.

Nếu lệnh thanh toán từ NVSDNS nội lấy tiền mặt, nhớ nội thanh toán lòng, kho bạc chế tham tra xem nội vui HMNS không trước khi chuyển 2 liên lệnh thanh toán cho thủ quy kho bạc nội thanh toán: 1 liên nội thủ quy lưu giới 1 liên nội gửi NVSDNS.

13. NVSDNS huyện chuẩn bị báo cáo nhanh hàng ngày tại tất số liệu thu chi Ngân sách Nhà nước tại địa phương, và thu chi ngân sách huyện thông

báo về khoản ngân sách hoặc phê duyệt sẽ hoặc cấp tới cấp trên và tiến mặt tại kho bạc. Báo cáo này hoặc in làm 3 liên: 1 liên lưu giữ 1 gửi phong tại chính huyện và 1 gửi kho bạc tỉnh. Kho bạc tỉnh chuẩn bị báo cáo nhanh hàng ngày của mình sau khi nữa thông tin tới cơ quan kho bạc huyện và, thông tin chi tiết về ngân sách huyện. Báo cáo nhanh hàng ngày của kho bạc trung ương tổng hợp các dữ liệu từ báo cáo của tỉnh và cung cấp thêm thông tin về thu và chi Ngân sách Nhà nước. Báo cáo này hoặc gửi lên Vui Ngân sách nhà nước theo dõi toàn quốc ngân sách nói chung và việc thu từ một số hàng mục thu nhập cá nhân/ quan trọng nhất.

14. Hàng tháng hệ thống Kho bạc Nhà nước sẽ chuẩn bị 2 báo cáo: một nhà báo chiểu với NVSDNS và một nhà gửi Vui Ngân sách Nhà nước và Sở Tài chính. Báo cáo gửi NVSDNS về nội dung tổng tài trợ các ban sao kê của ngân hàng, nhà ra hạn mức, một thanh toán và nhà nhận ngân sách của mỗi NVSDNS trong tháng và số dư. Báo cáo gửi Vui NSNN/Cơ quan tài chính do các cơ quan NVSDNS chuẩn bị theo Mục lục ngân sách và các hàng mục nhà hoặc duyệt trong HMNS. Thông NVSDNS nhà hoặc tài trợ tiền sử dụng hàng mục ngân sách nhà hoặc Vui NSNN/Cơ quan tài chính phê duyệt, bắt kỳ lần chuyển chi từ hàng mục này sang hàng mục khác nhà hoặc phải hoặc báo chú quản và cơ quan tài chính tài trợ quyền phê duyệt.

15. Về nguyên tắc, NVSDNS phải gửi báo cáo quy định nhà Báo Tài chính xem xét phê duyệt HMNS cho quy định sau. Tuy nhiên, mỗi NVSDNS cũng phải gửi đơn xin cấp hạn mức ngân sách lên Báo chú quản 5 ngày trước khi kết thúc quy định và báo chú quản trình Báo/Sở Tài chính phê duyệt. Vì vậy, tài trợ tài trợ thông tin thanh toán trong quy định trước khi hoặc Kho bạc thông báo hạn mức. Quy trình thông báo HMNS giống nhà nhà năm tài trợ quy chế cho phep NVSDNS tài trợ chuyển HMNS nhà chỉ hết sang quy định tiếp theo.

16. Các nguyên tắc về nhà thầu phải hoặc tuân thủ trước khi chi, nhà biệt lại nhà với chi xây dựng cơ bản. Các khoản chi XDCB có giá trị trên 500 triệu nhà và các khoản chi hành chính trên 100 triệu nhà phải hoặc nhà thầu, Thủ tài trợ NVSDNS, hoặc ngoài hoặc quy định phải uy nhiệm chi trước khi cam kết chi tiêu.

17. Báo phận tài chính của NVSDNS kiểm tra lại nhà nhà với các chứng tài trợ kèm nhà hợp nhà, nhà nhà mua hàng, và hàng nhà nhà và kiểm tra xem nhà nhà tài trợ trước khi giảm nhà NVSDNS duyệt lệnh thanh toán gửi cơ quan kho bạc.

18. Tài trợ hai phương pháp cấp phát ngân sách: bảng Hạn mức ngân sách (HMNS) và Lệnh chi tiền (LCT). Vui Ngân sách nhà nước (ô trung ương) và các cơ quan tài chính cấp sử dụng tài trợ hai phương pháp này. Trong tài trợ hợp chi ngân sách bảng HMNS, Kho bạc Nhà nước tài trợ kiểm soát chi.

Việc này bao gồm kiểm tra HMNS và nội chiếu với hoài nghi và chống tội rửa tiền. Trong trường hợp chỉ bằng lệnh chỉ tiền, cơ quan tài chính kiểm soát chỉ trước khi cấp LCT (hoặc chỉ thẳng cho nền và cung ứng hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của NVSDNS tại Kho bạc). Khi tiền đã chuyển vào tài khoản của NVSDNS, Kho bạc không kiểm soát hồ sơ chống tội rửa tiền trước khi thanh toán khi chỉ tiền từ tài khoản này.

19. Ở các cấp chính quyền cấp dưới, cũng áp dụng cơ chế quyết toán và báo cáo tổng tội nhỏ vậy: các xã báo cáo Phong Tài chính huyện, Phong Tài chính huyện báo cáo Sở Tài chính tỉnh và Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính (Vui NSNN). Nhiều nội dung có nghĩa là trong khi các Phong/Sở Tài chính các cấp sử dụng hệ thống mức lương ngân sách nhà nước và việc quyết toán và báo cáo, các NVSDNS trong mỗi lĩnh vực lại sử dụng Hệ thống kế toán nền và hành chính sử dụng với trong tâm khác và số nội tại khoản chi tiết hơn. Nhờ vậy các xã và NVSDNS cấp xã hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu về báo cáo tháng. Chẳng hạn ở tỉnh Hà Tây, hàng tháng Sở Tài chính báo cáo lên Vui NS việc thu và chi theo tháng, và tổng chi cấp nhất, nội với tỉnh, các huyện và một số xã báo cáo chi theo các hàng mục lớn nhỏ tiền lương, chi xây dựng cơ bản, các khoản chi hành chính sử dụng và chi ngoài ngân sách khác. Vào cuối năm, các quyết toán ngân sách có chứa thông tin chi tiết hơn về công (mức lương cơ quan), nhóm và tiêu nhóm (mức lương chức năng) và hàng mục/ tiêu hàng mục (mức lương theo nội dung kinh tế). Tuy nhiên, các quyết toán hiện tại chưa chứa chi tiết về 123 xã và chưa tổng hợp số liệu trôi chảy ngân sách cho 201 xã còn lại trong tỉnh. Để kiến nghị các huyện và tỉnh sẽ coi thể tuân thủ Luật Ngân sách 1997 là nữa tất cả các xã vào quyết toán ngân sách vào vài năm tới.

Trong khi Kho bạc tỉnh báo cáo hàng tháng cho Sở Tài chính Hà Tây về thu chi các hàng mục chi tiết theo mức lương Ngân sách Nhà nước, tổng chi theo tháng trong báo cáo này phải thống nhất với con số chi trong báo cáo do Sở Tài chính lập gửi Vui Ngân sách nhà nước.

Quy trình theo dõi ngân sách tổng tội nhỏ áp dụng cho cấp tỉnh: Có khoảng 700 NVSDNS và 146 DNNN ở Hà Tây (113 DNNN cấp tỉnh và 33 cấp trung ương). NVSDNS tỉnh báo cáo hàng tháng về chi tiết hàng mục nhà nước phê duyệt lên các Sở Phòng, Ban chuyên ngành, các Sở Phòng, Ban này lại báo cáo lên phong hoặc vui HCSN. Tất cả các DNNN báo cáo hàng tháng lên nền và theo dõi DNNN của Sở Tài chính, phong ban chức năng, và Cục Thuế và Cục Thống kê tỉnh. Nội dung là khoảng 50% DNNN làm ăn không có lãi do 2 nguyên nhân chính:

- Thiếu kỹ năng và năng lực quản lý thích hợp tại các DNNN

- Thiếu vốn nên rất nhiều DNNN không đủ sức cạnh tranh coi hiệu quả và chiếm lĩnh thị phần.

Phòng Quản lý tài chính DNNN coi 3 vai trò chính:

- Hướng dẫn và kế toán tài chính và báo cáo;
- Kiểm tra việc tuân thủ tài chính thông qua kiểm tra tài doanh nghiệp hàng quý và
- Thu thập thông tin về báo cáo Báo Tài chính.

Phòng Tài chính huyện thực hiện chức năng chuẩn bị ngân sách nhà Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân cấp huyện phê duyệt, phân bổ theo dõi và báo cáo ngân sách lên cấp cao hơn. Ở huyện Hoài Ninh tỉnh Hải Tây, coi 21 xã và 1 thị xã Phòng Tài chính coi 7 máy tính và phần mềm do Bộ Tài chính cung cấp, và số các giao dịch hàng ngày của các xã từ các báo cáo hoạt động do Kho bạc huyện gửi tới. Phần mềm ôi này áp dụng hệ thống mức lúc ngân sách nhà nước, phần nào coi số trung lập trong việc và số nhà nước Kho bạc huyện thực hiện. Tuy nhiên, do và số Phòng tài chính huyện coi thể nạp ồng thời hạn báo cáo tháng gửi Sở Tài chính (trước tháng 5 tháng sau).

Kho bạc huyện thấy rằng hơi gần với khách hàng hơn, nên coi thể hướng dẫn và theo dõi các giao dịch do xã thực hiện sát sao hơn. Ngoài ra, coi gần 100 NVSDNS trong huyện; mỗi NVSDNS coi hơn 1 tài khoản "môi tài Kho bạc huyện": 1 tài khoản ngân sách và các tài khoản khác cho đối an và/hoặc tiện uy thác. Coi một số hợp tác xã trong huyện, những hơi không số dùng Kho bạc huyện vì hơi coi tài khoản ngân hàng riêng đặt tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



Kế toán khu vực công: Đánh giá Quyết định 999 TC/QĐ/CĐKT

Các yêu cầu hiện nay:

Sổ sách và quy trình kế toán hiện sử dụng tại các Bộ và Sở nhận ngân sách ở các cấp chính quyền nước quy định trong Quyết định 999 (Quyết định này ban hành vào tháng 11 năm 1996, với các nội dung áp dụng lại các nội dung ban hành chính sở nghiệp không có các hoạt động nào đó). Các yêu cầu này nước cũ thể hiện và phối hợp tại các loại sổ sách cần lưu giữ nội dung và các báo cáo cần thực hiện hàng quy định sử dụng có sổ kế toán tiền mặt và các biến đổi về hạch toán kết nối với phần lớn các giao dịch. Thiếu nguồn lực và kỹ năng kế toán ở cấp sử dụng ngân sách và các cấp chính quyền nhà phòng nên không đáp ứng được yêu cầu phải báo cáo nhỏ trong Quyết định 999 nếu có thể theo dõi việc thực hiện Ngân sách Nhà nước trong năm, nên các cấp chính quyền cao hơn và các Bộ có thể tổng hợp vào báo cáo của họ:

Quyết định 999 yêu cầu các nội dung chỉ phải lập 5 loại báo cáo và một số phụ biểu theo quy định (và năm)

- Mẫu B01 – H Bảng cân đối tài khoản;
- Mẫu B02 – H Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí năm sử dụng;
- Mẫu B03 – H Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản có hình
- Mẫu B04 – H Báo cáo kết quả hoạt động nghiệp vụ thu
- Mẫu B05 – H Thuyết minh Báo cáo Tài chính;
- Mẫu F02 – 1H Chi tiết kinh phí hoạt động nhà nghề quyết toán;
- Mẫu F02 – 2H Chi tiết thu chi đối ứng nhà nghề quyết toán trong kỳ báo cáo; và
- Mẫu F02 – 3H Bảng nội dung hạn mức kinh phí.

Chiều phụ biểu số F02- 3H "Bảng nội dung hạn mức kinh phí" hoặc mẫu lược

giảm nợ công tuân thủ thông lệ xuyên nhờ một bộ phận trong quy trình báo cáo quy định tài liệu kiểm tra cho Bộ Tài chính và các Sở hoặc Phòng Tài chính phân bổ hạn mức ngân sách cho quy định tiếp theo cho mỗi đơn vị chi.

Kho bạc Nhà nước các cấp (trước thuộc Bộ Tài chính) báo cáo hàng tháng tổng cộng cho Vụ Ngân sách Nhà nước, và các Sở Tài chính ở cấp tỉnh và Phòng Tài chính huyện và thu chi thực tế sử dụng hệ thống mức lực Ngân sách Nhà nước. Người ta hiểu rằng các báo cáo này được sử dụng chủ yếu để nói chiểu tổng thu và chi với tổng số ở cấp huyện/tỉnh/trung ương. Vì vậy các đơn vị chi tiêu ngân sách ít theo dõi "trong năm" việc chi tiêu chi tiết của mình trừ việc năm báo lại chi không vượt quá hạn mức ngân sách. Tuy nhiên, hệ thống giải ngân hiện hành qua các kho bạc nước kiểm soát chặt chẽ mỗi trong bất kể trường hợp nào cũng không thể vượt quá hạn mức ngân sách.

Nhận xét và khuyến nghị

Nhìn chung mỗi người cho rằng các yêu cầu kế toán và báo cáo hiện nay theo Quyết định 999 là phức tạp và công kênh do tất cả các cấp đều thiếu kỹ năng kế toán và thiếu trang thiết bị tính toán. Trong thời kỳ tranh luận về việc thực thi cải cách nữa ra các yêu cầu mới hay không, cần biết là về việc sử dụng chế độ hạch toán kép, vì Ngân sách Nhà nước/tỉnh/huyện nước lập và phê duyệt trên nguyên tắc tiền mặt. Do kế toán chưa là một công cụ ghi chép và báo cáo các giao dịch kinh tế hệ thống kế toán khu vực nhà nước cần tuân thủ thông lệ pháp luật Chính phủ (hoặc Ủy ban nhân dân) và Quốc hội (hoặc Hội đồng nhân dân) lập kế hoạch và quản lý việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực thông qua quy trình ngân sách năm. Vì vậy, việc sử dụng hệ thống hạch toán kép trong mỗi trường hợp chủ yếu sử dụng tiền mặt có thể không có hiệu quả nhất và không phải là cách có hiệu suất nhất nếu thu thập một số dữ liệu quan trọng để giải trình. Có nhiều cách đơn giản hơn nếu cần nước mức mức này. Kiểm tra nữa ra là yêu cầu lưu giữ số sách và báo cáo nói với các đơn vị chi và các cấp chính quyền cao hơn nước lược giảm theo các cách sau:

- Kho bạc tiếp tục báo cáo (hàng ngày và hàng tháng) cho Bộ Tài chính/Sở Tài chính về tổng chi và thu. Yêu cầu báo cáo về chi tiêu hàng tháng nói với các hàng mục/tiểu hàng mục nhà nước phê duyệt hoặc sẽ bị cắt bỏ (Nếu hiện hơn nữa nghĩ xem Phụ lục 1 về số nhà ngân sách/quy trình thanh toán trang 4, điểm 13).
- Các đơn vị chi đơn giản hoá việc và số bằng cách hạch toán "nôn" số chi theo các hàng mục/tiểu hàng mục nhà nước phê duyệt; hiện nay yêu cầu rất ra là ít nhất là 11 hàng mục và nhiều nhất là 23 hàng mục. Trong thời kỳ cần có các yêu cầu thống nhất nói với tất cả các đơn vị chi. Ví dụ nhỏ, về số mức lực hàng mục phải là 11 hoặc 23, hoặc bất kỳ con số nào nằm giữa 11 và 23. Nói với chi mua tài sản, có thể ghi và số cái "hạch toán đơn"

và ghi vào sổ năng kỳ tại sân nhỏ hàng mức ghi nên hồi

Phải kiểm tra nội chiểu vào cuối tháng số đo trong sổ cái ghi tiền mặt với số đo tiền mặt của các đơn vị sử dụng ngân sách tài kho bạc. Nếu xuất nay sẽ có thể giúp làm cho việc ghi sổ và báo cáo chi tiêu công đơn giản hơn vì hiện nay tất cả các hoạt động và thanh toán các khoản của đơn vị sử dụng ngân sách đều thực hiện bằng tiền mặt. Chẳng hạn như bằng cách rút tiền mặt để trả lương; hoặc thông qua việc cô quan kho bạc phát hành séc sang Ngân hàng Nhà nước, hoặc thông qua báo lãnh của kho bạc để thanh toán hoạt động với bên cung ứng.

Vào cuối tháng, các đơn vị chi phải thống nhất tổng thu và tổng số tiền thanh toán nhỏ nêu trong sổ cái với con số ghi trong bản sao kê "tiền gửi" do kho bạc phát hành. Các mẫu sau đây nêu để xuất xem xét:

Mỗi sổ đo tiền mặt

Công hạn một ngân sách nào nhất trong tháng

Công các khoản thu nào nhất khác

Trở tổng số nào nhất thanh toán (Xem Phụ lục X)

Bảng số đo tiền mặt cuối kỳ ở kho bạc.

Số đo cuối kỳ phải thống nhất với số đo theo báo cáo của kho bạc liên quan. Ở đây có lý do xác định nên sẽ khác biệt giữa hai con số cần liệt kê các hàng mức nhiều lần và xử lý trước khi kết thúc tháng sau.

- Báo kỳ khoản rút tiền mặt nào cho các khoản chi nào nhất quyết toán trên cơ sở hồi tài
- Rút tiền mặt để chi lương phải nêu nội chiểu với số liệu chi tiết về báo kỳ khoản tiền lương nào chờ nhất thanh toán có ghi trong sổ lương. Lương chờ thanh toán phải nộp gửi lại vào kho bạc sau khoảng 1 tuần trở lại khi có lý do chính đáng giữ lâu hơn, tuy nhiên không nên vượt quá thời hạn sau kỳ trả lương lần tới.
- Thông tin đính kèm chi tiết thanh toán có thể theo mẫu:

Tổng số thanh toán trong tháng phải khớp với tổng số thanh toán trong bản

Chi	Cùng kỳ năm trước	Đã thanh toán trong tháng	Cộng dồn cả kỳ
Mô tả hạng mục xxx			
Mô tả hạng mục yyy			
(. trong khoảng 23 hạng mục)			
Tổng số đã thanh toán			

sao kê "tai khoản" tại kho bạc. Tổng công đơn trong năm nói với mỗi hàng mục phải nộp bổ sung vào tổng số tiền thanh toán lũy tiến nói với hàng mục nói

- Nói với các đơn vị chi coi thu từ các hoạt động ngân sách chính, phải chuẩn bị bản sao kê tóm tắt riêng về tất cả các khoản thu nào nhận nộp và thống nhất với hàng mục "Thu khác" khi nói chiếu với "tai khoản tại kho bạc". Mẫu bản sao kê phải tổng tới nhỏ mẫu báo cáo tóm tắt về thanh toán.
- Nói với các đơn vị chi coi các hoạt động "thông mail" năng kế phải coi số ghi riêng các khoản thu và chi này, ngoài số ghi các hoạt động ngân sách chính và tốt nhất là hạch toán trên cơ sở công đơn, tùy theo nội dung hoạt động thông mail và khối lượng giao dịch. Khi sử dụng các phòng tiền và nguồn lực dung vốn ngân sách, phải thu phí "quản lý" và phí này phải nộp có quan cấp cao hơn (như Bộ hoặc Vụ Hành chính sự nghiệp) thuộc Bộ Tài chính hoặc Sở/Phòng tài chính tổng nông, phê duyệt vào đầu năm. Phí "quản lý" này cũng là khoản chi nói với các hoạt động thông mail và phải nộp quyết toán phục hồi. Nếu xuất này năm báo tính minh bạch trong các hoạt động thông mail và tránh mọi khoản trừ cấp ngân sách.
- Việc mua tài sản có hình phải nộp ghi vào sổ hàng ký tài sản hàng tháng. Vụ Quản lý Công sản phải đặt ra giải trừ tối thiểu cần phải thu hồi vốn nếu tránh ghi sổ không cần thiết các hàng mục tài sản nhỏ
- Báo cáo lên cấp trên phải bao gồm kết quả nói chiếu với "tai khoản" tại kho bạc, sao kê thanh toán hoạt động và một bản về năng ký tài sản (nếu biết). Nói với các đơn vị chi coi nhiều hoạt động thông mail, báo cáo tài chính quy bao gồm sao kê lợi nhuận và thiết hại, Bảng cân nói và báo cáo luận chuyển tiền là yêu cầu tối thiểu.

Các nhà xuất trên này nếu đơn giản nếu không cần phải coi cân bỏ coi hiệu biết về kế toán nếu duy trì hệ thống này. Cần tuân theo cân bỏ kế toán giới khi có quan hoặc đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện các hoạt động thông mail năng kế Trong trường hợp nội coi thể đổi kiến coi nếu thu nhập nếu thuê một kế toán chuyển trách cho các giao dịch thông mail nếu năm báo minh bạch giữa các hoạt động này và các nghiệp vụ nộp ngân sách hoạt động.

Chúng tôi cũng tin rằng nếu xuất nào ra nếu đơn giản nếu xử lý nhanh chóng và ghi các giao dịch thuế công nếu coi thể báo cáo tháng kịp thời lên các cấp cao hơn. Nếu nếu giúp theo dõi thông xuyên việc thực hiện Ngân sách nếu coi thể tiến hành sớm chờ ngay lập tức.

Mặc dù con phải nghiên cứu thêm nếu nếu coi thể các chi tiết cần vào sổ và mẫu báo cáo, việc này coi thể làm khẩn trương nếu coi thể thực hiện một số hoạt động nào tạo cho các nhân viên coi liên quan nếu cần.



Các mốc chuẩn về chức năng kiểm toán và thanh tra

Các nguyên tắc chi phối vai trò của kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ.

Cải tiến chuẩn của Hiệp hội Kế toán Quốc tế (IFAC) và IIA nêu phân biệt rõ ràng nhiệm vụ của kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên nội bộ Hoạt động của hai lĩnh vực này có thể chồng chéo ở những lĩnh vực nhờ năng lực sở hữu này của các biện pháp kiểm soát kế toán. Mặc dù có một số trung lập những khác biệt vẫn nhiều hơn những nhiệm giống nhau bởi vì các mục tiêu lại khác nhau:

Kiểm toán viên nội bộ	Kiểm toán độc lập
Là một nhân viên của một tổ chức	Là một bên độc lập
Độc lập với các hoạt động được kiểm toán nhưng sẵn sàng để đáp ứng các yêu cầu của ban quản lý	Độc lập với ban quản lý, cả về sự kiện và tinh thần thái độ
Xem xét lại các hoạt động một cách liên tục	Xem xét lại các hồ sơ hỗ trợ cho các bản quyết toán tài chính theo định kỳ (*)
Phục vụ cho các nhu cầu của tổ chức	Phục vụ các bên thứ ba, những người cần thông tin tài chính đáng tin cậy(*)
Tập trung vào các sự kiện trong tương lai bằng việc đánh giá các biện pháp kiểm soát được thiết kế để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của tổ chức đó.	Tập trung vào sự chính xác và tính đáng tin cậy của các sự kiện đã xảy ra như được mô tả trong các bảng quyết toán tài chính (*).

Lưu ý: Ba tính chất cuối của kiểm toán viên bên ngoài (ánh sáng) (*) ở trên có thể khác với nội dung của nhiệm vụ của kiểm toán viên Chính phủ ở nội dung kiểm toán viên Chính phủ cũng phải chịu trách nhiệm về sự gian lận và các vấn đề trách nhiệm giải trình tài chính khác.

Khuyến nghị những thay đổi đối với Việt Nam

So với mô hình 2 cơ quan cho kiểm toán và thanh tra, Việt Nam coi bốn cơ quan liên quan tới công tác giám sát:

1. Kiểm toán Nhà nước coi vai trò tổng tài nhỏ vai trò của Cơ quan Kiểm toán tối cao ở các nước khác;
2. Ban Thanh tra của Bộ Tài chính thực hiện chức năng thanh tra tại chính. Ban này tiến hành thanh tra tại chính nói với tất cả các bộ;
3. Ban Thanh tra của mỗi bộ thực hiện chức năng kiểm toán hoạt động chuyên ngành ;
4. Thanh tra Nhà nước thực hiện chức năng nhiều tra, một phần tổng tài nhỏ Cơ quan Thanh tra hòa giải (Ombudsman) ở các nước khác.

Tại Việt Nam, việc kiểm toán và thanh tra tại chính nước phân chia giữa ba cơ quan riêng rẽ. Nhiều nay dần nên khôi phục trong phối hợp và nảy sinh chồng chéo trong công việc. Ví dụ, Ban Thanh tra của mỗi bộ ít thực hiện vai trò kiểm toán kết quả hoạt động những lại tham gia chủ yếu vào việc kiểm toán số thuế thu Tổng tài, Kiểm toán Nhà nước và Ban Thanh tra của Bộ Tài chính nếu kiểm toán tại chính và kiểm toán số thuế thu

Khuyến nghị là nên tổ chức việc phân giải nhiệm vụ phân rạch rõ vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia trong hoạt động kiểm toán và thanh tra với số quan tâm đặc biệt nên vai trò và trách nhiệm của Ban Thanh tra của Bộ Tài chính với Ban Thanh tra của mỗi bộ



Ủy ban của các tổ chức bảo trợ cho Ủy ban Treadway (COSO) và khái niệm kiểm soát nội bộ hiện đại

Bối cảnh lịch sử

Sau vụ bê bối Watergate, trong nội các khoản thanh toán bất hợp pháp cho chính phủ nước ngoài bị phát giác, Quốc hội Mỹ đã thông qua Nhiều luật Hành vi tham nhũng của nước ngoài (1977). Nhiều luật này nhấn mạnh việc kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa những khoản thanh toán bất hợp pháp và dẫn đến yêu cầu ghi chép rất đầy đủ mọi hoạt động kiểm tra kết toán nội bộ. Cùng thời kỳ, sự sụp đổ của quy định Cho vay và Tiết kiệm nội địa dẫn đến việc hình thành Ủy ban Quốc gia về Gian lận trong báo cáo Tài chính, do ông Treadway, Luật sư trưởng của Paine-Weber, đứng đầu, được gọi tắt là Ủy ban Treadway. Năm 1987, Ủy ban này kêu gọi các tổ chức báo trôi cùng hợp tác để kết hợp các khái niệm về kiểm soát nội bộ khác nhau, và xây dựng một cơ sở tham khảo chung. Sau vài năm nghiên cứu và thảo luận, Ủy ban của các tổ chức báo trôi cho Ủy ban Treadway (COSO) đã xuất bản báo cáo vào năm 1992. Báo cáo COSO được thừa nhận rộng rãi là một công trình có uy tín về khái niệm kiểm soát nội bộ và việc hành giải.

Tuy nhiên, con số sai khác nhau lớn giữa báo cáo COSO 1992 và Nhiều luật Hành vi Tham nhũng của nước ngoài năm 1977; COSO vượt ra ngoài phạm vi tài chính và kế toán trong quản lý và chuỗi cung cấp nên còn ngoài, nên giải thích nào đó của hội, tính trung thực và năng lực chuyên môn phong cách quản lý quản lý rủi ro, nào đó nhận việc, và phát triển sự nghiệp. COSO coi nguồn gốc từ kế toán, giờ đây tôi mình trôi thành một khuôn khổ quản lý chung.

Khuôn khổ COSO. Khuôn khổ này xác định kiểm soát nội bộ là một quá trình chịu ảnh hưởng của con người và nó ra đời năm báo tổng nội và việc này được ba mục tiêu sau đây:

- Hiểu rõ và hiểu quả trong hoạt động
- Nội tin cậy của các số liệu tài chính và báo cáo tài chính
- Tuân thủ luật pháp và quy chế

Trong mục "Hiểu rõ và hiểu quả hoạt động", Khuôn khổ này bao gồm: tuân theo các chính sách, thủ tục, và kế hoạch, báo về tài sản, sử dụng tiết kiệm và hiểu quả các nguồn lực, các số liệu và báo cáo hoạt động phải đáng tin cậy, và đạt được các mục đích và mục tiêu.

Khuôn khổ này bao quát tất cả các khía cạnh truyền thông và kiểm soát. Tuy nhiên, nó cũng bổ sung thêm một khía cạnh môi trường và quan trọng là kiểm soát nội bộ phải là một quá trình chủ động của con người.

Nói với mọi mục tiêu trên, có năm cấu thành của kiểm soát:

- Mọi trường kiểm soát lành mạnh;
- Quá trình hành giải rủi ro lành mạnh;
- Các hoạt động kiểm soát vận hành lành mạnh;
- Một hệ thống thông tin và truyền thông liên lạc lành mạnh;
- Giám sát hữu hiệu.

Đánh giá kiểm soát nội bộ

Kiểm soát nội bộ có thể được coi là hữu hiệu nếu ban quản lý có thể nắm bắt một cách hợp lý rằng hội đồng quản trị (hoặc một hội đồng mục tiêu của tổ chức; ii) báo cáo tài chính được soạn thảo một cách đáng tin cậy; và iii) các luật lệ và quy chế áp dụng phải được tuân thủ. Hành giải hiệu lực này xuất phát từ một hành giải xem năm cấu thành của kiểm soát có đạt được và vận hành một cách hữu hiệu không. Việc chúng vận hành một cách hữu hiệu sẽ cho một năm báo cáo hợp lý về việc đạt được ba mục tiêu chính của kinh doanh.

Khi hành giải xem một hội đồng (hay một tổ chức) có cần Khuôn khổ này không và sẽ có lỗi gì khi áp dụng khuôn khổ kiểm soát như COSO, có thể là những câu hỏi sau đây:

Môi trường kiểm soát

- Một hội đồng các nhà quản lý và nhân viên đạt được và tính trung thực, năng lực, và các giá trị đạo đức?
- Bản chất của phòng chăm quản lý và phong cách vận hành có phù hợp không?
- Việc ủy quyền và trao trách nhiệm có đúng mức không?

- Việc tổ chức các nguồn lực sẵn có có hiệu quả hay không?
- Nào tạo và phát triển sở nghiệp công danh cho con người có hiệu quả thực hiện những mục tiêu không?

Đánh giá rủi ro

- Ban quản lý có nhận ra được các mức tiêu thụ tập hợp mọi nguồn lực của tổ chức nếu các bộ phận hoạt động nhịp nhàng không?;
- Có ý thức về khai thác giải quyết các rủi ro và trôi dạt nội với sở thanh công trong việc đạt được các mức tiêu kinh doanh hay không?;
- Ban quản lý có xác định, phân tích, và quản lý được các rủi ro này không?

Các hoạt động kiểm soát vận hành

- Ban quản lý có nhận ra và thực hiện được các chính sách và quy trình nhằm đảm bảo thực hiện hữu hiệu những hoạt động mà mình đã xác định các can thiệp để khắc phục rủi ro và trôi dạt nội với việc đạt được mức tiêu kinh doanh hay không?;

Thông tin và truyền thông liên lạc

- Các báo cáo được soạn ra có đầy đủ các nội dung cần những hoạt động nội nội và nội ngoại, các nội kiện và sở kiện cần thiết để đưa những quyết định kinh doanh những năm và báo cáo cho các nội tại bên ngoài hay không?;
- Con người trong tổ chức có khai thác nắm bắt và trao đổi được thông tin mà họ cần để tiến hành, quản lý và kiểm soát sở vận hành hay không?;
- Liệu lượng thông tin có được thông suốt theo mỗi chiều trong khắp tổ chức không; nếu biết, liệu mỗi nhân viên có cách để truyền đạt những thông tin quan trọng lên cấp trên hay không?;
- Nhân viên có hiểu vai trò của mình trong hệ thống kiểm soát nội bộ hay không, cũng như những hoạt động của tổng cái nhân gắn với công việc của người khác như thế nào?.

Giám sát

- Toàn bộ hệ thống kiểm soát có được giám sát để đảm bảo giải quyết lỗi khi kết quả hoạt động của hệ thống theo thời gian hay không, với sở hỗ trợ của những chỉ tiêu kết quả hoạt động có thể đo lường được, nếu có thể?
- Những khiếm khuyết nội bộ có được báo cáo lên trên không, và những vấn đề nghiêm trọng có được trực tiếp báo cáo lên giới lãnh đạo cao nhất không?;

- Có những hình giải riêng, nội lập về hệ thống kiểm soát nội bộ không.

Mặc dù theo COSO, kiểm soát nội bộ chỉ nằm bao gồm một cách tổng nội, chứ không phải tuyệt nội, nội phân định rõ ràng vai trò của các nội tổng khác nhau: ban quản lý ở mỗi cấp phải trực tiếp chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc hoặc một tổ chức tổng nội trong khu vực công phải đưa ra hướng dẫn và giám sát. Chức năng kiểm toán nội bộ không có trách nhiệm thiết lập và duy trì kiểm soát nội bộ Các nhà kiểm toán nội bộ phải nắm giữ hiểu biết của hệ thống kiểm soát. Các nội tại bên ngoài (kiểm toán bên ngoài, các cơ quan quản lý lập pháp, xã hội dân sự) có thể có những ảnh hưởng gián tiếp nâng cao kiến thức kiểm soát nội bộ của tổ chức, nhưng không chịu trách nhiệm về quá trình nội Trách nhiệm kiểm soát hoàn toàn thuộc về ban lãnh đạo ở mỗi cấp.

Kết luận

Khuôn khổ COSO cung cấp cho các nhà quản lý một công cụ tổng nội toàn diện để quản lý và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong một môi trường hiện tại. Nội môi trường tầm nhìn của ban quản lý ra ngoài phạm vi của kiểm soát truyền thống, để giải quyết những vấn đề thuộc "phần mềm" trong kiểm soát. Kiểm soát nội bộ trước đây thường tập trung vào kiểm soát "cứng", nhờ những quy trình, chính sách, thủ tục, và cấu trúc tổ chức chính thức. Kiểm soát hiện tại còn bao hàm cả những vấn đề "phần mềm" không mang tính chiến lược, nhờ những giải pháp chung, năng lực, lòng tin, sự lãnh đạo mạnh mẽ tính cốt lõi môi trường văn hóa, và những tiêu chuẩn về đạo đức.

Do đó khuôn khổ này có thể cung cấp cho các nhà quản lý một phương pháp luận để làm tăng năng lực giải quyết của tổ chức, và trong thời, thoải mái những yêu cầu của quản lý hiệu quả.



Lịch trình công bố các chuẩn mực kế toán và kiểm toán của Việt Nam

Các chuẩn mực kế toán của Việt Nam	Các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam
Giai đoạn 1: 4 chuẩn mực sẽ được công bố vào năm 2001: <ul style="list-style-type: none">- Hàng tồn kho- Tài sản cố định hữu hình;- Tài sản cố định vô hình;- Doanh thu và thu nhập khác.	Giai đoạn 1: 4 chuẩn mực đã được công bố vào năm 1999: <ul style="list-style-type: none">-CM 200 - Mục tiêu và nguyên tắc cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính;-CM 210 - Hợp đồng kiểm toán;-CM 230 - Hồ sơ kiểm toán;-CM 700 - Báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài chính.
Giai đoạn 2: 6 chuẩn mực sẽ được công bố vào cuối năm 2001: <ul style="list-style-type: none">- Chuẩn mực kế toán chung;- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;- Hợp đồng xây dựng;- Chi phí đi vay;- Ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ giá hối đoái;- Thuê tài sản.	Giai đoạn 2: 6 chuẩn mực đã được công bố vào quý IV/ 2000: <ul style="list-style-type: none">-CM 250 - Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định;-CM 310 - Hiểu biết tình hình kinh doanh;-CM 500 - Bằng chứng kiểm toán;-CM 510 - Kiểm toán năm đầu tiên;-CM 520 - Quy trình phân tích;-CM 580 - Báo cáo của giám đốc.

Các chuẩn mực kế toán của Việt Nam	Các chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam
<p>Giai đoạn 3: 6 chuẩn mực sẽ được công bố vào năm 2002:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản dự phòng và những biến cố xuất hiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán; - Hạch toán thuế thu nhập; - Hạch toán đầu tư; - Hạch toán vốn góp; - Lợi nhuận trên cổ phần; - Báo cáo tài chính hợp nhất và Hạch toán đầu tư tại các chi nhánh. 	<p>Giai đoạn 3: 7 chuẩn mực đang trong quá trình hoàn tất để công bố vào năm 2001:</p> <ul style="list-style-type: none"> -CM 240 - Gian lận và sai sót; -CM 300 - Kế hoạch kiểm toán; -CM 400 - Đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ; -CM 530 - Chọn mẫu kiểm toán; -CM 540 - Kiểm toán các ước tính kết toán; -CM 570 - Doanh nghiệp hoạt động liên tục -CM 610 - Sử dụng kết quả kiểm toán nội bộ.
<p>Giai đoạn 4: Các chuẩn mực sẽ công bố trong năm 2002 đến 2003:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các báo cáo tài chính; - Lợi nhuận hoặc lỗ ròng, Các sai sót căn bản và thay đổi trong chính sách kế toán; - Báo cáo các thông tin tài chính theo từng bộ phận; - Soạn thảo các báo cáo tài chính giữa năm; - Kế toán các bên có liên quan; - Trình bày các báo cáo tài chính của ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự; - Thông tin phản ánh tác dụng của thay đổi giá cả; - Báo cáo tài chính trong nền kinh tế lạm phát; - Ngừng hoạt động; - Tổn thất tài sản; - Những tài sản không dự tính trước được và dự phòng về nợ. 	<p>Giai đoạn 4: Các chuẩn mực sẽ công bố trong năm 2001 và 2002:</p> <ul style="list-style-type: none"> -CM 220 - Kiểm tra chất lượng trong hợp đồng kiểm toán; -CM 230 - Tính trọng yếu; -CM 401 - Kiểm toán trong môi trường tin học; -CM 510 - Bằng chứng kiểm toán - Kiểm tra các hạng mục cụ thể; -CM 560 - Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ; -CM 600 - Sử dụng kết quả của những kiểm toán viên khác.



Thực hiện một Hệ thống quản lý Tài chính tích hợp (HTQLTCTH)

Các trường hợp điển hình

Hệ thống quản lý tài chính tích hợp này được áp dụng ở một số nước với những mức độ thành công khác nhau. Trong phụ lục này, trước hết chúng ta sẽ xem xét những yếu tố góp phần vào việc thực hiện một cách hữu hiệu và có hiệu quả HTQLTCTH, sau đó sẽ xem xét các trường hợp cải cách trong trách nhiệm tài chính với sự tham gia của HTQLTCTH. Dưới đây là những yếu tố then chốt.

Cấu thành của một HTQLTCTH

Một HTQLTCTH bao gồm một loạt những tiêu hệ thống có liên quan nhằm lập kế hoạch, xử lý và báo cáo về các nguồn lực, công việc theo các thuật ngữ tài chính. Các tiêu hệ thống cơ bản thông thường bao gồm: kế toán, ngân sách, quản lý quy định quản lý nội bộ, và kiểm soát nội bộ có liên quan. Các tiêu hệ thống này có khả năng trao đổi thông tin một cách dễ dàng và chia sẻ những số liệu được sử dụng chung.

Lý do cần có HTQLTCTH

Một HTQLTCTH cung cấp cho những người ra quyết định một loạt các công cụ để hỗ trợ:

- việc kiểm soát tổng chi tiêu và thâm hụt;
- ưu tiên hoạt động các chiến lược các chỉ tiêu cho các chính sách, chương trình và đối tượng nhằm đạt hiệu quả phân bổ và công bằng;
- sử dụng tốt hơn các nguồn ngân sách, tức là cần phải có kết quả và tạo ra

các nhà ra với mức chi phí thấp nhất có thể được.

Khi các hệ thống thông tin được thực hiện nhờ những cấu thành của các đơn vị riêng rẽ nhằm đáp ứng những nhu cầu cụ thể không có sẵn nhất nên mối quan hệ qua lại giữa những người sử dụng và người thu hưởng, những hệ thống tạo ra thông tin rồi rồi và mạnh mẽ. Do các nhà tổ chức nên thiết lập một hệ thống thông tin dựa trên máy tính hiện nay, nên tích hợp là một yêu cầu, chứ không chỉ là một lựa chọn. Những hệ thống không tổng thích hoặc trung lập sẽ gây lãng phí và kém hiệu quả và sẽ không đưa ra được những thông tin mà chính phủ cần để quản lý một cách hiệu quả.

Theo thông lệ việc kiểm soát là lý do chi phối, nếu không phải là duy nhất, nên xây dựng một HTQLTCTH. Sự kiểm soát này sẽ luôn là trọng tâm. Tuy nhiên, nên đặt được ba mục tiêu kết quả hoạt động như sau, nếu cần bản phải có một HTQLTCTH hỗ trợ cho những quyết định của người thu hưởng tin và cho phép gắn kết các thông tin về chi phí, đưa ra, và kết quả. Việc phân cấp giữa các cấp chính quyền cũng nên bắt đầu quan trọng của một HTQLTCTH thích hợp.

Thực hiện HTQLTCTH:

Việc thiết lập thành công một HTQLTCTH hoạt động được hiệu quả phụ thuộc vào một số yếu tố cần bản:

- Nội phải được xem xét trong bối cảnh xây dựng thể chế và các chính sách riêng lẻ;
- Bởi nhà tiên hành nhà được sẽ tích hợp là xây dựng một khuôn khổ khai niệm của người thu hưởng tin quan trọng và một mạng hệ thống hỗ trợ cho quản lý tài chính. Trong nội bộ gồm phân tích những quá trình hoạt động và những yêu cầu thông tin cần bản;
- Vì tính hoạt động và nên then chốt: lợi ích thu được từ các hệ thống máy tính sẽ phụ thuộc vào mức độ thành công trong việc có những quá trình hoạt động cần bản, khuôn khổ quy chế và cơ cấu tổ chức.
- Việc thực hiện thành công một mạng hợp nhất gồm các hệ thống thông tin phụ thuộc phần lớn vào sự hợp tác giữa những người sử dụng khác nhau;
- Số cần bộ kỹ thuật và những kỹ năng cần thiết nên thiết lập những hệ thống nhỏ và rất năng lực;
- Tích hợp toàn phần, cần được chia thành các giai đoạn theo thời gian, bởi vì có thể lựa chọn những mục tiêu kết hợp tổng phần khác nhau;

Việc xây dựng một HTQLTCTH đòi hỏi thời gian và nguồn lực đáng kể và cần được coi là một quá trình lâu dài. Thông thường, cách làm theo tổng mô hình này là thích hợp, vì hầu hết các yếu tố của một hệ thống hoàn chỉnh nếu tồn tại dưới một hình thức nào đó thì mọi người. Một số người có thể coi khai thác tài nguyên sử dụng phần triển của công nghệ thông tin nên tiến tổng nên

nhanh từ hệ thống thuế công hiện tại sang hệ thống tối ưu và hợp nhất. Song tối ưu hoá sẽ không giải quyết được những vấn đề liên quan đến cơ cấu và thiếu kỹ công từ phía những người thực hiện.

THỰC HIỆN MỘT HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TÍCH HỢP

I. Trường hợp của Guatemala

Chính phủ Guatemala đã khởi xướng một chương trình tổng thể về cải cách khu vực công nhằm mục đích tăng thu thuế và cải thiện năng lực thể chế của chính phủ trung ương. Một yếu tố then chốt trong chiến lược cải cách là thực hiện thành công một Đổi mới Quản lý Tài chính tích hợp.

Đổi mới bắt đầu từ tháng 4-1996 với trị giá 10,5 triệu US\$ là giai đoạn 1 của một loạt các biện pháp nhằm thiết kế nhằm nâng cao trách nhiệm tài chính công trong nước. Việc thực hiện đổi mới đã kết thúc một cách thành công. Giai đoạn 2, bắt đầu vào tháng 11-1998, trị giá 18 triệu US\$, nâng mức thực hiện, và hiện nay được sang năm cuối cùng, môi trường cho giai đoạn 3.

Chiến lược

Những vấn đề tồn tại chính nước xảy ra trong quản lý tài chính khu vực công ở Guatemala là hệ thống tập trung hoá và quá lỏng lẻo, khiến cho ngân sách thực hiện thường khác xa so với ngân sách do quốc hội phê chuẩn, gây thiếu hụt nghiêm trọng trong chi tiêu theo kế hoạch, và những tồn tại nghiêm trọng về tinh thần trách nhiệm và tính minh bạch. Nếu khắc phục khiếm khuyết này, đổi mới cần tìm cách áp dụng một hệ thống quản lý tài chính công hiện đại trong những lĩnh vực chủ chốt của lập ngân sách, kế toán, quản lý quy định quản lý nội, kiểm toán và mua sắm. Đổi mới cần áp dụng cách tiếp cận tích hợp thông qua một cơ sở dữ liệu nước chia sẻ chung, và thiết lập một hệ thống công nghệ thông tin có khả năng truyền dữ liệu giữa các tiêu hệ thống.

Sơ duy trì các nguyên tắc tập trung hoá và phi tập trung trong thực hiện, đổi mới sẽ tạo nhiều kiến chuyển giao trách nhiệm tài chính cho các bộ chủ quản. Bộ Tài chính và Văn phòng Tổng Kiểm sát sẽ đóng vai trò hỗ trợ những công cụ chủ chốt như tiếp quản bộ hoạt động tài chính của Chính phủ và nắm bắt tính trung thực của các hoạt động nước phân cấp.

Các bộ chủ quản nắm nhiệm vụ kiểm soát hoạt động nhiều hơn nữa với ngân sách của mình, với sự hỗ trợ của các Đơn vị Quản lý Tài chính nội bộ. Các đơn vị này sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện ngân sách, kế toán, mua

thầu, và quản lý quy hoạch Nông và Kiểm toán nội bộ riêng cũng sẽ được thiết lập. Các cuộc cải cách này được làm thí nghiệm đầu tiên ở 4 bộ và sau đó mở rộng ra những cơ quan chính phủ còn lại.

Các cấu thành của dự án

Dự án được thiết kế trong giai đoạn này nhằm tạo ra hàng loạt bước cải thiện nhanh chóng trong tập quản lý tài chính, bao gồm các cấu thành có liên quan với nhau sau đây:

- Một mức lương ngân sách mới và một quy định cầm nang ngân sách;
- Một hệ thống tài khoản mới, cùng với các cầm nang kế toán và các phần mềm đi kèm;
- Một hệ thống lập trình và lưu chuyển tiền hàng thẳng;
- Nông nghiệp hoá hệ thống thanh toán qua Kho bạc;
- Tổ chức lại toàn bộ hệ thống nấu thầu của chính phủ;
- Công nghệ thông tin mang tính sáng tạo dựa trên nền hoá;
- Cải cách pháp lý thông qua ban hành luật ngân sách, quản lý tài chính, báo cáo và long trung thực, hàng hoá và dịch vụ;
- Nạp vào trên 1600 công chức.

Trong giai đoạn hai, dự án sẽ mở rộng những cuộc cải cách này bắt đầu trong giai đoạn một, và theo đuổi những kết quả cải thiện về hiệu quả và minh bạch tài chính bằng cách:

- Cơ cấu lại Văn phòng Tổng Kiểm soát;
- Cải cách công tác quản lý nội và ngoài tổ công cộng;
- Mở rộng toàn bộ hệ thống quản lý tài chính tích hợp ra cho toàn bộ các cơ quan chính phủ thông qua việc cung cấp trang thiết bị máy tính và nạp vào cho các nông và quản lý tài chính này phân cấp.

Thành tựu đạt được

Với tất cả những cấu thành được tiến triển một cách thoả đáng, dự án tiếp tục hoạt động tốt. Cải cách trong quản lý tài chính kết hợp này được mở rộng ra cho 32 cơ quan trung ương và 5 cơ quan phân cấp. Việc lập ngân sách cho nhiều năm này được áp dụng và các chỉ tiêu kết quả thời hiện cũng được xây dựng. Luật nấu thầu mới này được soạn thảo, mở rộng cho hệ thống nấu thầu này tới. Một nghiên cứu chẩn đoán về Văn Phòng Tổng kiểm soát này kiến nghị nên sửa đổi lại cơ cấu và chức năng của văn phòng này, sửa đổi lại các tiêu chuẩn kiểm toán, soạn thảo một cầm nang kiểm toán mới, xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin cho kiểm toán bên ngoài, và thiết lập một

hệ thống quản lý nhân lực môi trường. Các cải cách trong quản lý nội của Chính phủ và nhà tổ công công cũng đang được tiến hành.

Các phải hoàn thiện các nước lại cần cũng nên thêm đổi mới, và đổi mới vẫn tiếp tục là một thành công lớn và nước lại làm chuẩn cho khu vực.

THỰC HIỆN MỘT HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TÍCH HỢP

II. Trường hợp của Bolivia

Chính phủ Bolivia cam kết thực hiện một quá trình tái quản bền vững trong công tác tài chính, đồng thời ban hành những tiêu chuẩn và hệ thống quản lý tài chính minh bạch cho hàng loạt các cơ quan nhà nước. Việc này sẽ cho phép Bolivia duy trì và củng cố các quy trình bao quát những lĩnh vực và các thành phố môi nước phân cấp.

Chiến lược

Nếu các nước các mục tiêu này, cần phải thiết lập một Hệ thống QLTCTH do các quản, các cơ quan, và thành phố nước phân cấp thực hiện. Hệ thống sẽ nước gắn với ngân sách quốc gia thông qua mạng Hệ thống QLTCTH trung tâm và do Bộ Tài chính vận hành.

Đồng thời, cần xây dựng chức năng kiểm toán công vững mạnh, coi phối hợp với các hàng kiểm toán tư nhân, nếu có thể liên tục xem xét và nâng giải hoạt động tài chính và tính trung thực trong các hoạt động do các cơ quan thuộc khu vực công thực hiện. Trong đó bao gồm thực hiện các tiêu chuẩn kiểm toán chuyên nghiệp thống nhất cho toàn bộ khu vực công, kiểm toán các hoạt động của chính quyền khu vực nước phân cấp và các thành phố xây dựng và thực hiện kiểm toán chống tham nhũng, bao quát các khoản chi và các hợp đồng lớn của nhà nước, và kiểm soát chất lượng của các tiêu chuẩn kiểm toán của khu vực tư nhân.

Cấu thành của dự án

Có 9 cấu thành của đổi mới, bổ sung và củng cố lại cho nhau.

- 1) Xây dựng một hệ thống quản lý tài chính hiện đại, tối ưu hoạt động và tích hợp cho chính quyền của 9 khu vực, các cơ quan và thành phố nước phân cấp. Các lĩnh vực chức năng tài chính chủ yếu sẽ nước thiết kế trên nền tảng của công nghệ thông tin, nhằm bảo kết hợp trong hoạt động, sao cho hệ thống sản phẩm cuối cùng sẽ cung cấp cho những người lãnh đạo trong

chính phủ và các chuyên viên kỹ thuật khai năng giám sát mỗi giai đoạn của quá trình quản lý tại chính công, từ khâu lập ngân sách, quản lý quy thành khoản và quản lý nội nên kế toán và giám sát chi tiêu.

- 2) Giảm hệ thống báo cáo ngân sách và tài chính tập trung với hệ thống tập trung nhằm mục đích báo cáo quyết toán quốc gia và giám sát này nêu chi tiêu công ôi cấp quốc gia. Cấu thành này con cho phép nhập số sách từ xa các nghiệp vụ chi tiêu nên ghi chép các biến chuyển trong ngân sách trên cơ sở trực tuyến.
- 3) Giảm các quy trình chuyển ngân quy công thông qua hệ thống ngân hàng tự nhận, cho phép phân bổ ngân sách hiệu quả hơn cho chính quyền quản và thành phố
- 4) Thực hiện một hệ thống quản lý tài chính tích hợp trung tâm và phân cấp thông qua công tác nào tạo thúc tiến về các hệ thống tài chính dựa trên công nghệ thông tin, và phương pháp cũ thể nên ứng dụng và hỗ trợ quản lý hành chính các hệ thống này trong mỗi cơ quan. Nếu hỗ trợ cho công tác trợ giúp kỹ thuật này, sẽ coi các hỗ trợ cấp vùng và quốc gia nên truyền bá những ứng dụng thích hợp, cách kiểm soát, quản lý các yêu cầu công khai, và quy trình tài chính nội bộ sử dụng trong các hệ thống quản lý tài chính tối ưu.
- 5) Cấu thành thời gian của đời an bao gồm chi phí hoạt động của các nền và đời an, bao gồm chi phí hành chính và chi phí cho các bộ quản lý đời an.
- 6) Tăng cường năng lực thể chế cũng nhờ môi trường phạm vi và loại hình kiểm toán công do Văn phòng Tổng Kiểm soát tiến hành. Cấu thành này sẽ cung cấp trợ giúp kỹ thuật nên tiếp tục tăng cường năng lực của Văn phòng trong các lĩnh vực a) nâng giải hoạt động kiểm toán của tổ nhận tiến hành cho các cơ quan nhà nước, b) thiết lập và thể chế hoá các quy trình nội với kiểm toán, nêu thầu và hệ thống mua sắm của khu vực nhà nước, c) xây dựng các kỹ năng kiểm toán chuyên nghiệp và tính bền vững về mặt tài chính nhằm nâng báo kiểm toán dài hạn. Cấu thành này rất quan trọng do nó sẽ truyền bá và thể chế hoá năng lực kiểm toán công của nhà nước trong các khu vực nội bộ phân cấp.
- 7) Cấu thành thời 7 tập trung vào các loại kiểm toán hoạt động, nhằm bổ sung cho kiểm toán tài chính truyền thống bằng cách tập trung vào việc thúc thi và kết quả hoạt động, bao gồm nâng giải các kết quả nào ra của hoạt động, và xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin kiểm toán. Việc này nên biệt quan trọng trong cơ cấu chính phủ nội bộ phân cấp.
- 8) Cấu thành thời 8 bao gồm xây dựng và ứng dụng các kỹ thuật kiểm toán nội tra (các phương pháp chứng tham nhũng và phát giác), giao diện với các kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động.

- 9) Cấu trúc thời 9 bao gồm các báo cáo về kế toán, kiểm toán và quản lý tài chính. Tầm cấu trúc trên nền tảng của cấu trúc này nhằm nhằm báo cáo truyền tải rõ ràng và duy trì lâu dài các quy trình kế toán, kiểm toán và quản lý hiện tại.

THỰC HIỆN CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TÍCH HỢP

III. Trường hợp của Pakixtan

Chiến lược

Chính phủ Pakixtan đã nhận thấy khi tiến hành môi trường nền kinh tế và đời sống các kiểm soát và quy chế sẽ phát sinh nhu cầu phải có các hệ thống quản lý tài chính hiện tại và nhiều hơn nữa. Thay vì can thiệp trực tiếp, chính phủ phải thiết kế những biện pháp ngăn chặn và tiến hành thích hợp nhằm nâng đỡ và thúc đẩy những việc thay đổi. Nếu có khả năng làm như vậy, chính phủ đã nhận thấy những nhu cầu phải có một loạt các công cụ hiện tại để cung cấp các thông tin tài chính này một cách chính xác và kịp thời.

Khi nhà nước có gắng thu hút đầu tư từ nước ngoài, các vấn đề về tính minh bạch và trách nhiệm rõ ràng nên có quan trọng hơn nữa trong bối cảnh của nền kinh tế toàn cầu. Nhất trí với tính cấp thiết trong các kiến nghị từ nghiên cứu chuẩn mực, chính phủ đã soạn thảo một tuyên bố chiến lược về báo cáo tài chính và kiểm toán tài chính. Trong tuyên bố này, chính phủ đã đưa ra những điểm như sau:

- áp dụng và thực hiện một hệ thống kế toán hiện tại để thiết kế theo những nguyên tắc và tiêu chuẩn kế toán quốc tế công nhận và đưa trên công nghệ thông tin hiện tại;
- thực hiện các cấu trúc nhiều hơn và khuôn khổ pháp lý cho chức năng kiểm toán độc lập và hữu hiệu;
- cải thiện năng lực chuyên môn của những bộ phận công chức chịu trách nhiệm quản lý tài chính công;
- tăng cường sử dụng khu vực tư nhân để hỗ trợ cho nguồn lực của khu vực công; và áp dụng các tiêu chuẩn mới cải thiện hệ thống khai tài chính tư nhân.

Nếu giải quyết các vấn đề trong kế toán và kiểm toán, chính phủ đã nhất trí áp dụng những thay đổi chính sách liên quan như:

- áp dụng các nguyên tắc và tiêu chuẩn kế toán mới cải thiện cho khu vực

- chính phủ
- giao trách nhiệm quyết toán chính phủ từ Tổng Kiểm toán sang cho các cơ quan hành pháp của chính phủ
- nâng cao tính độc lập, các tiêu chuẩn và năng lực kiểm toán chính phủ bao gồm việc sử dụng nhiều hãng kiểm toán tố nhân hơn cho tài chính của khu vực công;
- xây dựng kỹ năng và năng lực của cán bộ tài chính của chính phủ bao gồm sửa đổi lại việc quản lý nhân lực và các chính sách nhân tài.

Cấu thành của dự án

Dự án bao gồm các cấu thành cho quản lý tài chính khu vực công, gồm kế toán, kiểm toán, và phát triển thể chế hoạch định và quản lý chính sách kinh tế

Kế toán Chính phủ và báo cáo tài chính

Chính phủ đang xây dựng các tiêu chuẩn kế toán, các hệ thống báo cáo, và quy trình quản lý tài chính sao cho càng gần với các nguyên tắc quốc tế chấp nhận càng tốt. Do khối lượng các giao dịch tài chính lớn rất lớn và liên tục gia tăng, nên một hệ thống lưu giữ và xử lý số liệu kế toán và kiểm toán hoàn toàn thủ công cho Cục Kiểm toán Pakixtan không còn phù hợp trong việc cung cấp những loại thông tin theo yêu cầu của quản lý tài chính. Do nội dung tối ưu hoá mới nhất nên lưu trữ nhiều không tránh khỏi.

Kiểm toán của Chính phủ

Cấu thành này tập trung vào cải thiện hệ thống kiểm toán và phát triển hệ thống. Trong nội dung bao gồm: i) soạn thảo các hướng dẫn để áp dụng các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế áp dụng các kỹ thuật và khai niệm kiểm toán hiện tại; sửa đổi lại các chính sách, quy trình, sản phẩm, khối lượng công việc của Cục Kiểm toán Pakixtan, việc nắm bắt hiệu quả và chất lượng của chức năng kiểm toán; tăng cường thông tin liên lạc giữa Cục Kiểm toán với các nhà tài liên quan; và sử dụng các công cụ kiểm toán tối ưu và chương trình kiểm toán tiêu chuẩn để cải thiện việc trao đổi thông tin về kết quả kiểm toán và xây dựng các chương trình nắm bắt chất lượng.

Trong nội dung cũng bao gồm: cung cấp phần cứng và phần mềm kiểm toán cho việc lập kế hoạch, chọn mẫu, và lập hồ sơ kiểm toán, và tiến hành kiểm toán nói với các hệ thống kế toán tối ưu hoá và các nỗ lực xây dựng năng lực

nhằm hỗ trợ quá trình cải thiện quản lý nhân lực, thông qua báo cáo quốc tế trong môi trường hệ thống tài chính hiện nay và thông qua các cơ chế trao đổi hợp tác khác với Cơ quan Kiểm toán Tối cao.

Phát triển thể chế

Nếu áp dụng những cải thiện trên đây cho hệ thống quản lý tài chính, đời an sẽ giúp nở ra các chính sách quản lý nhân lực, tăng cường năng lực và quản lý tài chính, xây dựng Hệ thống Thông tin Quản lý (MIS) cho Cục Kiểm toán Pakixtan, và tối ưu hóa vận hành nhằm giúp thúc đẩy các công việc hàng ngày. Trong thời gian sẽ thiết lập các cơ chế quản lý đời an.